



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
 Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
 Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

Xã luận

## Giúp người Afghanistan xây dựng một quốc gia

Cuộc chiến tại Afghanistan đã không khó khăn cho Hoa Kỳ và các đồng minh như người ta lo ngại lúc ban đầu. Trong vòng hai tháng Hoa Kỳ vừa oanh tạc liên tục các vị trí của chính quyền Taliban vừa trang bị và huấn luyện cho đồng minh tại chỗ là Mặt trận Thống nhất Afghanistan, thường được gọi là Liên minh miền Bắc và vẫn còn được Liên hiệp Quốc và nhiều quốc gia thừa nhận. Sau đó là cuộc tổng công kích và quân Taliban đã tan rã nhanh chóng. Số phận của chế độ Taliban và của tên khủng bố Osama bin Laden mà nó che chở sẽ được định đoạt trong một thời gian ngắn.

Đây là một cuộc hành quân thắng lợi tiêu diệt bọn khủng bố ngay tại sào huyệt của chúng. Chiến dịch đã được mọi nước văn minh ủng hộ và được thực hiện một cách thông minh với đầy đủ phương tiện. Nhưng hơn một cuộc hành quân, biến cố này sẽ làm thay đổi một cách quan trọng bối cảnh thế giới trên nhiều mặt, trong đó ít nhất có hai điểm đặc biệt đáng chú ý.

Điểm thứ nhất là sự lên án dứt khoát mọi hành động khủng bố, bất kể để phục vụ cho cứu cánh nào. Đây là một thay đổi văn hóa và tâm lý rất quan trọng. Cho tới một ngày khá gần đây khủng bố vẫn có khía cạnh lăng mạn của nó. Những người đang cầm quyền trên thế giới hiện nay phần lớn đã sinh ra hoặc lớn lên trong thập niên 1960 trong đó những biểu tượng được ái mộ nhất là những lãnh tụ khủng bố : Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Che Guevara và Yassir Arafat. Dương kim thủ tướng Pháp, Lionel Jospin, là cựu đảng viên của một đảng công khai đề cao khủng bố

và lấy khẩu súng làm biểu tượng. Tổng thống Nga, Vladimir Putin, đã là một cán bộ cao cấp của KGB, một cơ quan mà một trong những sứ mạng chính là yểm trợ các tổ chức khủng bố.

Cùng với khủng bố, một khái niệm khác cũng đã bị xuống cấp : bạo lực. Ngay cả bạo lực cần thiết cũng đã bị phê phán, thậm chí phản đối. Trong chiều sâu, sự khuất từ khủng bố và bạo lực này là sự phủ nhận một triết lý tệ hại đã là nguyên nhân của nhiều thảm kịch, triết lý theo đó cứu cánh biện minh cho phương tiện. Một giá trị mới đang dần dần thể hiện, đó là đa nguyên, và điều kiện bắt buộc của đa nguyên là người ta không thể tự cho phép mình dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích.

Điểm quan trọng thứ hai là những biến cố tại New York và Afghanistan đã làm sáng tỏ hơn ý niệm quốc gia. Sự biểu lộ một cách tuyệt vời tinh thần liên đới và gắn bó của người Mỹ nói chung và nhân dân New York nói riêng thật đáng để suy nghĩ. Mỹ là một nước tạp chủng, New York là thành phố của đủ mọi loại người và chủng tộc, màu da, tôn giáo, văn hóa khác nhau. Tất cả đến đó để mưu tìm một cuộc sống sung túc, và một tài sản. Dẫu vậy, trong những giờ phút khó khăn họ đã coi nhau như anh em ruột thịt, tất cả đã đoàn kết sau lưng tổng thống Mỹ để bảo vệ nước Mỹ. Nước Mỹ là một quốc gia chân chính bởi vì người Mỹ chấp nhận chia sẻ với nhau một tương lai chung và mọi người cùng đứng lên khi tương lai chung đó bị đe dọa.

Ngược lại Afghanistan là một nước có lịch sử dài, có truyền thống chống

ngoại xâm oai hùng nhưng chưa phải là một quốc gia. Afghanistan là một thế giới riêng với vô số các bộ lạc và thủ lãnh sẵn sàng gây chiến với nhau. Yếu tố chế ngự của vùng đất này là một liên minh chặt chẽ giữa bạo lực và nghèo khổ, cái nọ duy trì và bảo vệ cái kia. Người Afghanistan có cùng một tôn giáo nhưng yếu tố tôn giáo đã không đủ để giúp họ hình thành với nhau một quốc gia. Hồi giáo, cũng như bất cứ một tôn giáo nào, không đủ để làm nền tảng cho một quốc gia. Trên thực tế khái niệm quốc gia đã ra đời tại châu Á vào thế kỷ 18 khi vai trò của tôn giáo suy giảm.

Quốc gia là một khái niệm tình cảm và trí tuệ nhưng cũng là một khái niệm hoàn toàn tràn thế, đó là sự chấp nhận xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung. Một quốc gia như thế chỉ có thể xây dựng trong hòa bình, trong sự chấp nhận lẫn nhau giữa những người trong nước để cùng mưu tìm sự thịnh vượng và khai thác những phúc lợi trong các trao đổi với phần còn lại của thế giới. Người Afghanistan rất giỏi chống ngoại xâm nhưng họ chưa bắt đầu xây dựng một quốc gia, và đó cũng là nguyên nhân chính cho những đau khổ mà họ đã phải gánh chịu.

Các nước phương Tây đã giúp người Afghanistan vứt bỏ ách thống trị man rợ của bọn Taliban. Giờ đây, bằng viện trợ tinh thần và vật chất, họ cũng phải giúp người Afghanistan xây dựng một quốc gia. Đó là điều kiện để có hòa bình và ổn vững trong vùng đất có vị trí chiến lược rất quan trọng này.

**Thông Luận**

## **Châu Âu tiến vào kỷ nguyên Euro**

**Nguyễn Văn Huy**

Một cách âm thầm nhưng chắc chắn, các quốc gia thuộc Liên hiệp châu Âu tiến dần tới việc xóa bỏ các đồng tiền quốc gia để sử dụng một đồng tiền thống nhất : đồng euro.

Biến cố này phải được ghi nhận với tất cả sự trọng đại của nó. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, một số quốc gia giàu mạnh nhất thế giới, nếu không muốn nói là những cường quốc kinh tế, tự nguyện xóa bỏ đồng tiền riêng của mình để sử dụng một đồng tiền thống nhất trong một thị trường chung. Đây cũng là một cuộc phiêu lưu đầy thách đố, chưa ai có thể lường hết những hậu quả tốt và xấu có thể có do sự xuất hiện của đồng euro mới này trên thế giới.

Về mặt kỹ thuật, euro là một tiến trình công phu, nhưng đầy khôn ngoan, để giải thể các đồng tiền quốc gia mà không gây ra những xáo trộn nội bộ quan trọng. Về mặt chiến lược, euro là sự củng cố vai trò lãnh đạo của châu Âu, cạnh tranh nhưng cùng hợp tác với Hoa Kỳ, trong thế kỷ mới.

### **Tiến trình giải thể các đồng tiền quốc gia**

Ước muốn có một bản vị trao đổi thống nhất giữa các quốc gia không phải mới đây, nó đã bắt nguồn từ khi xã hội loài người bắt đầu biết trao đổi. Các đế quốc lớn như Ai Cập, La Mã và Trung Hoa từ thời xa xưa đã từng áp dụng đồng tiền thống nhất trong các lãnh thổ dưới quyền cai trị của mình, nhưng đây là sự áp đặt của giới cầm quyền chứ không phải do ý nguyện tự phát của những quốc gia bị đặt dưới sự lệ thuộc. Khi các đế quốc tan rã, mỗi quốc gia đã đúc các đồng tiền riêng để trao đổi. Thật ra sự phát minh ra một bản vị trao đổi thống nhất chỉ xuất hiện trong các xã hội phát triển ; bắt cứ xã hội hùng mạnh nào cũng muốn lấy bản vị của mình làm phương tiện trao đổi chung để giản dị hóa việc giao dịch.

Đồng đô la Mỹ là một ngoại lệ. Một

cách khôi hài nhưng là sự thật, Hoa Kỳ là nạn nhân của sự phồn vinh của mình. Nhiều quốc gia đã không ngần ngại đặt kim bảng vị của quốc gia mình trong hệ thống đồng đô la, đó là trường hợp của các quốc gia châu Mỹ, Đông Nam Á và Cận Đông. Tuy không nói ra, đồng đô la Mỹ đang giữ vai trò độc tôn trong các trao đổi quốc tế. Do đó, bất cứ một trào lưu nào của nền kinh tế Hoa Kỳ đều có ảnh hưởng đến toàn bộ sinh hoạt của thế giới.

Sự thật này không làm hài lòng các quốc gia trong Liên hiệp châu Âu, đồng minh của Hoa Kỳ. Các đồng bảng Anh, Đức mà quan Pháp, tuy là những bản vị mạnh trên thương trường quốc tế nhưng không thể đứng ngang hàng với đồng đô la Mỹ và thuộc vào đồng đô la Mỹ. Sự ra đời của đồng euro ngày 1-1-1999 chính vì thế là một giải đáp cho Liên hiệp châu Âu thoát khỏi sự lệ thuộc vào đồng đô la Mỹ và chia sẻ ngôi vị lãnh đạo thế giới.

Tuy vậy, từ bỏ đồng tiền quốc gia không phải là một quyết định dễ dàng. Trong giai đoạn đầu, đồng euro chỉ chính thức lưu hành tại 11 trên tổng số 15 quốc gia trong Liên hiệp châu Âu, gọi chung là khối Euroland, đó là Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Lục Xâm Bảo, Ý, Ái Nhì Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Áo, ngày 1-1-1999, và Hy Lạp ngày 1-1-2000. Ba quốc gia còn lại là Anh, Đan Mạch và Thụy Điển chưa thể áp dụng trong một tương lai gần.

Lịch trình hoán chuyển đồng tiền quốc gia sang đồng euro rất là phức tạp. Theo đó, từ ngày 4-1-1999 đồng Euro "hư cấu" thay thế mọi đồng tiền quốc gia trong các trao đổi chứng khoán và ngoại tệ ; từ ngày 1-7-2001 các ngân hàng chỉ phát hành chi phiếu bằng đồng euro. Ngày 1-1-2002 đồng euro "cụ thể" sẽ chính thức xuất hiện và thay thế các đồng tiền quốc gia cho đến hết ngày 28-2-2002. Sau ngày định mệnh này, các đồng tiền quốc gia sẽ bị loại ra khỏi mọi trao đổi, tất cả sẽ chính thức khai tử ngày 30-6-2002.

Trị giá của mỗi đồng tiền quốc gia trong khu vực euro (Euroland) được tính toán rất khác nhau tùy theo trọng lượng GDP của từng quốc gia, như tỷ lệ lạm phát (không được quá 1,5%), thâm thuỷ ngân sách (không được quá 3%), nợ công cộng (không được quá 60% GDP), tỷ lệ hoán đổi ngoại tệ (không được thay đổi trong vòng hai năm), lãi suất dài hạn (không được quá hai điểm trên mức lạm phát cho phép). Quốc gia nào vi phạm sẽ bị một hội đồng kiểm soát trung ương cảnh cáo hoặc phạt vạ.

Việc ấn định số lượng đồng euro cho từng quốc gia lại càng phức tạp hơn nữa. Tùy theo trọng lượng của GDP từng quốc gia mà trị giá và số lượng đồng euro được cho phép phát hành. Tổng số lượng tiền giấy được phát hành là 14,5 tỷ tờ giấy bạc, trong đó 10 tỷ tờ được tung ra thị trường ngay trong 15 ngày đầu tiên của năm 2002 và 4,5 tỷ tờ khác được lưu trong các kho bạc. Tổng số lượng tiền kim khí là 50,629 tỷ đơn vị. Mỗi quốc gia được giao quyền phát hành số lượng tiền giấy và tiền kim loại cho riêng mình, đương nhiên có sự giám sát gắt gao của Ngân hàng Trung ương châu Âu.

Việc phát hành các loại tiền cũng tốn mất nhiều thời gian tranh luận mới tiến tới một đồng thuận chung. Các loại tiền giấy đều giống nhau cho tất cả quốc gia Euroland, gồm 7 loại giấy bạc : các tờ 5, 10, 20, 50, 100, 200 và 500 euro. Tiền kim khí có ba loại, loại bạc lẻ bằng đồng đỏ (1, 2 và 5 cents), bạc chục lẻ bằng thau (10, 20 và 50 cents) và bạc chẵn bằng bạc mạ vàng (1 và 2 euro) ; mặt ngửa in trị giá đồng tiền (giống nhau cho tất cả quốc gia) và mặt sấp in những nét tiêu biểu của từng quốc gia.

Việc phân phối đồng euro tới từng địa điểm phát hành đòi hỏi một sự chuẩn bị kỹ lưỡng và chu đáo. Từ tháng 9-2001, các lực lượng quân đội, cảnh sát và cơ quan an ninh địa phương được huy động để bảo vệ các đoàn xe chuyên chở đồng euro trong bí mật. Cho đến nay chỉ xảy ra chừng mực vụ chặn xe cướp tiền, mất trên một triệu euro.

Mỗi quốc gia phải tự tiến hành chiến dịch thông tin để giáo huấn quần chúng một cách qui mô trên các phương tiện truyền thông và chương trình giáo dục về cách sử dụng đồng euro để không

gây xáo trộn sinh hoạt xã hội sau ngày 1-1-2002. Các loại sách giáo khoa, các giáo trình toán phải chuẩn bị ghi bằng đồng euro cho học sinh ...

### Vai trò của đồng euro trong thế giới toàn cầu hóa

Euro là một biến cố trọng đại nhất từ khi loài người biết tổ chức thành những quốc gia. Chưa bao giờ nhiều quốc gia giàu có nhất thế giới, đã từng có quá khứ xung đột và thù nghịch lẫn nhau, tự nguyện xóa bỏ mọi khác biệt giữa các quốc gia để chia sẻ cùng một tương lai chung. Ước nguyện này đã được nuôi dưỡng trong suốt hai cuộc đại chiến đẫm máu nhất trong thế kỷ 20 và được khai sinh bởi hai quốc gia cựu thù địch lẫn nhau là Pháp và Đức, hai cột trụ trong Liên hiệp châu Âu. Hiệp ước hợp tác đầu tiên là sự thành lập Cộng đồng châu Âu về Than đá và Thép (CECA) ngày 18-4-1951, để rồi trong suốt 50 năm sau nhiều hiệp ước hợp tác khác được ký kết giữa các quốc gia Tây Âu khác, ngày nay là Liên hiệp châu Âu, trong mục đích loại trừ những khác biệt để sống chung trong hòa bình và chia sẻ một tương lai chung.

Từ đầu thập niên 1980 tới nay tiến trình thống nhất châu Âu gia tăng vân tốc với sự gia nhập của nhiều quốc gia thành viên khác. Liên hiệp châu Âu ngày nay gồm 15 quốc gia rộng 3 242 331 km<sup>2</sup>, với hơn 370 triệu dân, lợi tức bình quân đầu người 19 500 USD/năm và tỷ lệ tăng trưởng khoảng 2%, đứng hàng thứ ba trên thế giới về dân số và thứ hai về sức mạnh kinh tế. Nếu không có gì thay đổi, Liên hiệp châu Âu sẽ có thêm nhiều hội viên mới, phần lớn là những quốc gia thuộc khối Đông Âu cũ, nâng tổng số quốc gia thành viên lên thành 27 thay vì 15 như hiện nay.

Trong nội bộ Liên hiệp Châu Âu, nhiều hiệp ước tiến tới thống nhất về kinh tế, giao thông đã được ký kết từ đầu thập niên 1990. Đó là giải tỏa mọi giới hạn di chuyển nguồn tư bản giữa các quốc gia thành viên qua hiệp ước kinh tế và tiền tệ ký năm 1989 ; bãi bỏ mọi kiểm soát vùng biên giới giữa các quốc gia Đức, Bỉ, Pháp, Lục Xâm Bảo và Hòa Lan qua Hiệp ước Schengen

năm 1990 ; qui định sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia hội viên về kinh tế, tiền tệ, ngoại giao, an ninh, tư pháp và nội vụ qua Hiệp ước Maastricht năm 1992 và việc thành lập hệ thống các ngân hàng trung ương của mỗi quốc gia thành viên và ngân hàng trung ương châu Âu qua hiệp ước Bruxelles năm 1998 để quản trị đồng euro thống nhất.

Xây dựng một đồng tiền thống nhất để làm gì ? Đó là câu hỏi mà những người hoài nghi đặt ra. Đồng Đức mã, đồng bảng Anh và đồng quan Pháp là những chỉ tệ mạnh trên thương trường quốc tế và mỗi đồng tiền có một hậu thuẫn riêng. Nhưng nhiều quá hóa nhảm, các chỉ tệ này tuy được sự tín nhiệm lớn nhưng nếu cộng chung lại vẫn yếu so với đồng đô la Mỹ. Theo nhận định của một số chuyên gia tài chính quốc tế, nếu các quốc gia giàu có nhất châu Âu hợp lại thành một khối thống nhất, trọng lượng về kinh tế và tài chính của toàn khối chỉ có thể bằng hoặc hơn Hoa Kỳ chứ không thua. Chính vì thế khi ấn định tỷ giá đồng euro, giới chuyên gia tại Bruxelles ra chỉ số một euro bằng 1,2 USD, nhưng cho tới nay tỷ suất này chưa bao giờ đạt tới. Ngay khi vừa tuyên bố sự ra đời của đồng euro đầu năm 1999, nó luôn luôn bị lép vế trước đồng đô la Mỹ, mặc dù đã áp đảo một số chỉ tệ khác như đồng quan Thụy Sĩ, đồng yen, nhưng chưa bao một euro vượt quá 0,91 USD, nghĩa là luôn luôn dưới đồng đô la từ 20 đến 24% thay vì ngược lại như trên lý thuyết.

Hoa Kỳ và Liên hiệp châu Âu là hai đối thủ có cùng trọng lượng kinh tế và tài chính, ai cũng muốn giành cho mình vai trò lãnh đạo thế giới nhưng lại không muốn chia sẻ ngôi vị độc tôn này với các thế lực khác. Do đó đối tác và là đối thủ tự nhiên của Liên hiệp châu Âu là Hoa Kỳ và ngược lại. G7 được khai sinh ra không ngoài mục đích đó. Hoa Kỳ (và những đồng minh kinh tế của mình là Nhật Bản, Gia Nã Đại, Úc và Tân Tây Lan) cần Liên hiệp châu Âu, và ngược lại. Các quốc gia còn lại chỉ là phụ thuộc hay lệ thuộc hai khối kinh tế này, không có họ Hoa Kỳ và Liên hiệp châu Âu vẫn có thể sinh hoạt và nương tựa lẫn nhau mặc dù không ưa nhau.

Dối đầu nỗi với Hoa Kỳ không ? Đó là một dấu hỏi lớn. Phải chờ và xem.

Quốc gia có thể làm nghiêm cản cân trọng lượng giữa Hoa Kỳ và Liên hiệp châu Âu hiện nay là Anh Quốc. Tuy về địa lý là một quốc gia trong Liên hiệp châu Âu nhưng tâm hồn người Anh thuộc về Hoa Kỳ. Một khi đồng bảng Anh quyết định gia nhập Euroland và làm tăng trọng lượng của đồng euro, đồng đô la Mỹ có thể mất ngôi vị độc tôn. Nhưng khỏi Liên hiệp Anh (Commonwealth) đang sử dụng hai loại chỉ tệ mạnh, đồng bảng Anh và đồng đô la Mỹ, quyết định ngả theo đồng euro của Anh Quốc sẽ làm tan rã khối này. Sự chần chừ chưa tham gia vào khu vực euro của Anh không ngoài lý do đó, mặc dù tỷ lệ trao đổi giữa Anh Quốc và Hoa Kỳ thấp hơn tỷ lệ trao đổi giữa Anh Quốc và các quốc gia khác trong Liên hiệp châu Âu. Sự gắn bó của Anh Quốc với Hoa Kỳ có những lý do tình cảm và lịch sử lâu dài, không thể một sớm một chiều mà quan hệ này thay chiều đổi hướng nghịch với truyền thống đó. Ngược lại Hoa Kỳ cũng có lá tẩy để lật ngược thế cờ, đó là Nhật Bản. Từ lâu đời đồng Yen luôn được sự bao che của đồng đô la Mỹ, nếu đồng đô la Mỹ bị suy yếu trước đồng euro, chắc chắn Nhật Bản sẽ không đứng yên khoanh tay nhìn đồng đô la bị yếu thế, vì đồng yen sẽ yếu theo.

Chính sách chung giữa Liên hiệp châu Âu và Hoa Kỳ là duy trì vị trí lãnh đạo nền kinh tế thế giới qua lăng kính toàn cầu hóa. Các công ty và xí nghiệp tư trong các ngành sản xuất và dịch vụ lớn của mỗi khối đang kết hợp lại thành những tổ hợp lớn hơn để củng cố vai trò độc tôn trong những sinh hoạt kinh tế và dịch vụ quan trọng nhất của thế giới trong thế kỷ mới. Do đó sự vượt trội của đồng đô la trên đồng euro, hay ngược lại không làm đảo ngược ước muốn sống chung này giữa hai khối ít nhất trong một thời gian dài, trừ khi có một cuộc đại chiến giữa hai khối, một điều khó có thể xảy ra.

Xét cho cùng, trong những ngày sắp tới, những trao đổi quốc tế chỉ có thể xoay quanh hai chỉ tệ mạnh : đồng đô la Mỹ và đồng euro. Những chỉ tệ khác chỉ là phụ thuộc cho dù Trung Quốc và Nga có thể trở thành những cường quốc kinh tế mới.

**Nguyễn Văn Huy**

# Hội nghị Doha mở một giai đoạn toàn cầu hóa mới

Vụ khủng bố 11-9 đã có những ảnh hưởng mâu thuẫn trên tiến trình toàn cầu hóa. Một mặt, nó đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế Huê Kỳ trầm trọng thêm, từ đó gây nhiều khó khăn cho hầu hết thế giới : 11-9 đã giảm tốc sự tăng trưởng của các nước Âu châu, hoãn lại sự bình phục của các nước Á châu và cản trở sự phát triển của một số nước Phi châu. Tuy nhiên, bởi vì biến cố 11-9 chỉ tác động trực tiếp đến hai địa hạt nhứt định là hàng không và bảo hiểm, người ta có thể tiên đoán là các hậu quả sẽ tan biến nhanh chóng khi mà tinh thần của người dân trở lại bình thường. Có những nhà phân tích còn tin rằng một số quốc gia sẽ phục hồi sớm hơn là người ta dự trù cách đây một tháng, một phần do chính sách kích thích tiêu thụ của các chính phủ Huê Kỳ và Tây Âu, nhưng chủ yếu vì một số chủ nhân đã tiên liệu những hậu quả của 11-9 và cải tổ các công ty.

## Mâu thuẫn quyền lợi đơn thuần

Mặt khác, bi kịch 11-9 cũng đã giảm bớt thái độ hung hăng của các phong trào phản toàn cầu hóa. Đây cũng là một cách thừa nhận rằng chiêu bài chống toàn cầu hóa đã đổi với tinh thần bài Mỹ trong quá nhiều trường hợp. Lần đầu tiên từ hội nghị Seattle cách đây hai năm, một buổi họp quốc tế đã không bị bọn phản toàn cầu hóa quá khích phá rối. Không có những thành phần này, các cuộc thảo luận của hội nghị Tổ chức Thương mại Thế giới tại Doha, nước Qatar, mới đi tách cách xung đột ý hệ - nghĩa là phi lý và tiêu cực - của những buổi họp quốc tế trước, từ Seattle đến Praha, Bangkok, Göteborg, Québec, Genoa, v.v. Những cuộc tranh cãi ở Doha phá vỡ hình ảnh đơn giản của một thế giới chia thành hai phe giàu nghèo thuần nhứt. Người ta đã thấy các nước trên đường phát triển hợp sức với những tập đoàn đa quốc gia để chống lại những chuẩn mực xã hội mà các nghiệp đoàn Tây Âu chủ trương. Các nước miền Nam còn chống lại nào là bản quyền sở hữu được phẩm, nào là những đạo luật về môi trường mà họ cho là một phương thức giả trang để bảo vệ thị trường.

Nhưng nếu Ba Tây đã kết hợp với Ấn Độ để chống lại Huê Kỳ và Thụy Sĩ trong lãnh vực dược phẩm, hai nước Mỹ châu đã lại gặp nhau trên lập trường xem nông sản như bất cứ một hàng hóa nào khác. Huê Kỳ và Nhóm Cairns [1] chống những trợ cấp của Liên hiệp Âu châu. Liên hiệp Âu châu phản công bằng cách tố giác những trợ cấp ngụy trang của Huê Kỳ dưới các hình thức cứu trợ khẩn cấp, giúp đỡ xuất khẩu, v.v. Đồng thời họ cũng cố gắng bình vực cách nhìn tổng quát của họ về nông nghiệp, gồm có các khía cạnh quy hoạch lánh thổ và giữ gìn phong cảnh, một loại quan niệm văn hóa về nông nghiệp vậy ! Trong khi đó thì các nước miền Nam chỉ muốn được mở cửa thị trường một cách hoàn toàn tự do về mặt quan thuế cùng như ... vệ sinh y tế.

## Thắng lợi của các nước trên đường phát triển

Hội nghị Doha đã đạt đến một số kết quả thỏa đáng bởi vì các đại biểu đã được để yên để đề cập đến các vấn đề theo đúng bản chất của chúng, nghĩa là những mâu thuẫn quyền lợi thuần túy, có thể và phải được giải quyết bằng cách mặc cả và thỏa hiệp. Các nước trên đường phát triển đã được thỏa mãn về vấn đề bản quyền được phẩm. Lời mào đầu của Thỏa ước về những Quyền Sở hữu Kỳ nghệ Liên quan đến Thương mại thừa nhận rằng "không có gì có thể cấm các nước thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới lấy những biện pháp để bảo vệ y tế công cộng". Chẳng những thế, các nước sản xuất những loại thuốc "tương đương" như Ba Tây, Ấn Độ hay Thái Lan, chỉ cần phải chờ đến năm tới để xuất cảng những bản sao rẻ gấp ba bốn lần bản nguyên. Một cách bất ngờ, Huê Kỳ đã nhanh chóng chấp nhận rất nhiều nhượng bộ để tranh thủ các nước trên đường phát triển, đặc biệt là Ba Tây. Sau sự rút lui của các hàng thuốc trong vụ kiện cáo nhà nước Nam Phi vì "tội" cho phép các cơ quan và công ty bản xứ nhập cảng và sản xuất các loại thuốc "tương đương" [2], Mỹ đã lựa chọn bò con "tép dược" để bắt con "tôm nông". Nông nghiệp đã là nguyên

nhân của những cuộc thương lượng gay cấn nhứt, kéo dài buổi họp thêm một ngày và đe dọa kết cuộc của hội nghị Doha đến giờ phút chót. Rốt cuộc thì trong bản văn cuối cùng của hội nghị Doha, các thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới cam kết sẽ thương lượng để "giảm dần mọi hình thức trợ cấp xuất khẩu đến khi hết" nhưng "không đoán trước kết quả của những sự điều đình". Đề tài xã hội chỉ được đề cập một cách sơ sài. Liên hiệp Âu châu đã muốn thành lập một diễn đàn về các chuẩn mực xã hội căn bản giữa Tổ chức Thương mại Thế giới và Tổ chức Lao động Quốc tế nhưng đã gặp phải sự từ chối dứt khoát của các nước trên đường phát triển. Đây là một kết quả có thể coi là không tốt đối với các thành phần lao động của những quốc gia phát triển nhưng chưa chắc là nó sẽ làm cho người lao động của những nước miền Nam bán cầu thất vọng. Cụ thể là hàng hóa xuất khẩu và công ty ngoại quốc sẽ tiếp tục bảo đảm công ăn việc làm cho những người này, từ đó cải thiện đời sống của họ và giúp họ tranh thủ những quyền lợi xã hội phù hợp với tình trạng phát triển bản xứ. Các nước Âu châu cũng chỉ đã gặt hái những thành quả nhỏ bé về môi trường. Một mặt, họ đã phải từ bỏ việc dán trên hàng hóa những nhãn hiệu đánh giá tánh tương hợp với môi sinh và nguyên tắc thận trọng cho phép họ từ chối những hàng nhập cảng bị nghi ngờ là có thể có hại cho môi trường. Bù lại, họ đã tranh thủ được việc đổi chiếu những quy tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới với những điều khoản về môi trường có trong những hiệp định quốc tế hiện hữu.

## Hai thành viên mới

Sự kiện lịch sử của hội nghị Doha lè dì nhiên là sự gia nhập của Trung Quốc và Đài Loan sau 15 năm điều đình. Với một thị trường gồm có 1,3 tỷ người tiêu thụ và một nguồn nhân công dồi dào rẻ tiền và ngày càng thành thạo, sự gia nhập của Trung Quốc vừa là một cơ hội, vừa là một thách thức đối với các thành viên khác. Nhưng Trung Quốc cũng sẽ phải làm nhiều cố gắng để thích ứng với

tình thế mới. Bắc Kinh sẽ phải hạ thấp quan thuế - trung bình từ 17 xuống 9% -, hủy bỏ các hạn ngạch nhập khẩu, mở cửa các địa hạt dịch vụ và cung ứng, chấm dứt tất cả hình thức kỳ thị đối với các hàng hóa và công ty ngoại quốc và thi hành những quy định về bản quyền sở hữu kỹ nghệ. Trường hợp điển hình là ngành may dệt : ngược với những gì người ta có thể tưởng, các nhà kỹ nghệ Tây phương không sợ sệt mà còn đón mừng sự hiện diện của Trung Quốc trong Tổ chức Thương mại Thế giới vì nó sẽ cho phép họ xuất khẩu dễ dàng hơn, nhập cảng rẻ hơn những nguyên liệu quý giá như lụa, ca-sơ-mia, trong khi những quy luật về bản quyền sẽ giúp họ chống lại nạn giả mạo, đặc biệt trong lãnh vực xa xí phẩm. Người Trung Quốc sẽ có quyền bò tiền trong những ngân hàng ngoại quốc. Muốn có hy vọng giữ lại số tiền tiết kiệm khổng lồ của người dân Trung Quốc (40% huê lợi), Bắc Kinh sẽ phải cải tổ hệ thống tài chính một cách triệt để. Từ xưa đến nay, vai trò của các ngân hàng Trung Quốc hầu như chỉ là cung cấp tín dụng cho những công ty quốc doanh theo chỉ thị của nhà nước trung ương hoặc chánh quyền địa phương. Công cuộc "tản quyền" 1985-1995 đã củng cố vai trò của các ngân hàng địa phương nhưng không cho ngân hàng trung ương phương tiện để điều hợp tổng thể. Một trong những hậu quả là chánh sách cho vay bất nhất và tùy tiện đưa đến tình trạng 20% tín dụng không có khả năng lấy lại, một sự mất mát tương đương với một phần năm tổng sản lượng nội địa Trung Quốc ! Bắc Kinh sẽ phải cương quyết xúc tiến chương trình cải cách mà thủ tướng Chu Dung Cơ đã đề nghị cách đây mấy năm rồi nhưng cứ bị hoãn lại vì lý do chánh trị : cấp cho ngân hàng trung ương những thực quyền để điều hòa chánh sách tiền tệ, đào tạo đầu óc lợi nhuận cho các ngân hàng thương mại, thiết lập một hệ thống tài chánh tân tiến gồm có ngân hàng thương mại, hàng bảo hiểm và công ty chứng khoán.

Về phía Đài Loan, nỗi lo lớn nhất là ... Trung Quốc. Người Đài Loan tin tưởng rằng về lâu, chế độ tự do và cởi mở của họ phù hợp với bối cảnh mới hơn là Trung Quốc. Tuy nhiên, trong hiện tại, các nhà kinh tế ước liệu rằng sự gia

nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới sẽ không có những tác dụng đáng kể tức thời bởi vì 40% xuất khẩu của Đài Loan hướng về các nước Tây phương mà phần lớn đã cấp cho hải đảo quy chế "tối huệ quốc". Trong khi đó, hàng hóa Hoa lục sẽ tràn ngập thị trường nội địa lập tức sau khi mà hải đảo hạ rào quan thuế. Để bảo tồn sức cạnh tranh của các xí nghiệp Đài Loan, Đài Bắc đã nâng cao mức đầu tư cho phép ở Hoa lục nhưng điều này lại thu hút thêm vốn liếng của hải đảo trong khi Đài Loan bước vào thời kỳ suy sụp kinh tế. Giải pháp duy nhứt mà Đài Loan có để câu giờ là không lập quan hệ trực tiếp với Trung Quốc ngay lập tức bởi vì Tổ chức Thương mại Thế giới không có quy định về điều kiện vận tải giữa các thành viên. Cũng hên cho Đài Loan là họ sẽ không bị Trung Quốc làm áp lực trên vấn đề này bởi lẽ lập trường chánh thức của Bắc Kinh vẫn là không có liên lạc trực tiếp ngày nào mà Đài Bắc chưa công nhận một nước Trung Hoa duy nhứt. Các nhà kinh tế Đài Loan chủ trương lợi dụng "thời kỳ ơn huệ" này để củng cố những ưu thế của hải đảo đối với Hoa lục, nghĩa là "*hủy bỏ mọi gò bó kinh tế và thương mại, thành lập một môi trường kinh doanh thực sự tự do và cởi mở, tạo lập những điều kiện thuận tiện cho các công ty bản xứ và giới đầu tư quốc tế, nhằm biến Đài Loan thành một trung tâm hoạt động cho nước Trung Hoa Lớn [3] và cả vùng Á châu - Thái Bình Dương*".

## Còn mình ?

Tôi đã có cơ hội thảo luận về sự gia nhập của Trung Quốc vào Tổ chức Thương mại Thế giới với một số đồng nghiệp gốc Hoa lục. Tất cả đồng ý rằng đây là một cơ may cho Trung Quốc, chẳng những trên bình diện kinh tế mà còn về mặt chánh trị vì họ tin rằng những điều kiện mới sẽ đặt Trung Quốc trên quỹ đạo dân chủ, theo tiến trình : hành chánh minh bạch và khách quan hơn, luật lệ công minh và tự do hơn đưa đến dân chủ hóa. Cách đó mấy ngàn cây số, chiến sĩ dân chủ bất khuất Việt Nam Nguyễn Đan Quế cùng chia sẻ những phân tích này khi ông cõi vô mạnh mẽ cho "BTA" và "WTO" [4].

Có lẽ người Việt Nam chúng ta sẽ có những suy nghĩ và phản ứng khác về sự

toàn cầu hóa nếu mình có đối với đất nước những tình cảm mà mình dành cho con cái. Tôi luôn luôn khâm phục thái độ sáng suốt của phụ huynh Việt Nam về vấn đề học hành. Trong các gia đình, những môn thương mại và tài chánh đã thay thế nhanh chóng các ngành nha y được cổ điển trong thứ tự ưu tiên. Thiệt là một khác biệt lớn khi chúng ta so sánh khả năng thích ứng này với một số tư tưởng bảo thủ và thái độ co cụm lỗi thời. Không chịu hòa nhập đất nước vào nếp sống toàn cầu vì lý có chúng ta còn tụt hậu, không khác nào không cho con đi học vì sợ là nó sẽ thua sút những đứa trẻ khác ! Có phải chăng mối quan tâm trước tiên của những gia đình vừa đáp chun trên đất lạ luôn là tìm kiếm trường học để ghi tên con cái, đặc biệt là khi chúng bị trễ ? Lê dì nhiên, trong bất cứ trường hợp nào, gia đình bao giờ cũng đóng vai trò thiết yếu đối với sự thành công của trẻ em. Vì vậy mà quốc gia, hiểu như một không gian liên đới giữa những công dân tự do, cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa hơn bao giờ hết và vì sao người ta có thể tranh đấu vì quốc gia và đồng thời ủng hộ sự toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là một cơ hội tốt cho sự phát triển của Việt Nam. Nhờ nó, người Việt Nam sẽ có thêm cơ hội để làm việc, học hỏi và vươn lên, trên bình diện cá nhân cũng như tập thể. Nó cũng là một sức ép hữu hiệu để bắt buộc chánh quyền Việt Nam phải tiếp tục cải cách theo chiều hướng sòng phẳng hơn, minh bạch hơn, cởi mở hơn. Từ đó, người dân chủ sẽ có thêm "*thế mới, lực mới*" để gia tăng cuộc tranh đấu đến thắng lợi cuối cùng. Người ta có thể hiểu những e ngại của chế độ cộng sản đối với sự toàn cầu hóa. Khó hiểu hơn là thái độ nhút nhát của một số người dân chủ Việt Nam.

## Diệp Tường Bảo

[1] 18 nước xuất khẩu nông sản trong đó Á Căn Đình, Ba Tây, Chí Lợi, Gia Nâ Đại, Mâ Lai Á, Nam Dương, Thái Lan, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Nam Phi, v.v.

[2] *Quyền khai thác các dược phẩm không bản quyền*, Nguyễn Thành Nhân, Thông Luận, 5-2001.

[3] Trung Quốc, Hương Cảng, Úc Môn và Đài Loan.

[4] *Làm gì để có thay đổi ở Việt Nam ?*, Nguyễn Đan Quế, Thông Luận, 9-2001.

## Về chênh lệch thu nhập vùng và giữa thành thị-nông thôn trong kinh tế Việt Nam

(tiếp theo và kết)

Nguyễn Mạnh Hùng

### IV. Một vài dự phỏng về chênh lệch mức thu nhập

#### A. Biến thiên mức chênh lệch thu nhập theo vùng

Từ nghiên cứu của TS Vũ Quang Việt (1996, trang 45-75), chúng ta có thể rút ra những số liệu gói gọn trong bảng 4.1 và 4.2 thiết lập cho những năm 1990-1994, gồm mức độ và tốc độ tăng trưởng thu nhập đầu người, cũng như tỉ lệ thu nhập vùng trên trung bình cả nước cho mỗi đầu người.

Bảng 4.1 : Chênh lệch thu nhập đầu người và  
độ tăng trưởng theo vùng (1990-1994)

Vùng	1990	1991	1992	1993	1994
1 a	471	740	1.048	1.258	1.498
1 b		4,5	9,2	4,0	5,8
1 c		0,736	0,649	0,670	0,645
2 a	580	968	1.415	18,11	2.193
2 b		1,8	10,7	8,0	6,5
2 c		0,87	0,85	0,9	0,93
3 a	436	773	1.007	1.215	1.589
3 b		1,7	5,5	6,5	9,8
3 c		0,65	0,68	0,64	0,62
4 a	540	899	1.239	1.444	1.788
4 b		3,2	4,8	4,6	8,0
4 c		0,8	0,79	0,79	0,74
5 a	488	770	992	1.364	1.605
5 b		5,9	15,8	5,8	2,4
5 c		0,73	0,67	0,63	0,7
6 a	1.480	2.479	3.432	4.524	5.725
6 b		13,5	8,4	13	11,8
6 c		2,21	2,17	2,19	2,32
7 a	640	1.228	1.541	1.818	2.074
7 b		7,6	5,6	5,6	8,9
7 c		0,96	1,13	0,98	0,93
Cả nước a	669	1.140	1.563	1.949	2.379
Cả nước b		6,7	7,9	8,1	8,8

a : Thu nhập đầu người (nghìn đồng)

b : Tốc độ tăng trưởng (%)

c : Tỉ lệ thu nhập đầu người theo vùng so với cả nước

Chúng ta nhận thấy, trong giai đoạn 1990-1994 :

1. Vùng 6 có mức thu nhập đầu người cao gấp hơn hai lần mức bình quân cả nước, có tốc độ tăng trưởng thu nhập cao nhất. Như vậy, mức độ phân hóa chênh lệch giữa vùng này so

với cả nước ngày càng cao.

2. Vùng 1, 3 và 5, tương đối có mức thu nhập thấp nhất so với cả nước, cùng lại có tốc độ tăng trưởng thu nhập tương đối thấp nhất.

3. Tỉ lệ thu nhập đầu người theo vùng so với mức cả nước chứng tỏ, trừ vùng 2 và 6, mọi vùng khác ngày càng nghèo đi.

4. Tốc độ phát triển ở các vùng 1, 2, 3, 4, 5 và 7 thường là thấp hơn vùng 6 (trừ ngoại lệ có năm có tính nhảy vọt, chẳng hạn như vùng 5 với tốc độ 15,8 % cho năm 1992). Một cách tương đối, vùng 6 giàu lên trong giai đoạn 1990-1994. Vùng 2 và 7 vẫn như cũ, trong khi đó vùng 1, 3, 4 và 5 nghèo đi trên cơ sở số liệu mức thu nhập bình quân đầu người.

Trong giai đoạn 1990-1994, chênh lệch thu nhập vùng nói chung có khuynh hướng ngày càng gia tăng. Từ năm 1994 cho đến nay, nền kinh tế Việt Nam chủ yếu là kinh tế thị trường có định hướng xã hội. Định hướng này hẳn đối kháng với chủ trương toàn cầu hóa nền kinh tế mà theo đó những dịch vụ y tế, giáo dục công cộng ít nhiều trở thành những dịch vụ thị trường cung cấp bởi tư nhân. Dĩ nhiên, điều này khiến chênh lệch mức sống giữa các vùng trở thành trầm trọng hơn là mức chênh lệch thu nhập.

#### B. Biến thiên của mức chênh lệch thu nhập thành thị và nông thôn

Bảng 4.2 cho chúng ta thấy rõ rằng tỉ lệ thu nhập đầu người của nông thôn so với thành thị giảm đi trong giai đoạn 1991-1994 trên cả nước.

Khuynh hướng dân nông thôn tương đối nghèo đi so với dân thành thị trong giai đoạn 1990-1994 có thể nói là khuynh hướng chung cho mọi vùng, rõ rệt là thu nhập đầu người ở nông thôn giảm so với thu nhập đầu người ở thành thị. Mức chênh lệch thu nhập thành thị và nông thôn tăng gia rất đáng kể ở những vùng 1, 3, 4 và 7 mà hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp.

Bảng 4.2 cho chúng ta thấy :

1. Ngoại trừ năm 1994 cho vùng 5 và 7, tỉ lệ thu nhập đầu người ở nông thôn so với ở thành thị giảm đi cho mọi vùng trong cả giai đoạn 1990-1994. Nói cách khác, hố phân hóa giàu-nghèo ngày càng tăng thêm.

2. Tốc độ phát triển kinh tế của thành thị cao hơn nông thôn ở vùng 6 và 7. Đồng thời, tốc độ tăng dân số thành thị thấp hơn nông thôn. Nếu khuynh hướng này tồn tại, phân hóa giàu-nghèo ngay ở Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngày một trầm trọng.

3. Cho vùng 2 và 3, tốc độ tăng dân số thành thị cao hơn ở nông thôn trong giai đoạn 1990-1994. Có lẽ đây là do sự dịch chuyển của nông dân về những thành thị lớn miền Bắc. Điều này sẽ tạo ra những vấn đề xã hội đô thị đáng quan tâm.

Bảng 4.2 : Tốc độ tăng trưởng thu nhập đầu người theo thành thị- nông thôn

Vùng	1991		1992		1993		1994		% tăng dân số 1990-1994	
	Thành Thị	Nông Thôn	Thành Thị	Nông Thôn	Thành Thị	Nông Thôn	Thành Thị	Nông Thôn	Thành Thị	Nông Thôn
1 a	-4,3	-0,8	23,7	0,8	-0,9	5,1	5,6	1,8	1,9	2,7
1 b		0,26		0,18		0,16		0,16		
2 a	-2,1	0,8	13,0	2,8	4,7	5,1	4,8	0,3	3,4	1,8
2 b		0,19		0,15		0,15		0,14		
3 a	5,3	-2,4	0,9	3,7	13,2	-0,8	11,4	0,0	4,0	2,2
3 b		0,24		0,21		0,17		0,14		
4 a	-9,4	8,2	15,8	-3,7	8,3	0,28	1,0	8,4	0,8	3,0
4 b		0,55		0,36		0,32		0,29		
5 a	1,3	2,0	26	7,5	-5,1	3,8	5,4	-2,1	3,9	3,8
5 b		0,71		0,54		0,43		0,61		
6 a	13,5	3,4	13,2	-3,0	10,3	5,5	10,7	6,3	0,8	4,4
6 b		0,24		0,20		0,18		0,18		
7 a	11,6	3,7	9,7	2,4	4,0	3,3	6,1	6,9	0,0	2,5
7 b		0,60		0,41		0,36		0,45		
Cả nước	5,1	2,4	13,6	1,5	7,3	3,1	7,6	4,2	1,5	2,6
b		0,28		0,21		0,20		0,19		

a : Tốc độ tăng trưởng của thu nhập đầu người ; b : Tỉ lệ thu nhập đầu người nông thôn so với thành thị

Tốc độ tăng trưởng của thu nhập đầu người cho cả nước của dân thành thị cao hẳn hơn dân nông thôn trong giai đoạn 1991-1994. Ở vùng 6, sự khác biệt của tốc độ này rất lớn. Kết hợp với những nhận định về chêch lệch vùng, thành thị vùng 6 - chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh và phụ cận - sê là ốc đảo thành thị vây quanh toàn là dân nghèo cả nước. Điều này cũng đúng cho vùng 2, nhưng ở một mức độ thấp hơn. Hiện tượng dân nghèo vây quanh những đô thị tương đối giàu có là không thể chối cãi được. Cho cả nước, tỉ số thu nhập đầu người thành thị và nông thôn xấp xỉ là 5 lần, có thể coi như tỉ số phân hóa thành thị-nông thôn. Tỉ số này lớn nhất là ở vùng 1, 2 và 3, giảm đi ở vùng 5, 6 và 7. Đổi với vùng 6 mà mức độ đô thị hóa cao, tỉ số này gần bằng tỉ số tính chung cho cả nước. Như vậy, phân hóa giàu nghèo qua mức thu nhập nông dân-thị dân chính yếu đến từ miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa chứ không phải ở đâu khác.

Nhận định sơ bộ dựa trên số liệu thôa vừa đề cập cho phép phát hiện ra những vấn đề mà Ngân Hàng Thế Giới cũng lưu ý. Glewwe, Gragnolati và Zaman (1999), dùng thông tin thống kê *The Viet Nam Living Standard Surveys* cho năm 1992-1993 và 1997-1998, chứng minh rằng sự biến thiên của phân bố mức thu nhập cũng như mức sống rất đáng kể trong khoảng thời gian này. Họ kết luận (i) dân thành thị có cồn (white-collar) giàu lén và hưởng lợi nhiều nhất, trong khi nông dân hưởng lợi ít nhất nên tương đối nghèo đi ; (ii) hiệu năng của giáo dục tác động lên mức sống tăng, nhất là giáo dục cấp cao và (iii) vị trí địa dư là yếu tố xác định : dân ở thành thị giảm nghèo nhiều hơn so với ở nông thôn ; dân chúng vùng có nhiều

thành phố là đồng bằng sông Hồng (vùng 2) và miền đông Nam Bộ (vùng 6) đã đáp ứng thời cơ và tương đối giàu lén hơn những vùng khác.

Tóm lại, dựa trên số liệu từ 1990 đến 1994, nông dân ngày càng tương đối nghèo đi so với thị dân. Theo bảng 4.2, mức tăng dân số của nông dân lại cao hơn thị dân, vì thế sự chêch lệch thu nhập có khuynh hướng tăng theo thời gian. Kết hợp với chêch lệch thu nhập theo vùng, hiển nhiên là mức thu nhập của dân vùng 6 ngày càng bỏ xa mức bình quân cả nước. Điều này cũng đúng cho dân thành thị vùng 2, nhưng ở một mức độ thấp hơn.

Mức chêch lệch thu nhập đầu người ở thành thị dân và nông thôn chính là sự phân hóa giàu-nghèo như đã nói. Sự phân hóa này có khuynh hướng ngày càng tăng theo thời gian bởi những lý do có tính cơ cấu :

1. Nền kinh tế thị trường phân bổ nguồn lực sản xuất-tiêu thụ dùng vốn và lao động theo phương hướng tự phát tự nguyện của thị trường tự do. Phân bổ lợi tức và mức thu nhập là hệ quả. Việt Nam là một quốc gia dư thừa lao động ở thành thị và nông thôn. Ngoài ra, nông sản là mặt hàng "mất giá" trên thị trường quốc tế như đã trình bày. Cả hai yếu tố này có tác động tiêu cực trên mức thu nhập của nông dân nghèo.

2. Dưới những áp lực "tư hữu hóa" và "toàn cầu hóa" nền kinh tế, số lượng và chất lượng của những chính sách can thiệp của Nhà Nước vào nền kinh tế - trong đó có chính sách phân phối thu nhập - thường là giảm dần đi. Như vậy, hai dịch vụ xã hội là y tế và giáo dục sê có khuynh hướng đi xuống cả về lượng lẫn về chất. Do đó, phân hóa giàu-nghèo ở mức sống còn

trầm trong hơn phân hóa dựa trên chêch lệch thu nhập.

3. Đầu tư vốn, nhất là từ nước ngoài, thường tập trung ở những vùng đã có sẵn một hạ tầng cơ sở sản xuất tương đối tốt, nghĩa là ở thành thị. Mở rộng kinh doanh và thu hút đầu tư nước ngoài như vậy sẽ có tác động đào sâu thêm mức phân hóa thành thị và nông thôn. Nhưng không có thêm vốn, nền kinh tế - hiện trên đà nguy cơ tụt hậu trở thành một nền kinh tế tiêu công với phân bố cát xén đất đai tùy tiện - không thể nào có khả năng phát triển nổi.

Theo GS Trần Văn Thọ (1997, trang 232-233), bội số giàu nghèo (tỉ lệ thu nhập trung bình của 20% dân số giàu nhất trên thu nhập của 20% dân số nghèo nhất) trong giai đoạn 1965-1989 là 4,8 cho Nhật Bản, 5 cho Đài Loan, 6,5 cho Indonesia, 7 cho Hàn Quốc và 8 cho Thái Lan ở vùng Đông Á và Đông Nam Á. Bội số này ở Việt Nam năm 1993 khoảng từ 9,5 đến 10,5 tính toán xấp xỉ dựa trên bảng 3.4 và 3.5, như vậy là cao nhất trong vùng. Cùng trong thời gian này, tốc độ tăng trưởng mức thu nhập đầu người lần lượt cho những quốc gia nói trên là là 4,1 - 6,7 - 4,5 - 7,1 và 4,4%. Ở đây, với bội số giàu nghèo cao nhất, tốc độ tăng trưởng của mức thu nhập đầu người ở Thái Lan lại thấp nhất. Hiện tượng này không phải cá biệt ; ở Braxin trong giai đoạn 1972-1983 hay ở Philipin trong giai đoạn 1970-1985 cũng tương tự như trường hợp Thái Lan. Như vậy, tương quan giữa phát triển kinh tế do bằng tốc độ tăng trưởng của mức thu nhập với sự phân hóa giàu-nghèo là vấn đề đáng bàn trong phần tới.

## V. Phát triển kinh tế và phân hóa giàu-nghèo

Trong một nền kinh tế cần được hiện đại hóa và phát triển, sự phân hóa giàu-nghèo tương tác thế nào với tốc độ tăng trưởng của mức thu nhập ? Trả lời cỗ điển của câu hỏi này là biểu đồ hình chữ U ngược của Kuznet, chỉ ra rằng mức phân hóa tăng trong giai đoạn phát triển kinh tế đầu tiên, và sẽ giảm xuống trong giai đoạn kế tiếp. Phân tích và chứng nghiệm của Kuznet cách đây trên ba mươi năm thật ra không đứng vững. Mười năm trở lại, một số kinh tế gia đã đặt lại vấn đề và đến được những kết quả khá khả quan.

Thuật học kinh tế cận đây cho chúng ta một số nghiên cứu có chất lượng tương đối khá cao trong vấn đề lý giải vừa đặt ra ở trên. Galor và Zeira (1993) chứng minh rõ ràng, ở hính thái kinh tế vĩ mô, phân bổ thu nhập cũng như phân bổ tài sản-tích sản (wealth-capital asset), có tác động trực tiếp trên sản lượng, đầu tư ở ngắn hạn và dài hạn, cũng như trên phương thức đáp ứng với những cú sốc ngoại sinh (pattern of adjustment to exogenous shocks). Di vào chi tiết hơn, Persson và Tabellini (1994) cũng như Alesina và Rodrik (1994) đều chứng minh bằng phương pháp kinh trắc rằng độ chênh lệch phân bố cao luôn luôn tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp. Benabou (1996) tổng hợp một số nghiên cứu trên vấn đề này cho nhiều quốc gia khác nhau và đến kết luận tương tự. Ngoài ra, có một nghiên cứu sử dụng tập hợp số liệu mới khác với những nghiên cứu nói trên và đi đến một kết luận có vẻ trái nghịch. Nhưng nếu ta thay mức thu nhập trong phân bố bằng mức tài sản-tích sản, Birdsall và Londono (1997) lại trắc nghiệm rõ rệt là, với tập hợp số liệu này, mức phân hóa cao sẽ

dẫn đến một tốc độ phát triển kinh tế thấp.

Đặt vấn đề ngược lại, phải chăng chính phát triển kinh tế sẽ đưa đến mức phân hóa giàu-nghèo cao hơn lên ? Bruno, Ravallion và Squire (1996) dùng nghiệm chứng kinh trắc trên một tập hợp số liệu của hai mươi quốc gia. Họ đi đến kết quả cho rằng phát triển kinh tế không hề có tác động tiêu cực trên sự thay đổi của mức phân hóa giàu-nghèo. Tác động đó được là sự giảm nghèo trên toàn bộ những mức thu nhập khác nhau, và dĩ nhiên, tác động đó về định lượng cũng tùy thuộc mức thu nhập. Như vậy, không phải phát triển kinh tế hoàn toàn là trung tính (neutral) đối với phân bố thu nhập ; nhưng sự thay đổi của phân bố này không thể giải thích bằng yếu tố phát triển kinh tế được.

Vài năm cận đây, một số kinh tế gia gắn phân hóa giàu nghèo vào vấn đề tranh chấp (conflict) và điều giải tác động của nó trên đầu tư (Schork, 1996, Benhabib và Rustichini 1991, và nhất là Alesina và Perrotti, 1996). Hiển nhiên tranh chấp dẫn đến bất ổn định và sự bất ổn tạo thêm độ rủi ro (risk) khiến lượng đầu tư vì thế phải giảm. Một lần nữa, sự phân hóa giàu-nghèo lớn lên sẽ có tác động tiêu cực lên mức độ phát triển kinh tế vĩ mô.

Với những thành tựu khiêm tốn, thuật học kinh tế vẫn chỉ điều nghiên được một mặt nhất định nào đó của xã hội. Cách nhìn tổng quan để xây dựng một quốc gia đòi hỏi nhiều hơn thế, nhất là về mặt đạo đức xã hội, chất keo gắn những thành viên trong một tập thể có chung một lịch sử, một văn hóa và nhất là một tương lai. Vì thế, thả lỏng nền kinh tế đang ở mức độ kém phát triển và có nguy cơ tụt hậu cho chủ nghĩa thị trường tự do hoàn toàn chỉ phi sê dẫn đến một mức phân hóa giàu-nghèo ngày một trầm trọng, và từ đó một mức độ phát triển kinh tế ngày càng thấp. Như hệ quả, nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa là tầm nhìn đúng đắn. Nhưng định hướng xã hội chủ nghĩa là gì ? Nếu cụm từ sau không phải chỉ là chủ nghĩa mơ hồ lung lạc mị dân, chắc hẳn phải đào sâu thêm nội dung của chúng, tính khả thi và nhất là những thành quả thực tiễn có tác động lên đời sống dân chúng. Ở Việt Nam, nếu không có một chính sách định hướng nhằm giảm thiểu phân hóa giàu-nghèo, mức chêch lệch thu nhập thành thị và nông thôn theo vùng sẽ gia tăng trong một nền kinh tế thị trường dưới áp lực "toàn cầu" hóa và "tư hữu" hóa. Sự phân hóa ngày càng trầm trọng này chắc chắn tạo ra những vấn đề phức tạp về an ninh quốc gia và an ninh xã hội. Đặc biệt, luồng di dân nông thôn-thành thị quá tải sẽ biến đô thị thành những trung tâm của nạn thất nghiệp, môi trường ô nhiễm, trộm cắp... Tại nông thôn nói riêng, tranh chấp ruộng đất sẽ lại trở lại thành một vấn đề gai góc của những xã hội tiêu nông.

Dịnh hướng xã hội của một nền kinh tế ở thời điểm đầu thế kỷ 21 này là một oái oăm nghịch lý nếu ta không quan tâm và không tác động trên một mức phân hóa giàu-nghèo ngày càng tăng. Không phải chỉ có vấn đề an ninh của một quốc gia ở đây, mặc dù các vùng chênh lệch như vùng 1 và 5, thường tập hợp các sắc dân thiểu số khác nhau với những khát vọng dân tộc cá biệt. Cùng không phải chỉ có vấn đề phân hóa Bắc-Nam đã tồn tại từ hàng trăm năm nay. Sự quan tâm và những chính sách thích nghi để giảm thiểu phân hóa giàu-nghèo còn là lý tưởng công chính của bất cứ xã hội nào, cho dù ta đèo theo vào

những chữ tư bản hay là xã hội chủ nghĩa.

Khát vọng một tương lai chung cho mọi tầng lớp là một nền kinh tế phát triển để từng bước hiện đại hóa. Sự phát triển này không đi ngược lại một chính sách làm sao cho phân hóa giàu-ghèo qua các vùng và qua lăng kính thành thị-nông thôn, mỗi ngày một giảm đi. Và nhất là phải giảm cho đến dưới mức nó có khả năng thành nguyên do của những bất ổn chính trị và xã hội. Để tạm kết luận, tôi xin nhắc đến những ưu tư về phát triển vùng và vấn đề kinh tế nông nghiệp đã bàn qua bởi một số kinh tế gia (xem Vũ Quang Việt, 1997, trang 169-183 ; và Trần văn Thọ, 1997, trang 230-249) trong trường hợp Việt Nam. Những ưu tư đó chính đáng, cần được đào sâu, và nhất là từ khởi điểm đó chúng ta có quyền mong ước rằng phát triển trong công bình sẽ thành hiện thực trong một nền kinh tế thị trường thực sự có định hướng xã hội chủ nghĩa.

### Nguyễn Mạnh Hùng

#### Tài liệu tham khảo

- Alesina A & Perrotti R, 1996, *Income distribution, political instability, and Investment*, European Economic Review, 40 (06), 1203-28.
- Bruno M, Ravallion M & Squire L, 1996, *Equity and Growth in Developing Countries : Old and New Perspectives on the Policy Issues*, Policy Research Department, World Bank, Washington DC.
- Alesina A & Rodrik D, 1994, *Distributive Politics and Economic Growth*, Quarterly Journal of Economics, 465-90.
- Benabou B, 1996, *Inequality and Growth*, NBER macroeconomics annual, 11-76.
- Benhabib J & Rustichini A, 1991, *Social Conflict, Growth and Inequality*, New York University Economic Research Report 91-46.
- Birdsall N & Londono S, 1997, *Assets Inequality matters : An assessment of the World Bank's Approach to Poverty Reduction*, American Economic Review, 87(2), AEA Papers and Proceeding : 32-37.
- Galor O & Zeira J, 1993, *Income Distribution and Macroeconomics*, Review of Economic Studies, 80, 35-52.
- Glewwe P, Gragnolati M & Zaman H, 2000, *Who gained from Viet Nam's Boom in 1990s ? An analysis of Poverty and Inequality Trends*, Policy Research Working Paper 2275, Policy Research Department, World Bank, Washington DC.
- Kolko G, 1997, *Vietnam, The anatomy of a Peace*, Routledge, New York.
- Persson T và Tabellini G, 1994, *Is inequality harmful for growth ?*, American Economic Review, 84,600-21.
- Niên giám Thống Kê, 1994, Viện Thống Kê, Hà Nội
- Schork K, 1996, *A conjectural Model of Political Conflict: Impact of political opportunities on the relationship between Economic Inequality and Violent Political Conflict*, Journal of Conflict-Resolution, 40 (1), 98-133.
- Trần văn Thọ, 1997, *Công nghiệp hóa Việt Nam*, NXB TP Hồ chí Minh, Thời báo Kinh Tế SàiGòn. Vapec.
- Vũ Quang Việt, 1997, *Kinh Tế Việt Nam trên đường phát triển*, NXB TP Hồ chí Minh, Thời báo Kinh Tế SàiGòn. Vapec.

## "Thành công Thế kỷ 21" ra mắt tại Bắc Mỹ

Cung Trầm  
Lý Nhân Bản

Phân bộ Tập họp Dân chủ Đa nguyên Gia Nã Đại đã tổ chức một buổi hội thảo, ngày 22-11-2001, với đề tài "Tình hình và tương lai Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21". Buổi hội thảo được tổ chức tại Trung tâm Xã hội - Văn hóa, số 7905 Avenue San Francisco, thành phố Brossard, phía Nam thành phố Montréal, cách một con sông. Diễn giả chính của buổi hội thảo là ông Nguyễn Gia Kiểng, đến từ Paris.

Quan khách gồm đủ mọi thành phần người Việt tại Montréal. Một số người đến vì tình thân hữu, vì ủng hộ Tập hợp, một số khác đến vì tò mò hay vì có những điều thắc mắc hoặc bất đồng ý kiến muốn được làm sáng tỏ. Nhiều người nói họ đã không ngần ngại đường sá xa xôi và thời giờ hạn hẹp để đến nghe ông Nguyễn Gia Kiểng nói chuyện.

Chương trình bắt đầu đúng 20 giờ. Để mở đầu, ông Nguyễn Gia Kiểng nói : "Chúng ta gặp nhau ngày hôm nay vì lý do duy nhất : đất nước Việt Nam của chúng ta. Đây là lý do lớn, đủ lớn để làm một gạch nối liên kết chúng ta với nhau".

Với một chủ đề quá rộng lớn trong một khoảng thời gian hẹp hòi, ông Nguyễn Gia Kiểng đặt một số câu hỏi để hướng dẫn phần thảo luận. Tại sao chúng ta, một dân tộc thông minh, đầy óc sáng tạo và có khả năng thích nghi, mà vẫn chịu số phận thua kém ? Tại sao đất nước chúng ta không phát triển được ? Đảng cộng sản có còn giữ được uy quyền của một Nhà nước hay không ?

Hỏi tức là để tìm ra những câu trả lời. Ông Nguyễn Gia Kiểng lần lượt phân tích hiện tình đất nước trên đủ mọi lãnh vực, từ văn hóa, xã hội, giáo dục, kinh tế, chính trị, môi trường, lãnh thổ, đến những sai lầm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong mấy chục năm qua ...

Trong phần thảo luận, phần lớn khách tham dự phát biểu những ưu tư của họ về định hướng, lập trường, chương trình hành động của Tập hợp. Đa số người đến tham dự đều có trong tay tập tài liệu Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên Thành công Thế kỷ 21. Một số người yêu cầu diễn giả nói rõ thêm về những biện pháp nâng cao mức sống của người dân của chính quyền cộng sản như vấn đề hạn chế sinh đẻ, vai trò của phụ nữ, các cụ già ...

Trả lời những câu hỏi trên, ông Nguyễn Gia Kiểng lên án chính sách hạn chế dân số một cách thô bạo của chính quyền cộng sản đã làm xuống cấp con người. Ông đề nghị tăng cường và nâng cao vai trò người phụ nữ trong xã hội, trả lại tự do hoạt động cho người dân, bảo đảm cho người già một cuộc sống ổn định, xây dựng đất nước trên một nền tảng lành mạnh, làm thế nào để ưu điểm ngày hôm nay (50% dân số dưới 20 tuổi) đừng biến thành gánh nặng và nguy cơ cho ngày mai ... Câu trả lời này đã được nhiều người ghi nhận một cách tâm đắc !

Trong phần thuyết trình cũng như giải đáp thắc mắc,

những phân tích sâu sắc và rõ ràng của ông Nguyễn Gia Kiểng thể hiện lòng yêu nước, tính ngay thẳng, thành thực trong suy nghĩ, thái độ bao dung, trầm tĩnh, một bản linh chính trị cao ... đã gây được sự cảm mến và niềm tin cho khách đến nghe.

Buổi hội thảo chấm dứt lúc 22g 30 đúng như dự định. Mọi người ra về trong vui vẻ. Trong sự quyến luyến của đêm già từ, niềm tin một nước Việt Nam tươi sáng bộc lộ trong ánh mắt rạng rỡ của mọi người.

**Cung Trầm**  
Québec, Gia Nâ Đại

oooooooooooo

Vào một buổi chiều chủ nhật mát mẻ, trời đã vào thu. Ngày 25-11-2001, trong căn phòng ấm cúng và trang trọng tại Convention Center của thành phố Santa Clara, vùng Vịnh, nơi được xem là trung tâm chính trị của người Việt miền bắc tiểu bang California, Hoa-Kỳ, khoảng 100 quan khách đã đến tham dự buổi ra mắt Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên *Thành công Thế kỷ 21* do Tập hợp Dân chủ Đa nguyên phân bộ Bắc California tổ chức.

Trước giờ khai mạc ngoài hành lang phòng họp, tiếng cười nói đã rộn rã. Nhiều quan khách tay bắt mặt mừng nhận diện bè bạn và trò chuyện sôi nổi. Một số người là những khuôn mặt đấu tranh cho dân chủ trong cộng đồng tại đây. Số còn lại là những người quan tâm đến đất nước và các đại diện của những cơ quan truyền thông trong vùng. Ban tiếp tân với các bạn nữ trong chiếc áo dài duyên dáng, hay những y phục lịch sự đã làm việc liên tục, nào ghi danh quan khách, nào gắn huy hiệu bài bỏ điều 4 hiến pháp, nào phân phối tập tài liệu in sẵn của Tập hợp, nào bán thiệp cho chương trình giúp trẻ mồ côi tại Việt Nam ... Ban kỹ thuật chiếu phần dương ảnh với kỹ thuật điện toán tân kỳ, với những hình ảnh chọn lọc đưa người xem về lại lịch sử đau buồn của dân tộc ta từ thời pháp thuộc qua cuộc nội chiến tương tàn và một đất nước suy sụp dưới chế độ độc tài cộng sản. Từ đó Tập hợp Dân chủ Đa nguyên ra đời với một niềm tin tưởng về một tương lai tươi sáng cho

đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Buổi ra mắt khai diễn đúng giờ, 14g30, là một điểm son đáng ghi. Với giọng nói thanh tao và hoà nhã, chí hữu Quản Mỳ Lan điều khiển toàn bộ chương trình hôm ấy.

Trong phần mở đầu chí hữu Nguyễn Xuân Hiệp đã ôn lại những biến cố quan trọng trên thế giới trong vòng 100 năm qua. Lòng trong thời gian đó là những tác động vào lịch sử Việt Nam, những biến chuyển về chính trị, xã hội, những hậu quả của chiến tranh và thực trạng của đất nước ta ngày nay. Chí hữu Nguyễn Xuân Hiệp cũng chứng minh rằng mọi chế độ độc tài đều không thể đứng vững mãi trong đời sống của nhân loại và từ đó là khẳng định về sự tất thắng của phong trào đấu tranh dân chủ mà Tập hợp Dân Chủ Đa Nguyên với sách lược gói ghém trong Dự án Chính trị sẽ đem đến thành công.

Với kỹ thuật chiếu dương ảnh tân kỳ, chí hữu Nguyễn Gia Xương lôi cuốn người nghe vào lịch sử hình thành của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên. Bằng giọng trầm ấm, chí hữu Nguyễn Gia Xương đã đưa khán giả từ những ngày đầu tiên khai sinh Tập hợp 18 năm về trước đến sự trưởng thành của Tập hợp ngày nay, từ *Cơ sở Tư tưởng* đến Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên *Thành công Thế kỷ 21*. Khán giả còn được tìm hiểu Tập hợp qua những đóng góp cụ thể vào công cuộc đấu tranh dân chủ với tờ báo *Thông Luận*, website *Thông Luận*, Nghia hội Tự do Việt Nam, công tác xã hội, xây dựng tổ chức, đào tạo cán bộ, v.v.

Bằng một giọng nói điềm tĩnh và thân tình, chí hữu Nguyễn Gia Kiểng đã vào trọng điểm của buổi ra mắt, trình bày những nét chính yếu của Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên *Thành công Thế kỷ 21*. Từ hiện tượng toàn cầu hoá, chí hữu Nguyễn Gia Kiểng đã khai triển những tư tưởng mới về khái niệm quốc gia, về tổ quốc, về lập trường hoà giải và hoà hợp dân tộc của Tập hợp. Từ lý luận nước Việt Nam phải có dân chủ, phải tiến bộ, giàu mạnh, chí hữu Nguyễn Gia Kiểng trình bày chiến lược đấu tranh để chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ. Phân tích tinh hình trong nước và ngoài nước chí hữu Nguyễn Gia

Kiểng đưa ra những khitá cạnh thực tiễn của công cuộc vận động dân chủ hoá Việt Nam, những khó khăn và những thuận lợi và những khẳng định lạc quan về sự thành công sẽ đến trong cuộc chiến đấu này gây hứng khởi trong lòng khán giả. Trong phần kết, chí hữu Nguyễn Gia Kiểng đã xem Dự án Chính trị là một dụng cụ để kết hợp những người dân chủ Việt Nam.

Đặc biệt trong buổi ra mắt có phần phát biểu của một số nhân vật đấu tranh có tiếng tăm trong cộng đồng Việt Nam như ông Hà Thượng Nhân (nhà thơ, cựu trung tá Quân lực Việt Nam Cộng hòa, tù cải tạo), thẩm phán Phan Quang Tuệ, luật sư Nguyễn Hữu Thống, luật sư Đoàn Thanh Liêm (từ Nam California đến), và ông Ngô Quốc Sĩ, phát ngôn viên của Tổ chức Phục hưng Việt Nam.

Điều khá ngạc nhiên là dù các diễn giả trên đưa ra một số quan điểm không đồng ý với Dự án Chính trị của Tập hợp, phần lớn những tư tưởng nòng cốt thường gây tranh luận gay gắt của Dự án như lập trường hoà giải và hoà hợp dân tộc, đấu tranh bất bạo động ... lại được các diễn giả đồng ý và đứng ra bênh vực cho Tập hợp về các chủ trương này, điều mà cách đây khoảng một năm nếu được bàn đến các diễn giả trên có lẽ sẽ tấn công mâu liệt không nhượng.

Sau buổi thuyết trình là phần câu hỏi. Một lần nữa không có những tranh luận gay gắt về hoà giải hoà hợp, về tiếng đòn "*bọn Thông Luận là cò mồi của cộng sản*" vì lập trường hoà giải hoà hợp dân tộc đã được trình bày rất minh bạch.

Buổi ra mắt chấm dứt vào lúc 6g 15 chiều với sự quyến luyến của khán giả. Tập hợp đã tạo được một niềm tin và ghi lại một dấu ấn sâu đậm vào khán giả. Sức thuyết phục của Dự án Chính trị bắt đầu thấm vào lòng người với những lời nhắn lại như "*anh em thành viên của Tập hợp là những con người khả tín, khả thi, và khả ái*", "*anh em làm chúng tôi lấy lại niềm hy vọng trong cuộc đấu tranh dân chủ này*"...

Tập hợp Dân chủ Đa nguyên đã và đang bước đi những bước thận trọng và vững chắc hướng về tương lai.

**Lý Nhân Bản**  
Bắc California, Hoa Kỳ

## **Phản đối sự im lặng của Giáo hội Công giáo Việt Nam trong vụ xử linh mục Nguyễn Văn Lý**

Trọng kính Đức Cha,

Đêm nay, dưới bàn thờ Đức Mẹ, tại thành phố thủ đô thân yêu, người con nhỏ bé viết thỉnh nguyện thư này kính trình lên Đức Cha. Là người mục tử, hướng đạo linh hồn, con tin tưởng chân thành rằng Đức Cha sẽ xét thương, đoái nhận những tâm tình này của con. Là công dân một nước, con tin tưởng Đức Cha sẽ tỏ lòng xây dựng nhà nước Pháp quyền ngày một dân chủ hơn. Là vị chủ chăn, con tin rằng Đức Cha chu toàn trách nhiệm trước Giáo hội, trước Thiên Chúa.

Thưa Đức Cha, hôm nay con khóc cho Cha Lý. Những giọt nước mắt chảy dài xuống bàn phím. Con với Cha là người xa lạ, thậm chí đối lập về quyền lợi thế gian vì con đang làm việc trong chính phủ Việt Nam. Nhưng Thiên Chúa lòng lành vô cùng đã đem lại cho con tình thương yêu và tình liên đới vô biên này. Điều cao quý nhất ở trên đời này là có một đức tin. Một người cộng sản đã nói với con như vậy. Họ thẩm thía đến đau khổ học thuyết vô thần. Xin tạ ơn Ngôi Ba Thiên Chúa đã không ngừng đổ tràn hồng ân và tình thương yêu xuống hồn con mỗi ngày để hôm nay, như có linh hướng, một mình con ngậm ngùi xót thương trong đêm mưa Hà Nội viết cho Đức cha với tất cả tâm tình.

Gần 600 cảnh sát vũ trang đã được huy động đến xú đạo An Truyền vào một buổi sáng bình yên để bắt người Cha vô tội khi Người đang chuẩn bị lê sáng. Ngôi nhà thờ nhỏ rung lên trong khi Ngài nhắm mắt đọc kinh Hòa Bình của thánh Phanxicô với vẻ mặt cam chịu. Cha đã xác định cho mình con đường hy sinh. Sự hy sinh là để cho tự do tôn giáo thật sự tại Việt Nam. Có lẽ Cha cùng xin Chúa tha thứ cho họ vì họ không biết việc mình làm nhưng, thưa Đức Cha, hình ảnh Người hốc hác xuất hiện trong phiên tòa làm con không kìm được nước mắt. Con thương Ngài vì chỉ một niềm tin nội tâm duy nhất : Ngài là linh mục Công giáo. Nếu như Ngài có sai lầm về phương pháp thì cũng không bao giờ sai lầm về mục đích. Đòi lại đất

cho Giáo hội, cho tự do tôn giáo hơn tại Việt Nam luôn luôn là một việc tốt. Trong lịch sử, những hình ảnh giáo dân, linh mục bày tỏ đức tin của mình đã bị giam cầm, bách hại không bao giờ là sai cả. Đó còn là niềm tự hào, là nguồn sống, nguồn sinh lực và hơi thở trong nhịp sống hằng ngày của con.

Kể từ ngày Cha bị bắt, con đã gửi nhiều đơn lên tiếng đòi hỏi trả lời về sự vu cáo, bắt giam và xét xử sai thủ tục tố tụng đối với Cha. Với tư cách là một công dân, con đã chứng minh sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc bắt Cha. Con muốn tất cả mọi người dân phải được đối xử như là những thể nhân đã tạo dựng nên nhà nước Việt Nam này. Con hiểu rằng độc tài làm cho người ta sợ hãi, nhưng việc từ chối đòi lại những quyền cơ bản theo luật định là một hành vi không yêu nước. Thư con đi đã nhiều và người ta vẫn chưa trả lời, nhưng những cánh thư âm thầm đó đã thay đổi được nhận thức một số người. Đặc biệt là những đảng viên vô thần của chế độ vô sản vốn hăng ngày vẫn rước thầy bói về nhà để cầu cho trở thành tư sản. Họ hiểu là người Công giáo còn dám bày tỏ đức tin chính đáng của mình.

Dáng buồn thay lại có những Linh mục bắt giáo dân nghèo bày tiệc thịnh soạn mà khoản dài những người trong Nhà nước, lấy lòng họ để họ xét cho đi nước ngoài. Những cán bộ có trình độ chân chính vừa ăn tiệc vừa khinh thường.

Ngày 19 tháng 10, đúng ngày Thứ sáu nghiệt ngã đó, bản án 15 năm tù với một phiên xử vội vàng không có sự tham dự của dân chúng, không có luật sư biện hộ đã giáng xuống người con trung kiên của Giáo hội. Chính nhà nước đã tước đi những quyền hiến định. Từ thế kỷ 18, Mác viết *Tư Bản luận* kết tội giai cấp tư sản cầm quyền, kêu gọi lật đổ chế độ tư bản, ông cùng không bị truy tố về tội phá hoại khối đoàn kết hay là tuyên truyền chống chế độ, phương chi linh mục của chúng ta chỉ bày tỏ quan điểm một cách hòa bình để đòi được tự do tôn giáo hơn mà lại bị kết án nặng nề. Con buồn lắm Đức Cha ạ. Các

linh mục, các chủng sinh, sinh viên Công giáo, giáo dân nhiệt tình sè nghị như thế nào khi chúng ta cứ im lặng mài ? Chúng ta không yêu đất nước này, không muốn xây dựng nó nữa phải không Đức Cha ? Hãy làm hết mình theo luật định để có dân chủ hơn cho Việt Nam Đức Cha ạ. Ông Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội, khuyến khích chúng ta rằng: "Muốn có độc lập, chúng ta phải hy sinh, ngày nay, muốn có dân chủ chúng ta phải đấu tranh". Montesquieu trong *De l'esprit des lois* khẳng định rằng "Dân chủ không phải là giá trị mặc nhiên mà là kết quả của sự đấu tranh để khẳng định quyền lực của nhân dân".

Đất đai của Giáo hội hiện đang bị xâm hại. Tài sản của Giáo hội đang bị lấy đi. Hiện nay nhiều linh mục, tín hữu đang ngày đêm đấu tranh giành lại tài sản của Giáo hội không biết nên tiếp tục hay không ? Sự bày tỏ ôn hoà nhất cũng đủ để khích lệ động viên còn nếu như im lặng là đồng ý thì đó là nỗi khổ tâm và là sự dằn vặt không nguôi về những việc mà anh em đang làm cho Giáo hội. Ai sẽ bảo vệ mình đây ?

Con không đi quá sâu vào các luận cứ. Các luật gia của Giáo hội sẽ bàn định chi tiết hơn. Luật nội dung của Việt Nam ủng hộ sự lên tiếng. Con viết thư này nhằm bày tỏ tâm nguyện của mình đối với vị Chủ chăn. Con cầu xin Hội đồng Giám mục sáng suốt lựa chọn được phương pháp khôn ngoan nhất theo tinh thần kiên định, liên tục và có tổ chức hằng ngày ánh sáng và niềm tin cho con cái Chúa trong thời điểm khó khăn này.

Trọng kính Đức cha,

Con là vật phàm hèn. Nhưng con sẽ đấu công khai và đúng luật. Con sẽ cố gắng trong một cuộc đấu cao đẹp, se chạy hết quãng đường và giữ vững niềm tin. Nếu như con có lỗi thì cúi xin Đức Cha tha thứ vì đó là sự xác tín, niềm đam mê, lòng yêu nước và là Đức tin của con.

Hà Nội ngày 20-10-2001  
Luật sư Nguyễn Văn Minh  
Nam Đồng, Giáo sư Thái Hà, Hà Nội

Một vấn đề then chốt :

## **Muốn thay đổi chế độ chính trị, xã hội, phải thay đổi văn hóa vì nó là yếu tố căn bản quyết định**

Tôn Thất Thiện

Trước đây, tôi đã có dịp luận bàn về quyền Tố Quốc Ăn năn của ông Nguyễn Gia Kiêng. Lúc đó, vì tác phẩm rất dài và đề cập đến rất nhiều khía cạnh của vấn đề, tôi chỉ bàn được về khía cạnh mà tôi cho là đáng chú ý nhất : phương thức tiếp cận hiệu nghiệm để thấu hiểu vấn đề phát triển. Những khía cạnh khác tôi không bàn đến được. Nay, trên Thông Luận, tháng 9-2001 tôi lại được đọc thêm một bài nữa của ông Kiêng, cũng về đề tài chính của Tố Quốc Ăn Năn.

Bài trên đây mang tên "Một ý kiến về lịch sử". Nó tương đối dài, và gồm hai phần.

Phần I, "Thế nào là một triết lý về lịch sử?", bàn về triết lý và đặc biệt là về lý thuyết về lịch sử của Hegel. Đây là một vấn đề triết lý trừu tượng không liên quan trực tiếp và thực tế đến vấn đề phát triển. Phần II, "Lịch sử là gì và có vai trò nào?", chiếu thẳng vào vấn đề căn bản này. Vì vậy, nó rất thích hợp, và cho ta dịp bàn thêm về Tố quốc Ăn năn.

Đúng ra thì phần II nên được ghép vào cuối Tố Quốc Ăn năn. Vì nó có hai đặc điểm. Một là nó tóm lược những đề cương của Tố Quốc Ăn năn một cách gọn gàng và rõ ràng, và thêm nữa, nó trình bày một vấn đề rất khó, rất tế nhị, một cách khách quan, nhẹ nhàng, không có tính cách khiêu khích hay "thọc lét" những độc giả nhạy cảm ! Hai là nó có thể được coi như một sự nối dài của Tố Quốc Ăn năn, hay một triển khai của đề tài đã bàn dài dòng trong tác phẩm này. Nhưng cũng vì vậy mà nó nêu ra một số vấn đề chắc đã làm cho nhiều người băn khoăn và phải đặt ra.

Tuy nhiên, muốn bàn về những vấn đề trên đây thì phải nắm vững những đề cương mà ông Kiêng đã nêu ra trong Tố Quốc Ăn năn, mà có thể nhiều người không thấy hay không nhớ rõ vì đọc tác phẩm đã lâu, hoặc không biết vì chưa có đọc tác phẩm. Vậy cần đăng lại phần II đó để mọi người đều có chất liệu chính xác cứu xét.

Phần II của bài "Một ý kiến về lịch sử", trích ở Thông Luận, như sau :

Lịch sử là gì và có vai trò nào?

Lịch sử chắc chắn là do con người tạo ra trong khi ứng xử với môi trường sinh sống. Trong một bối cảnh địa lý nhất định, lịch sử của một dân tộc phần lớn là sản phẩm của dân tộc đó. Phần lớn dù không phải là tất cả, bởi vì cũng có những điều kiện thiên nhiên và những yếu tố ngoại lai, thí dụ như những trận động đất và những cuộc xâm lăng của nước ngoài. Nhưng ngay cả trong những trường hợp ấy, nếu dân tộc phản ứng một cách khác thì hậu quả cũng sẽ khác và lịch sử cũng sẽ khác. Các nước châu Á đã ứng xử khác nhau khi tiếp xúc với phương Tây và các lịch sử cận đại của họ đã khác nhau. Một dân tộc càng văn minh và đông đảo thì phần chủ động trên lịch sử lại càng lớn.

Lịch sử có phải là một chuỗi biến cố tình cờ hay không ?

Câu hỏi có vẻ ngây ngô nếu ta đã nhìn nhận con người có khả năng thay đổi lịch sử, nhưng cho tới một ngày rất gần đây quan niệm của chúng ta là như thế. Chúng ta không hề đặt câu hỏi tại sao lịch sử lại diễn ra như nó đã diễn ra. Hay dù có đặt câu hỏi chúng ta cũng hồi lòng với những giải đáp hời hợt. Thí dụ sở dĩ nước ta đã bỏ lỡ cơ hội canh tân và bị ngoại thuộc là vì các vua Minh Mạng và Tự Đức quá tăm tối, hay chủ nghĩa cộng sản đã được thiết lập tại Việt Nam là vì có ông Hồ Chí Minh. Như vậy thì cũng chỉ là những tình cờ mà thôi. Tình cờ mà chúng ta đã có những ông vua nhà Nguyễn mù quáng và cùng tình cờ mà Việt Nam đã có ông Hồ Chí Minh.

Nhưng tại sao dưới thời nhà Nguyễn chúng ta cùng đã có những con người nhìn thấy nhu cầu canh tân mà họ không làm gì được ? Tại sao đã có và có nhiều người nhìn thấy sự độc hại của chủ nghĩa cộng sản, và nhiều người đã hy sinh tính mạng để chống lại nó, nhưng

chế độ cộng sản vẫn được thiết lập? Và câu hỏi nhức nhối hiện nay là tại sao đa số đảng viên của chính đảng cộng sản đã thấy là phải dân chủ hóa mà đảng cộng sản vẫn ngoan cố trong độc tài toàn trị ? Như vậy chắc chắn phải có một cái gì đó mạnh hơn quyết định các biến cố.

Nhưng "cái gì đó" là cái gì ?

Trước một thử thách và một thực tại xã hội, mỗi cá nhân cũng như mỗi dân tộc đều có thể có những cách ứng xử khác nhau : phần khởi tham gia, chấp nhận, chịu đựng, đào thoát, phản kháng v.v. Cách ứng xử đó quyết định những gì sẽ xảy tới, nghĩa là một thực tại mới. Nhưng tại sao các dân tộc lại ứng xử cách này thay vì cách khác? Đó là do một cấu trúc tâm lý khiến ta thấy nên và phải làm như thế. Mỗi cá nhân quyết định cho mình, nhưng một cộng đồng luôn luôn có một mẫu số văn hóa chung nào đó nếu không thì không phải là một cộng đồng. Do đó các quyết định cá nhân (chấp nhận một cách ứng xử bắt buộc cũng là một quyết định) trong một dân tộc cuối cùng cũng vẫn có những điểm giống nhau tạo ra một cách ứng xử áp đảo của đa số và quyết định những gì sẽ xảy tới. Cấu trúc tâm lý của một dân tộc là kết quả của một văn hóa chung. Văn hóa chung này, trong phạm vi xã hội, là toàn bộ những giá trị được đại bộ phận dân chúng chia sẻ và, do đó, quyết định cách suy nghĩ và hành động của xã hội. Các giá trị này có thể hình thành với thời gian do điều kiện sinh sống, cũng có thể do bị một thế lực thống trị lâu đời áp đặt và cũng có thể do những cố gắng suy tư của chính dân tộc đó.

Văn hóa quyết định cách ứng xử, cách ứng xử tạo ra một thực tại, thực tại này đặt ra những thử thách mới và chờ đợi những phản ứng mới. Lịch sử tiến hành như thế, thực tại của giai đoạn trước là lịch sử của giai đoạn sau. Nói một cách khác, động cơ chính, dù không phải duy nhất, của lịch sử là văn hóa.

Thực tại, trong chiều ngược lại, cũng có thể tác động lên văn hóa và làm thay đổi văn hóa ; nhưng sự khác biệt là ở chỗ tác động của thực tại lên văn hóa đến rất sau và rất chậm. Cuối cùng thì chính văn hóa là yếu tố chính quyết định thực tại xã hội, trong đó hai yếu tố chính là chế độ chính trị và tổ chức xã hội. Lịch sử như vậy là thể hiện của văn hóa. Lịch sử vừa giải thích số phận vừa phơi bày chân dung văn hóa của các dân tộc.

Cần lưu ý là nhận thức về lịch sử, chủ yếu là cách đánh giá tầm quan trọng của các biến cố và cách đánh giá các nhân vật lịch sử, cũng là một phần khắng khít của lịch sử bởi vì nó ảnh hưởng trực tiếp lên sự chọn lọc và trình bày các biến cố mà các thế hệ sau gọi là lịch sử. Như vậy văn hóa không những chỉ là động cơ chính của lịch sử mà còn viết ra lịch sử bởi vì nhận thức về lịch sử cũng phần lớn là sản phẩm của văn hóa.

Con người có thể tác động lên lịch sử và thay đổi dòng lịch sử được không ?

Có, nếu tác động được lên văn hóa. Nhưng ai có thể tác động được lên văn hóa. Đó là các triết gia và các nhà tư tưởng. Dụng cụ làm việc của họ có thể đa dạng. Một nhà tư tưởng có thể viết sách hoặc viết báo như đa số các nhà tư tưởng thường làm, cũng có thể chỉ diễn thuyết như Socrates ; nhưng họ cũng có thể làm nhạc, làm thơ hoặc vẽ tranh, nếu tác phẩm của họ chuyên chở tư tưởng thì họ vẫn là những nhà tư tưởng.

Như thế, một dân tộc chỉ có thể chủ động được lịch sử của mình nếu có những triết gia và những nhà tư tưởng. Nếu không dân tộc đó sẽ chỉ chịu đựng chứ không làm chủ được lịch sử, nghĩa là không làm chủ được số phận của mình.

Nhưng tác động lên văn hóa rất khó. Văn hóa là kết tinh của cuộc sống tinh thần và vật chất trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều ngàn năm. Nó được bảo vệ bởi cả một thành trì kiên cố của tập quán, thành kiến, tín ngưỡng, quyền lợi, quyền lực và cả đam mê. Muốn thay đổi nó phải có những con người thật xuất chúng và dũng cảm, những con người mà một mình thực tại không tạo ra được. Cái giá phải trả cho một khai thông tư tưởng thường rất cao. Trong đại bộ phận nó là những cuộc sống hẩm hiu, âm thầm cống hiến cho những cố

gắng bị người đương thời chối bỏ. Nó cũng có thể là những tai họa. Socrates và Jesus-Christ đã phải đem tính mạng để trả giá cho tư tưởng của mình. Nhưng các nhà tư tưởng vẫn là những người thực sự lành đạo xã hội ngay cả khi họ phải bỏ mình nơi pháp trường giữa tiếng hò hét thù ghét của đám đông. Các chính quyền và những người cầm quyền chỉ là sản phẩm và công cụ của lịch sử do văn hóa quyết định, những con người do thời thế tạo ra và đảng nào cũng có trong mỗi giai đoạn.

Chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia vì thế chúng ta không chủ động được lịch sử và số phận của chúng ta. Văn hóa của chúng ta chỉ là kết hợp của nếp sống phù sa - lúa nước và văn hóa Khổng giáo mà kẻ thống trị phương Bắc áp đặt trong hàng ngàn năm. Chúng ta đã không xây dựng ra nền văn hóa đó bằng cổ gắng tư tưởng của chính mình và cũng không thay đổi nó. Văn hóa của ta không thay đổi cho nên ta không có lịch sử đúng nghĩa. Cái mà ta gọi là lịch sử chỉ là những xung đột không tránh khỏi của một khối người ngày càng đông mà không có ý thức xây dựng một tương lai chung. Văn hóa không thay đổi thì xã hội cũng không thay đổi. Những biến cố lịch sử của chúng ta hoặc chỉ là những xáo động trong một khuôn khổ có sẵn và xảy đến một cách tình cờ, hoặc chỉ do sự áp đặt của những biến cố ngoại lai mà chúng ta không hiểu và đón nhận một cách bối rối. Chúng ta giải thích những lúc thịnh - suy, chiến tranh - hòa bình, những thay đổi vị bằng hành động của những con người, chúng ta tôn vinh hay kết án những nhân vật lịch sử như là tác giả những phúc họa trong khi thực ra chính họ không đem lại thay đổi thực sự nào. Họ chỉ là những con người hợp lý nhất trong một thực tại xã hội nào đó.

Vấn đề hiện nay của chúng ta là phải rủ bỏ chế độ độc tài này để có dân chủ mà vươn lên. Nhưng chế độ cộng sản có phải ngẫu nhiên mà có không? Đảng cộng sản đã trải qua nửa thế kỷ phấn đấu cam go mới giành được chính quyền (họ dùng chữ "cướp" chính quyền). Trong suốt quá trình phấn đấu đó họ luôn luôn ít phương tiện hơn đối phương, phương tiện vật chất cũng như phương tiện trí tuệ. Nhưng sau cùng họ vẫn vượt qua

được trở ngại và toàn thắng. Vậy thì chế độ cộng sản mà họ thiết lập có thể tồi tệ nhưng không nghịch lý. Nó thể hiện một tổng hợp văn hóa giai đoạn của chúng ta, giữa văn hóa Khổng giáo mà chúng ta trân trọng từ hàng ngàn năm và văn hóa phương Tây mà chúng ta bắt đầu tiếp nhận từ thế kỷ 16, nhất là từ hơn một thế kỷ nay.

Văn hóa nào chế độ đó. Chống lại chế độ cộng sản mà lại khăng khăng bảo vệ văn hóa truyền thống là một thái độ rất sai, sai một cách bi đát, bởi vì chế độ này không gì khác hơn là một sản phẩm của chính văn hóa truyền thống của chúng ta trong khi va chạm với phương Tây. Nó được chính văn hóa truyền thống của chúng ta để ra và nuôi dưỡng. Như thế, người ta vẫn có thể vô tình tiếp tay cung cấp nó trong khi tưởng rằng mình đang chống lại nó. Muốn thay đổi chế độ này thì phải thay đổi văn hóa. Sẽ không thể có giải đáp trong đường xưa lối cũ. Những ý kiến mới có thể là sai, nhưng cách suy nghĩ và hành động cùi chỏ chấn là không giúp ta tìm ra lối thoát. Một cách có vẻ nghịch lý, chỉ có những ý kiến đã gặp chông đối gay gắt khi mới được phát biểu, mới có thể là giải đáp cho tình thế.

Chúng ta đã nói thay đổi văn hóa rất khó và rất lâu. Nhưng trong thời đại này tư tưởng có thể truyền bá rất nhanh chóng. Vả lại tâm lý và văn hóa Việt Nam cũng đã thay đổi. Cách đón nhận cuốn *Tổ quốc Ăn năn* là một bằng chứng (trích *Thông Luận*, số 151, tháng 9-2001)

Đọc *Tổ quốc Ăn năn* và phần II của bài "Một ý kiến về lịch sử" trên đây, đọc giả đã suy nghĩ nhiều về vấn đề phát triển không tránh đặt hai câu hỏi sau đây :

1. Sau khi đã nhận diện được vấn đề, và chắc chắn rằng vấn đề cần bản, then chốt đó là một vấn đề văn hóa, và đồng ý với ông Kiềng rằng "chính văn hóa là yếu tố quyết định thực tại xã hội, chế độ chính trị và xã hội [...] Văn hóa nào chế độ đó [...] Muốn thay đổi chế độ này [cộng sản] thì phải thay đổi văn hóa", thì phải lấy thứ văn hóa - hệ thống giá trị nào thay văn hóa hiện tại, văn hóa "truyền thống" đã khống trị xã hội Việt Nam suốt hai ngàn năm nay ?

2. Làm thế nào thay đổi văn hóa

"truyền thống", hay ai là người có thể làm cho xã hội Việt Nam từ bỏ văn hóa truyền thống đó, khi nó là văn hóa của toàn thể xã hội, từ người trí thức ở thành thị đến người lao động ít học, và nhút là người nông dân càng ít học, ít tiếp xúc với bên ngoài hơn nữa và thuộc về giới bảo thủ nhút của xã hội ?

Ông Kiêng đã xét lại toàn bộ lịch sử của Việt Nam và kết luận rằng chướng ngại căn bản của tình trạng bế tắc của xã hội Việt Nam là văn hóa Khổng giáo. Điều này đúng. Trong suốt chiều dài của lịch sử Việt Nam, và đặc biệt trong hai thế kỷ qua, cho đến ngày nay, văn hóa "truyền thống" mà chúng ta theo cẩn bản vẫn là văn hóa Khổng giáo. Cốt lõi của những giá trị của hệ thống này xếp theo một thứ tự ưu tiên hàng dọc mà những người nay ở lứa tuổi 60 trở lên đều quen thuộc từ hồi còn nhỏ : sỉ, nông, công, thương. Trong hệ thống giá trị này, thật ra thì chỉ có sỉ và nông là được thật sự coi trọng. Sự kiện này được diễn tả trong câu : "Nhứt sỉ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhứt nông nhì sỉ". Thương và công thì bị khinh dè, tuy rằng, như ông Kiêng nhấn mạnh trong *Tổ quốc Ăn năn*, và ai có học lịch sử kinh tế đều biết, hai ngành đó mới chính là hai ngành chiếm hàng đầu trong sự tạo ra của cải trong ba thế kỷ vừa qua, giúp cho toàn bộ xã hội có điều kiện để phát triển. Ngày nay, ngoài thương mại và công nghệ còn có hai yếu tố khác, mà các kinh tế gia đều coi như quyết định của phát triển : đó là quản lý và khoa học kỹ thuật. Các yếu tố được coi là yếu tố chính của phát triển trước thế kỷ 20 - tài nguyên thiên nhiên, lao động, và tư bản - nay không còn được coi là quyết định nữa. Thuyết mác xít nay cũng lối thời như Khổng giáo.

Hệ thống trên đây cần được thay thế bằng một hệ thống giá trị mới, để cho xã hội Việt Nam phát triển dễ dàng, nhanh và mạnh. Để tránh dài dòng, tôi xin thâu tóm sự thay đổi đó trong bức hình dưới đây :

Sỉ Nông Công Thương → Thương Nông Công Sỉ

Không theo thứ tự ưu tiên hàng dọc nữa, mà ngang hàng nhau hết.

Dưới đây, "sỉ" bị thay thế bởi "kỹ"

Kỹ Nông Công Thương

Theo văn hóa mới, phát triển quốc

gia là kết quả của một sự cố gắng chung của mọi thành phần xã hội. Các thành phần xã hội không sắp theo thứ tự hàng dọc nữa, mà sắp theo thứ tự hàng ngang để nói lên tầm quan trọng ngang nhau của các thành phần đó theo văn hóa mới

"Sỉ" đây không hiểu theo nghĩa cũ nữa - người chỉ lo cho "văn hay chữ tốt", trọng văn, chỉ biết thơ, phú, kinh sử, và mối bận tâm chính là thi đỗ để làm quan, không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải. "Sỉ" ở đây phải hiểu theo nghĩa mới - người dùng trí tuệ của mình hấp thụ kiến thức khoa học kỹ thuật để cải thiện cái cũ, phát minh cái mới, đầy nước tiến không ngừng trên con đường canh tân, giúp cho nông, công, thương cập nhật và thêm khả năng tạo ra của cải, nâng cao mức sống của dân, sức mạnh của nước, làm cho "dân giàu nước mạnh", theo đúng nghĩa của nó. "Kỹ" là kẻ "Sỉ" trong hệ thống giá trị mới. Nó gồm cả khoa học kỹ thuật lẫn quản lý.

Riêng về thương mại, nghành bị khinh miệt nhất trong hệ thống giá trị "truyền thống", nay phải được đưa lên ngang hàng với các nghành khác. Ai đã có viếng các thành thị thương cảng như Hamburg, Amsterdam, London, New York, San Francisco, Los Angeles, và nhứt là Hồng Kông và Singapore, thì thấy ngay cảnh giàu sang của các thành thị đó, và hiểu ngay rằng sự giàu sang của họ là do thương mại tạo ra qua thời gian.

Câu hỏi thứ hai là : ai có thể tác động được lên văn hóa ? Chính ông Kiêng cũng thấy cần đặt câu hỏi này, và ông trả lời : "Đó là các triết gia và các tư tưởng gia". Nếu ta nghĩ đến vai trò của những nhà "bách khoa" (*encyclopédistes*) và tư tưởng gia Pháp, như Rousseau, Voltaire, Montesquieu, v.v. và ảnh hưởng của họ đối với lịch sử Pháp và Âu châu, thì cũng đúng. Nhưng ông Kiêng nhận xét rằng "chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia".

Tuy nhiên, trong thực tế, vấn đề chính không phải là ở đó. Vấn đề chính, như ông Kiêng cũng công nhận, là "tác động lên văn hóa rất khó", vì "văn hóa là kết tinh của đời sống và vật chất trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều ngàn năm. Nó được bảo vệ bởi cả một thành trình kiên cố của tập quán, thành kiến, quyền lực, quyền lực và đam mê".

Văn hóa "truyền thống" của Việt Nam, căn bản xây trên Khổng giáo, hay đúng hơn trên Tam giáo - Khổng, Phật, Lão - đã ngự trị xã hội ta hàng nghìn năm. Như ông Kiêng nhận xét, nó là kết hợp nếp sống phù sa - lúa nước và văn hóa Khổng giáo mà kẻ thống trị phương Bắc [Trung quốc] áp đặt trong hàng ngàn năm. Sự kết hợp này đã cho phép người Việt hoàn thành cuộc Nam tiến, trong đó người dân sống ở những vùng đất mới, muốn tồn tại, phải dựa vào sự bảo vệ che chở của chính quyền, nhưng ngược lại, họ phải chấp nhận phục tùng chính quyền này một cách tuyệt đối. Tình trạng này kéo dài đến khi Pháp chiếm đóng Việt Nam. Người Pháp tiếp tục chế độ chuyên chế xây trên văn hóa "truyền thống" đó, vì nó tiện lợi cho họ. Cộng sản cũng làm y hệt người Pháp. Trong *Tổ quốc Ăn năn*, ông Kiêng nói : chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay là "một chế độ Khổng giáo hiện đại hóa". Đúng hơn nữa, nó là "một chế độ thực dân Pháp hiện đại hóa".

Vì chế độ cộng sản đang thống trị Việt Nam hiện nay nên nó là chướng ngại vật chính trước mắt, và vấn đề ưu tiên hiện nay là thay thế chế độ đó đi. Tuy nhiên, thay thế chế độ cộng sản hiện tại chỉ là một phần tương đối phụ và nhỏ. Vấn đề chính và lớn vẫn là làm sao thay đổi văn hóa "truyền thống". Muốn giải quyết vấn đề cần phải có một nhóm người lãnh đạo có nhiều tâm huyết, sáng suốt, biết rõ phải làm gì, có quyết tâm thực hiện những điều cần thiết, có uy tín lớn, có tài tổ chức, biết vận động quần chúng, có khả năng lôi kéo, thôi thúc 76 triệu người - đặc biệt là giới nông thôn - từ bỏ những giá trị văn hóa đã ăn sâu vào trí não của họ.

Nhóm cứu tinh Việt Nam hiện nay là ai ? ở đâu ? Một trong những nhiệm trach lớn của "những triết gia và những nhà tư tưởng" mà ông Kiêng nhắc đến là tìm ra "những con người xuất chúng và dũng cảm, những con người mà một mình thực tại không tạo ra được" đó. Đây là một công trình đòi hỏi sáng suốt, kiên nhẫn, quyết tâm, và thời gian. Chúng ta không nên tuyệt vọng, nhưng cũng không nên ảo tưởng rằng việc này dễ dàng.

**Tôn Thất Thiện**

# **Người Việt ác độc - Người Việt nhân ái**

## **Có phải người Việt ác độc và tàn nhẫn ?**

**Trần Nhân Đạo**

"*Người Việt [hay] đố kỵ, ghen ghét nhau [...] Người Việt tôn thờ bạo lực và ác độc đối với nhau*" : đó là lời phán định của tác giả Nguyễn Gia Kiểng trong quyển *Tổ Quốc An Năn* của ông (xb 2001, trg 109). Ý nghĩ về sự ác nơi con người Việt Nam cũng là một "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt toàn bộ các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp xuất bản từ 1987 đến hôm nay.

Đọc và nghe những lời phán định như trên đây, tôi không thể không cảm thấy đau nhói lên trong tim. Không phải vì đây là lần đầu tiên tôi được nghe những lời nhận định như thế, cũng không phải vì trong suốt cuộc đời tôi chưa hề là nạn nhân của một trường hợp sự ác như vậy. Trái lại ! Nhưng làm sao con người có thể làm quen được với sự ác, làm sao con người có thể thỏa hiệp được với sự tàn bạo ?

Một thực trạng còn muôn vàn đau xót hơn nữa là sự ác và sự tàn bạo nói đây không phải chỉ là một số hành động bất thần, đơn lẻ, vô ý thức, nhưng là những tác động đã trở thành "chủ trương" của cả một chính thể, và trên một bình diện khác chúng đã trở nên "quán tính" của cả một dân tộc.

Dang khi tôi viết những dòng này, thì tại đất nước Việt Nam đang khốc liệt xảy ra những bắt bớ, giam cầm, hành hung một cách vô cùng tùy tiện và tàn bạo đối với vô số thường dân thuộc mọi thành phần trong xã hội, bởi họ đưa ra chỉ có một nguyện vọng là được sống như một con người: được thông tin, suy tư, trao đổi, góp ý, cùng góp phần xây dựng một đất nước thanh bình, dân chủ, phồn vinh, hạnh phúc, tiến bộ ... Chúng ta ai nấy hẳn còn nhớ cả một lịch sử độc ác và tàn bạo đã trở thành "chủ trương" và "chính sách" của chính thể chuyên chế cộng sản hiện hành kể từ thời khai sinh chính thể đó cho đến nay : thủ tiêu các đảng phái đối lập, phát động các phong trào "Chỉnh Phong" và "Cải cách Ruộng đất" với việc đấu tố sát máu các

địa chủ, bắt bớ và đày ải các văn nghệ sĩ qua vụ "Nhân văn Giai phẩm" và "Trăm Hoa Dưa Nở", bắt bớ và giam cầm cả những đảng viên trong vụ "Chống Xét Lại", phỉnh gạt và đày ải quân nhân và công chức miền Nam sau ngày kết thúc chiến tranh, và từ một phần tư thế kỷ nay vẫn tiếp tục đàn áp và tiêu diệt những con người biết tự trọng đóng lênh tiếng nói dân chủ và nhân đạo ...

Một mặt khác, sự ác độc và khống chế của các thể chế chính trị, các cơ chế xã hội, các nền văn hóa cổ truyền có tính chuyên chế, độc tôn, giáo điều, áp bức và tàn bạo - do ngoại bang cũng như từ nội địa, do phong kiến, hủ nho, cùng với những chế độ phụ hệ, những phong cách già trưởng, những ràng buộc nghiêm ngặt của 'tam cương ngũ thường' - trong suốt trên hai ngàn năm lịch sử của dân tộc, đã để lại trong tâm thức người dân ta những mặc cảm nhỏ bé ti tiện, mất mát thiệt thòi, cùng với những phản ứng căm phẫn, oán thù, bất mãn. Tất cả đã trở thành "quán tính" ăn sâu vào não trạng và tâm khảm của người Việt truyền thống. Cũng từ đó, không lạ gì mà chúng ta vẫn phải hằng ngày, khắp nơi, từ trong mọi tầng lớp xã hội chứng kiến những cảnh chửi bới, thóa mạ, vu khống, "chụp mù", kẻ cản sát hại lẫn nhau ... ngay cả giữa những người cùng trong một gia tộc, ngay cả giữa những người "đồng đạo" với nhau ...

Một câu hỏi lớn được đặt ra : tại sao người Việt lại có thể ác độc như thế đối với nhau ? Nhất là trong khi người ta vẫn cho rằng người Việt khoan dung và nhân ái, người Việt sống có tinh có nghĩa, rằng lòng nhân nghĩa là đức tính cơ bản của nền văn hóa và của tâm thức dân tộc Việt Nam chúng ta ...

Bàn về sự ác độc của người Việt trong cả hai lãnh vực vừa được nêu ra trên đây - sự ác như "chủ trương" của chính thể chuyên chế cộng sản hiện hành và sự ác như "quán tính" của người Việt truyền thống - tôi đề nghị một vài

suy nghĩ sau đây : Tại sao có sự ác ? Sự ác độc của người Việt. Làm thế nào để bản thân chúng ta và các thế hệ người Việt trong tương lai sẽ là những con người nhân ái ?

### **Tại sao có sự ác ?**

Sự thiện sự ác từ đâu ra ? Các tư trào triết lý và văn học của nhân loại - Đông Tây Cổ Kim - đều có bàn về vấn đề này.

Điều từ nhỏ từng gây một ấn tượng lớn trong tôi là câu chuyện trước cảnh một bé nhỏ sắp ngã xuống giếng, không một ai lại không động lòng "trắc ẩn" bồn chồn xót thương và ra tay cứu giúp đứa bé mà không hề có hậu ý khen chê (Mạnh Tử). Hoặc nữa câu chuyện trong văn học đương đại về "một tên cướp lương thiện" đã cản ngăn một chàng lái buôn đang dí lưỡi dao sắc vào cổ một em bé với câu nói: "*Thôi đi ! Trẻ con là tương lai đấy ! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu*" (Nguyễn Huy Thiệp, *Truyện Sang Sông*).

Như thế nghĩa là mầm thiện đều có trong con người được soi dẫn bởi ánh sáng của lương tri và lương tâm (Mạnh Tử). Còn mầm ác thì sao ? Một số nhà tư tưởng phương Đông nghĩ rằng mầm ác có sẵn trong con người, do bản năng ham tiền tham sắc hiếu lợi (Tuân Tử). Một số người khác lại cho rằng con người tự tính không thiện mà cũng không ác, nhưng qua thực tiễn của hành động mà trở nên thiện hay ác (Cáo Tử).

Ở đây, dẫu với quan niệm thiện ác tự tính nào đi nữa, một câu hỏi dứt khoát được đặt ra : tại sao con người lại chọn sự ác ? Và nhất là làm thế nào để con người chọn điều thiện, luôn chọn điều thiện ?

Một lý giải thỏa mãn hơn cả đối với tôi là tư tưởng của Emmanuel Kant, ông tổ tư trào Khai Sáng nước Đức. Theo Kant, phẩm giá của con người không thể tách rời khỏi ý niệm tự do. Và bản chất của tự do là tác động tự quyết định. Và tác động tự quyết định được thực

hiện dựa trên những nguyên lý và những nguyên tắc điều động. Những nguyên tắc điều động này có thể là mưu ích hoặc chỉ cho bản thân, hoặc cho cả một cộng đoàn lớn hơn. Thí dụ về một quyết định mưu ích cho bản thân: Tôi sẽ luôn nói dối, nếu điều đó có lợi cho tôi. Thí dụ về một quyết định mưu ích cho cộng đoàn lớn hơn: Tôi sẽ luôn hành động một cách công bình, cả khi điều đó không đem lại thỏa thích cho tôi. Suy tư của Kant trên đây là suy tư về "Đạo Đức" gồm những nguyên lý của trí tuệ, những nguyên tắc của đức hạnh và những chủ đích của lợi ích thỏa mãn. Đó là ba nguyên lý và là thành tố cơ bản trong hành động - cá nhân và xã hội - của con người : Trí Tuệ, Đạo Đức và Dục Lợi. Con người làm điều ác khi bác bỏ những yêu sách của trí tuệ, hoặc hơn nữa dụng cụ hóa trí tuệ để thỏa mãn dục lợi của bản thân. Bác bỏ trí tuệ và dụng cụ hóa trí tuệ như thế tức đánh mất đi phẩm giá con người, tức đánh mất đi lương tri, lương tâm và tự do - những phẩm tính cơ bản của một con người.

Có ba hình thức làm cho con người mất trí tuệ, mất đạo đức, mất tự do và rơi vào vòng dục lợi :

(1) Yếu đuối : Con người chièu theo xu hướng làm điều ác vì yếu đuối, dẫu biết rõ mình đang làm điều không được phép làm. Bởi luôn sống một cách tự chủ, tự lập và tự do là điều không phải luôn luôn thoải mái. Thí dụ : nhân viên sở xây dựng trao một dự án xây cất cho một nhà thầu không phải chièu theo nguyên tắc khả năng, nhưng là dựa trên tương quan hối lộ.

(2) Bất lương : Con người làm điều phải làm, nhưng không luôn vì lý do của lẽ phải, mà là với những động cơ thiếu đạo đức. Thí dụ : nhân viên sở giáo dục chấm hỏng thi một thí sinh không đủ điểm, nhưng không vì lý do thiếu điểm cho bằng là để trả thù con cái một gia đình địa chủ, gia đình "ngụy" hoặc theo tôn giáo.

(3) Độc ác : Con người làm ngược lại điều phải làm, chỉ vì những nguyên tắc vô luân như ích kỷ, tự mãn, kiêu căng, chuyên chế, độc tài, tùy tiện, kỳ thị - kỳ thị màu da, chủng tộc, giới tính, văn hóa, tôn giáo. Thí dụ : những việc vu khống, chửi bới, đánh đập, giam cầm, thủ tiêu những người tử tế ngay lành ...

chỉ vì những nguyên tắc khác biệt chung tộc kinh thương, giới tính nam nữ, giai cấp xã hội, lập trường chính trị, niềm tin tôn giáo ; và dĩ nhiên kèm theo bên dưới những động cơ tâm lý như những nguyên tắc che đậy, bù trừ hoặc bảu chữa cho sự mông muội, ngu dốt, hèn kém của chính bản thân mình.

Và như thế, theo Kant, sự ác đến từ con người, không phải trong nghĩa tự bản tính con người là ác, nhưng là từ khả năng con người có thể quyết định làm điều ác vì dục lợi, ngược lại với những nguyên lý và nguyên tắc của lẽ phải, của lương tri, của lương tâm. Sự ác độc này trở nên triệt để khi con người làm điều ác không còn vì yếu đuối, nhưng là vì những nguyên tắc vô luân chính mình hay xã hội tạo ra: những nguyên tắc vô luân thuộc ý hệ, văn hóa, truyền thống, tâm thức ...

Những suy nghĩ về sự ác trên đây đưa ta thẳng đến vấn đề sự ác độc nơi người Việt: sự ác độc như "chủ trương" của chính thể chuyên chế cộng sản hiện hành và sự ác độc như "quán tính" nơi người Việt truyền thống.

### Sự ác độc của người Việt

Nói về sự ác độc của chính thể hiện hành :

Sự ác như "chủ trương" của chế độ chuyên chế cộng sản - tại Việt Nam cũng như trong các nước thuộc khối cộng sản trước đây - đã được trình bày khá nhiều và khá chi tiết qua nhiều xuất bản trên thế giới trong những năm vừa qua kể từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ (1989).

Sự ác trở thành "chủ trương" và "chính sách" của chế độ cộng sản không phải chỉ mới được bắt đầu gần đây với cộng sản Việt Nam, Campuchia hay Trung Hoa, nhưng đã được lập thành hệ thống với Lenin từ những ngày cao trào "Cách mạng Tháng Mười" vào những năm hai mươi thế kỷ XX, rồi được phát triển chặt chẽ, cao độ, tổng quát và tinh vi với Stalin từ những cuộc tiểu trừ vào thập niên bốn mươi (1937-1938), mà sau này chính sách độc ác và tàn bạo của một Mao Trạch Đông, một Trường Chinh - Lê Duẩn hay một Pôn Pốt chỉ là một sự họa lại mà thôi.

Chính sách độc ác của chế độ cộng sản đã không kiêng nể một hình thức

bạo lực nào : từ bắt bớ, giam cầm, đày ải, tra tấn, đến thủ tiêu - thủ tiêu cá nhân, thủ tiêu tập thể. Chủ trương ác độc của chế độ cộng sản đã đi từ kẻ thù giai cấp đến mức xem toàn thể xã hội là kẻ thù, và xem cả đến đảng viên cũng là những "kẻ thù trong khả năng".

Động lực cơ bản của sự ác độc cộng sản hẳn là quyền lực, và ý hệ cốt yếu của sự độc ác cộng sản chính là sự chối bỏ nhân tính của con người (bởi họ chỉ nhìn nhận nhân hiệu giai cấp). Cộng sản Trung Hoa và cộng sản Việt Nam lại đã có hơn được một chút "sáng tạo" trong ác độc, bằng cách đi từ ý hệ phủ nhận nhân tính của Lenin và Stalin đến chủ trương một khoa "sư phạm ác độc và hận thù" với các cuộc chỉnh phong, chỉnh huấn, đấu tố địa chủ, đấu tố cả bố mẹ, thầy cô, anh chị em một nhà ...

Dựa theo phân tích của Emmanuel Kant, sự ác độc trở thành "chủ trương" của chính thể chuyên chế cộng sản hiện hành tại Việt Nam là "sự ác triệt để" bởi dựa trên những nguyên tắc triệt để vô luân, cũng như thông qua những hình thức triệt để phi nhân. Những nguyên tắc triệt để vô luân: kỳ thị chủng tộc, giống nòi, giới tính, giai cấp xã hội, lập trường chính trị, niềm tin tôn giáo. Những hình thức triệt để phi nhân : chuyên chế, giáo điều, tùy tiện, độc tài, tàn bạo ...

Sự ác độc của người Việt truyền thống. Một hiện tượng tương giao rất kỳ lạ của người Việt là : hay đua tranh, ganh tị, đố kỵ, hiềm khích, ghen ghét, nói gian, nói dối, nói thêm, nói bót, đặt điều, phỉnh gạt, đòn thổi, mách lẻo, cáo gian, vu khống, "chụp mù" ... tung tin 'hỏa mù' không có cơ sở, nghe theo tin đồn không có kiểm chứng, tố cáo tội ác không có sự kiện, thông tin liên lạc không có chính xác, báo cáo sự việc không đầu không đuôi ... bịa đặt tin nhằm để nói xấu, bôi nhọ, làm nhục, đánh ngã, phá hủy cả một cuộc đời, sự nghiệp, tương lai của một con người, gia đình, dòng họ, cộng đoàn ... Chính mình bịa đặt, vu khống, "chụp mù" kẻ khác, thế rồi lại bồi thêm : "Không có lửa, tại sao có khói ?" ... Hiện tượng tương giao rất kỳ lạ này vẫn thường xảy ra khắp nơi, trong mọi tầng lớp xã hội, từ giới lãnh đạo cho đến quang đại quần chúng, từ hàng thế kỷ xa xưa cho đến ngày nay và chưa thấy dấu hiệu có thể

chấm dứt trong ngày mai...

Hiện tượng này thực chất là gì ? Và tại sao có hiện tượng đó ?

Chỉ cần một chút ít kiến thức về tâm lý thường thức - và nhất là ngày nay với khoa phân tâm học của Sigmund Freud (1856-1939) và cách riêng với khoa tâm lý học chuyên sâu của Carl Gustav Jung (1875-1961) - người ta có thể dễ dàng nhận thấy hiện tượng tương giao kỳ lạ ghi lại trên đây là những biểu hiện sự phản ứng cảm phản, hấn chiến, oán thù, bất mãn có tính cách "bù trừ" của hệ tâm thức người Việt bị bóp nghẹt trong tình trạng "vị thành niên" bởi những truyền thống và những nền văn hóa chuyên chế, quyền uy, độc tôn, giáo điều trong suốt cả hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc ta.

Khoa tâm lý học chuyên sâu cũng như tư trào Khai Sáng cho thấy : động lực cơ bản của cuộc sống con người là đòi hỏi được phát triển đến trưởng thành, và trưởng thành nghĩa là làm chủ chính mình, làm chủ bằng cách biết tự mình sử dụng trí tuệ, tự do quyết định cuộc đời và thực hiện một cuộc sống tâm tình trong nhân phẩm và tự trọng. Nhưng nếu những đòi hỏi cơ bản và chính đáng này bị ngăn trở, áp bức, khống chế, không được thỏa mãn, không được phát triển, không được thành tựu, thì đương sự con người sẽ phản ứng lại - ngầm ngầm hay công khai - bằng những phản ứng cảm phản, oán thù, bất mãn - thông qua lời nói, thái độ, hành động và cả đến bạo lực.

Trong thực tế lịch sử, thì những thể chế chính trị, những cơ chế xã hội, những nền văn hóa và truyền thống cổ truyền - do ngoại bang hay từ nội địa, từ vua quan, hương chức, gia đình, trường học, có khi cả đến miếu đền hoặc thánh đường - quả là những cơ chế và những quan niệm đã từng ngăn cản, áp bức, khống chế, kìm hãm những đòi hỏi cơ bản và chính đáng được phát triển và trưởng thành của người dân ta. Và do đó đã để lại trong tâm thức họ những vết thương tổn hại sự tự trọng và yêu sách thành nhân, đã gây ra cho họ những mặc cảm mất mát, thiệt thòi, ti tiện, đã đẩy lên nỗi họ những phản ứng cảm phản và oán thù đến mức ác độc như được thấy trong lịch sử.

Một biến dạng của phản ứng cảm

phản, hấn chiến, oán thù và bất mãn trong thế yếu của nạn nhân là phản ứng dưới hình thức luồn lách, tàng hình, "du kích", lừa vặt : chính vì thế mà có các hiện tượng nói gian, nói dối, đặt điều, phỉnh gạt, đòn tin, mách lèo. Bởi kẻ yếu thì không dám đường đường công khai ra mặt, công khai trình bày, công khai đối chất. Những kho tàng tiểu lâm, truyện cười và nhất là những loạt giai thoại Trạng Quỳnh, Trạng Lợn và các chuyện *Ba Giai Tú Xuất* đều thuộc loại "văn học dân gian" diễn tả sự phản ứng "hấn chiến" trong hình thức luồn lách, lừa cá của những con người "vị thành niên" bị trưởng kỳ kìm hãm và khống chế không lối thoát.

Những biểu hiện cảm phản, hấn chiến, oán thù và bất mãn có tính "bù trừ" trình bày trên đây đều nói lên sự ác độc đã trở thành "quán tính" của người Việt truyền thống. Vấn đề bây giờ là làm sao "giải mỏ" những mặc cảm "chán chường", "thất vọng" - những mặc cảm (*frust*) - nói trên, để đưa đến một cuộc sống lành mạnh, trưởng thành và nhân ái: đó là điều chúng ta sẽ bàn đến trong phân đoạn thứ ba tiếp theo đây.

### Người Việt nhân ái

Làm thế nào để bản thân chúng ta và các thế hệ người Việt trong tương lai sẽ là những con người nhân ái ?

Khoa tâm lý giáo dục trên thế giới trong nhiều thập niên qua đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề "bạo lực", "sân hận", "hấn chiến" mà chúng ta có thể ứng dụng vào trường hợp của người Việt Nam ta. Có ba biện pháp sau đây có thể đóng góp cho vấn đề chúng ta đang lưu tâm : ngăn ngừa bạo lực (công lý), khai sáng vấn đề (sự thật) và tương giao tâm cảm (nhân ái).

(1) Ngăn ngừa bạo lực (nguyên tắc công lý) : Như đã trình bày trong hai phân đoạn trên đây, con người làm sự ác có thể vì yếu đuối, vì thiếu lương thiện, hoặc vì những nguyên tắc sai lầm và vô luân ; những điều ác đó có thể phát xuất từ bản thân, từ xã hội, hay do từ cả hai.

Trong mọi trường hợp sự ác này, con người cần một tối thiểu sức mạnh cầm giữ bàn tay mình lại, ngăn ngừa mình lao vào điều ác. Hoặc nếu điều ác đã làm rồi, thì sức lực ngăn ngừa này vừa là một hình phạt vừa là một cảnh cáo và bảo trợ

cho tương lai, nghĩa là như một giải pháp của công lý và một biện pháp của giáo dục, chứ không phải như một hành động trả thù. Sức lực ngăn ngừa này chính là luật pháp, dựa trên cơ sở công lý, nền tảng của sự thật và đạo đức - cả nhân và xã hội.

Mỗi cộng đồng xã hội là một tập hợp những con người cùng chung sống với nhau, và mỗi cuộc chung sống đều có một số quy ước và luật lệ tối thiểu được giao kết với nhau thành "khế ước xã hội" (Jean-Jacques Rousseau) với mục đích thể hiện hạnh phúc chung của cộng đồng. Đây là nói về những tập hợp xã hội trưởng thành trong hiện đại, nghĩa là tập hợp xã hội những con người có ý thức, tự do và trách nhiệm ; không còn phải những hình thức xã hội của các bộ lạc thời tiền sử hay của các vương quốc thời Trung Cổ phong kiến, trong đó chỉ có tộc trưởng hay một mình ông vua quyết định tất cả.

Sự thật hiển nhiên đến nhảm chán vừa nêu ra đây, lại là điều vẫn bị phủ nhận và không được thực thi tại đất nước Việt Nam gọi là "hiện đại" ngày hôm nay : bởi có những cá nhân, đảng phái, chính thể tự dàn lấp quyền suy nghĩ, quyết định và hành động mà không cần quy ước của tập thể.

Vậy biện pháp tối thiểu, nhưng căn bản, để ngăn ngừa sự ác - cách riêng sự bất công, bất nhân, bất nhân - ở đây là luật pháp mà chính thể chuyên chế cộng sản hiện hành ở Việt Nam phải tôn trọng, nếu còn muốn là những con người của thời đại. Sức mạnh ngăn ngừa sự ác này cũng liên hệ đến từng cá nhân sinh sống trong cộng đồng. Và đây là vấn đề được đặt ra cho từng mỗi một người dân Việt : không thể gian dối, chửi bới, vu khống, "chụp mù" một cách tùy tiện, không cơ sở, không bằng chứng. Cần có một sức lực ngăn ngừa tối thiểu là luật pháp với hình phạt để cầm giữ con người trước điều ác. Nguyên tắc trị nước của thầy Khổng ở đây cũng nói lên được truyền thống khôn ngoan và nhân nghĩa trong mức độ tối thiểu nhưng căn bản của dân ta: người tử tế với mình thì mình tử tế lại với người, người làm hại mình thì mình lấy chính trực, lấy công lý mà đổi xử lại với người : "*Dĩ trực báo oán*".

Đứng ở một mức độ nhỏ bé hơn như trong gia đình, nhà trẻ, trường học, hội

đoàn: ở đây tuy không luôn luôn có những luật pháp công khai phát xuất từ hiến pháp hay từ những cơ quan tối cao của nhà nước, nhưng vẫn thường có một số quy ước, luật lệ và thói quen sinh hoạt riêng biệt và thích ứng. Những biện pháp ngăn cản bạo lực và hận chiến nào sẽ là cần thiết và thích ứng cho những cộng đồng nhỏ bé này; đó là nhiệm vụ giáo dục của những người trực tiếp hữu trách cần suy nghĩ và thực hiện.

(2) Khai sáng vấn đề (nguyên lý sự thật): Như đã trình bày, con người làm điều ác vì yếu đuối, bất lương hay vì những nguyên tắc được chính bản thân hay xã hội đặt ra. Trong trường hợp làm vì yếu đuối hay bất lương, con người thường có cảm xúc "bất ổn trong lương tâm". Như thế nghĩa là có sự "đánh giá" về chính bản thân mình, sự đánh giá về đức hạnh. Trong trường hợp làm vì những nguyên tắc được nêu ra, con người cũng có thể có cảm xúc "bất ổn lương tâm", khi ý thức được những nguyên tắc đó là sai lầm, nhưng họ vẫn cứ làm ; đáng khác con người cũng có thể cảm thấy "yên ổn lương tâm", khi nghĩ rằng những nguyên tắc đó là đúng, nghĩa là họ làm điều sai lầm nhưng không ý thức được điều đó là sai lầm.

Trong cả ba/bốn trường hợp trên đây, ác nhân cần có một sự "khai sáng": khai sáng (nghĩa là tỏ bày sự thật, và bởi "sự thật sẽ giải phóng con người") về sự thật của hành động theo nhận định khách quan của "trí tuệ" và khai sáng về sự thật của hành động theo chuẩn mực của "đạo đức" qua tiếng nói của lương tâm.

Ta hãy lấy một vài thí dụ để cụ thể hóa vấn đề :

- Trong thí dụ làm điều ác vì yếu đuối : "nhân viên sở xây dựng trao một dự án xây cất cho một nhà thầu không phải chiểu theo nguyên tắc khả năng, nhưng là dựa trên tương quan hối lộ", vấn đề "khai sáng" ở đây hẳn là phân tích, so sánh và cuối cùng lựa chọn giữa nguyên tắc "khả năng" và tương quan "hối lộ" : điều nào phù hợp với sự thật của trí tuệ và sự công chính của đạo đức . trong nhiệm vụ xây dựng một xã hội tiến bộ, công bình và lành mạnh ?

- Trong thí dụ làm điều ác vì bất lương : ... Vấn đề "khai sáng" ở đây sẽ là những lý do 'thành phần địa chủ', 'gia đình ngụy' hay 'tín đồ tôn giáo' có phải

là những lý do chính đáng cho việc đánh giá một bài thi dựa trên cơ sở khoa học?

- Trong thí dụ làm điều ác vì những nguyên tắc vô luân : công việc "khai sáng" trong trường hợp này cũng tương tự như trong các thí dụ ở trên : tuy tiện, chuyên chế, độc tài, kỳ thị... có phải là những nguyên tắc xác đáng trong một xã hội con người ý thức, tự chủ, dân chủ, bình đẳng, công bình ?

Vấn đề "khai sáng" có thể có phần phức tạp hơn, khi hành giả - vì thiện ý hay đúng hơn vì lý do tự bào chữa - đưa ra một loạt những lý do "biện bạch" cho việc ác của mình :

(a) Vì những mục đích cao hơn : như để giáo dục nạn nhân nên người, vì "thánh chiến"...

(b) Vì lỗi của nạn nhân : nay sự ác là hình phạt, là phản bạo lực đối với nạn nhân...

(c) Vì tư cách của nạn nhân : bởi họ không phải là người, nhưng là "mọi", là "bán khai" ...

(d) Coi thường điều ác : một trận đòn như thế có là bao? ...

(e) So sánh với ác nhân khác : Vào tay ông A ông B thì y ta (nạn nhân) còn khổn ! ...

(f) Trút trách nhiệm : Tôi chỉ là thừa hành, trách nhiệm thật là ông A bà B ... (Theo nghiên cứu của A. Bandura, *Bạo lực và Hận Chiến*, 1979).

Vấn đề quan trọng trong việc "khai sáng" những lý do "bào chữa" đưa ra ở đây là thấy, bắt mạch, giải mà được những thâm ý bên trong và phía sau các lý do mà ác nhân đưa ra để biện hộ, để từ đó phân tích, so sánh, cân nhắc, phê phán, quyết định trên cơ sở sự thật - sự thật của trí tuệ và sự thật của đạo đức.

Bình thường thì chính ác nhân phải tự mình đảm nhận công việc "khai sáng" này, nhưng rất thường khi cần có sự trợ giúp của bạn bè, người hữu trách, nhà giáo dục với tư cách người tư vấn, kẻ đối tác, bạn đồng hành. Trong trường hợp sau này, người tư vấn không những cần thiết phải có những khả năng về nhận định và phân tích, mà cũng còn rất cần những thái độ thân tình để được chấp nhận : đó là những thái độ của "tương giao tâm cảm" (*empathy*) mà ta sẽ bàn đến sau đây.

(3). Tương giao tâm cảm (nguyên tắc nhân ái): Sự ác đầy dãy trong xã hội.

Mầm sự ác - hay ít nữa, khuynh hướng hoặc khả năng làm điều ác - đều có trong mỗi người. Nhưng trong mỗi một người cũng đều có mầm sự thiện, cả nói những người thường làm điều ác. Hơn nữa, có những nhà tư tưởng - như chính Plato, ông tổ nền triết học hilạp và tây phương - nghĩ rằng, con người làm sự ác chỉ vì làm lẩn, chứ không phải vì dụng tâm, cố ý hay hoàn toàn ý thức. Dẫu với quan niệm nào đi nữa - dụng ý hay vô ý thức - thì con người làm điều ác vẫn có rất nhiều khả năng được chuyển hóa để làm điều thiện, để trở nên người lương thiện.

Trong trường hợp sự ác độc của người Việt truyền thống, sự ác độc này đã trở nên như một "quán tính" - nghĩa là trở thành "thói quen" như trong việc nói gian, nói dối, vu khống, "chụp mũ" ... - thì những hành động ác độc này thường lại càng ít vì chủ tâm, dụng ý hay ý thức. Do đó mà người ta có cơ sở để tin tưởng vào khả năng chuyển hóa của ác nhân từ ác đến thiện, từ tàn bạo đến nhân ái.

Hơn nữa có thể nói rằng, trong tất cả mọi trường hợp con người làm điều ác - vì làm lẩn hay với ý thức, vì vô tâm hay có chủ ý - thì không một "hành giả" nào muốn bị đánh giá là "ác nhân": điều này nói lên rằng, mầm sự thiện vẫn còn hiện diện trong lương tri và lương tâm của "hành giả".

Những suy nghĩ trên đây đưa tới một kết luận rất quan trọng trong việc giúp chuyển hóa "ác nhân" thành "thiện nhân": đó là thái độ cảm thông, hiểu biết, chân tình, lắng nghe ; đó là thái độ biết nhinn nhận sự việc, mà không lên án "hành giả" (trong bình diện luân lý) của sự việc; đó là thái độ biết đặt mình vào trong trường hợp có một không hai của "hành giả" : những thái độ trên đây được khoa tâm lý giáo dục gọi là thái độ "tâm cảm". Kinh nghiệm cá nhân mỗi người - nhất là trong ngành giáo dục - cho thấy, (hầu như) chỉ có mối tương giao "tâm cảm" này mới thực sự chuyển hóa được "ác nhân" thành "thiện nhân". Trong xã hội dân sự, khai sáng và hiện đại ngày nay, người ta nói nhiều đến "văn hóa tranh luận"; nhưng "văn hóa tranh luận" chỉ có thể thực hiện tốt bằng "tranh luận có văn hóa". Do đó, tôi thiết nghĩ sự chuyển hóa quán tính "ác độc"

nên "nhân ái" của người Việt truyền thống cần thiết phải được thực hiện không phải bằng tranh cãi, lèn án và hận thù (đã có án xử của luật pháp và công lý trong bước một), nhưng là bằng "tranh luận có văn hóa" - trong khách quan, tôn trọng và bao dung - và nhất là bằng mối "tương giao tâm cảm".

Nếu chúng ta trên bình diện "công lý" có thể đồng ý với thày Khổng lấy nguyên tắc "*Dĩ trực báo oán*" (LN 14:36) như biện pháp thứ nhất - tối thiểu nhưng cơ bản - trong việc giải quyết vấn đề bạo lực, sân hận và hấn chiến, thì trong bước thứ ba - trên bình diện "nhân ái" trong việc chuyển hóa "ác nhân" thành "thiện nhân", ta có thể chấp nhận những lời dặn bảo của các bậc thầy tâm linh của nhân loại: lời khuyên của Lão Tử "*Dĩ đức báo oán*" (ĐDK 63), lời dạy của Đức Phật "*Lấy lòng từ mà đối xử với nhau*" (Kinh Từ Bi), lời giáo huấn của Đức Giê-xu "*Hãy yêu kẻ thù nghịch và cầu nguyên cho kẻ bắt bớ mình*" (Mt 5:44) và lời căn dặn của sứ đồ Phao-lô "*Hãy lấy điều thiện thắng điều ác*" (Rm 12:21).

Lòng "nhân ái": quả thật đó là một nét cơ bản trong tâm thức người Việt truyền thống nay cần được tái nhìn nhận và khai triển. Nguyễn Trãi là người đại diện xuất sắc cho dòng truyền thống nhân ái và nhân nghĩa này: "*Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thắng cường bạo*" (*Binh Ngõ Đại Cáo*). Và nay trong nền văn học đương đại Việt Nam từ thời "Đổi mới" (1986), tư tưởng nhân ái cũng đang được trân trọng đón nhận và chắt chiu suy nghĩ. Đó là "sợi chỉ đỏ" thứ hai trong toàn bộ tác phẩm và tư duy của nhà văn trẻ tuổi Nguyễn Huy Thiệp từ nhiều năm nay. Một dấu hiệu khác không kém phần ý nghĩa là sự xuất bản năm 1988, tái bản năm 2000 và phát hành đầu năm 2001 tập sách của giáo sư Trần Đức Thảo: *Vấn đề Con người và Chủ nghĩa lý luận Không có Con người* (nxb TP Hồ Chí Minh), trong đó luận điểm quan trọng nhất cho biết con người nói chung vẫn luôn còn tồn tại trên cả những ý hệ giai cấp.

Bởi cuối cùng, con người cùng với nhân phẩm, nhân quyền và nhân ái là những thực tại cơ bản cho tương lai của dân tộc và đất nước Việt Nam ta.

**Trần Nhân Đạo**

## Muôn năm chống tham nhũng !

Phạm Quế Dương

Sau khi tôi có bài "Kiên quyết chống tham nhũng muôn năm" (ngày 22-10-2001) thì nhiều người đến thăm và thư từ trao đổi với tôi về đề tài này. Tóm lại là ai cũng ủng hộ chống tham nhũng nhưng ai cũng trăn trở với cái khẩu hiệu chống tham nhũng mờ mờ ảo ảo này. Vì chẳng có biện pháp cụ thể gì chống nó.

Vụ 2-9-2001 xin phép thành lập "Hội nhân dân Việt Nam ủng hộ Đảng và Nhà Nước chống tham nhũng" bị trấn áp đe dọa vang dội cả trong nước và nước ngoài. Tưởng đâu là ghê !

Nhưng một nhà báo cho tôi tập tài liệu về vụ nhân dân Phường Mai Động, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, chống tham nhũng từ 1991, nhưng Trưởng Ban bị bắt giam rồi bắt vào nhà thương điên tiêm mỗi ngày ba ống thuốc, trong 20 ngày liền đến lúc chân tay bị run, trí nhớ giảm, mới thôi thật đáng sợ hơn nhiều !

Đó là vụ 6-11-1991, 19 người Phường Mai Động ký đơn xin phép thành lập Ban Đặc Nhiệm Chống Tham Nhũng Phường và Quận để trên thí điểm rút kinh nghiệm, do ông Triệu Cung, bí danh là Đông Nam Hải, một lão thành cách mạng, 50 năm tuổi Đảng làm Trưởng Ban. Vậy mà ông này bị bắt giam. Sau đó đưa về Bệnh viện ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (dân thường gọi là nhà thương điên) và xử lý như trại.

Vừa qua, Đảng lại có nghị quyết Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 lại nhấn mạnh một trọng tâm công việc hiện nay là chống tham nhũng.

Vậy nay xin trích đăng bốn tư liệu về vụ việc nhân dân Phường Mai Động chống tham nhũng để các bạn tham khảo mà quán triệt tinh thần Muôn Năm Chống Tham Nhũng !

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2001

Phạm Quế Dương

37, Lý Nam Đế - Hà Nội

(Điện thoại bị cắt)

### 1. Bản Tuyên Bố

của nhân dân Phường Mai Động, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Ngày 6 tháng 11 năm 1991

Chúng tôi là tập thể nhân dân Phường Mai Động họp mặt cùng nhau tại Đình nhân dịp lễ cúng mới ngày 1-10 âm lịch, tức ngày 06 tháng 11 năm 1991 để thống nhất cùng nhau công bố mục đích, yêu cầu cuộc đấu tranh chống tham nhũng của nhân dân phường Mai Động :

Một là : Luôn giữ vững truyền thống và phát huy truyền thống của địa phương (kể truyền thống của địa phương)...

Chính vì thế mà chúng tôi nguyên suốt đời đi theo Đảng đi theo đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng và Bác Hồ vạch ra, không ai, không một lực lượng nào có thể đảo ngược được. Chúng tôi kiên quyết chống bất cứ ai có âm mưu và hành động đi chệch mục tiêu ấy. Nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương chống tham nhũng của Trung ương. Chủ trương này đã có từ lâu để làm trong sạch đội ngũ ta và Nhà Nước, trong sạch từ cơ sở đến Trung ương.

Nhưng cuộc đấu tranh ấy chưa thành hiện thực. Nó không được giảm đi lại có xu thế tăng lên là vì : Có nhiều ô dù che chắn cho nhau từ cơ sở đến Trung ương. Nhân dân chúng tôi nhận rõ việc chống tham nhũng là việc rất khó khăn, vô cùng hệ trọng, nó có quan hệ tới vận mệnh sống còn của đất nước, chỉ để Nhà Nước ta làm thì không bao giờ làm được, vì kinh nghiệm cho ta thấy : Kẻ tham nhũng lại được quyền chống tham nhũng thì vĩnh viễn không bao giờ làm được.

Chúng tôi tự nguyện yêu cầu với Trung ương giao nhiệm vụ ấy cho nhân dân, địa phương chúng tôi sục sôi xung phong làm lá cờ đầu trong việc chống tham nhũng để Trung ương thí điểm rút kinh nghiệm. Đầu sách của chúng tôi là :

Nhanh chóng quật ngã, gạt chúng ra khỏi tư cách đại biểu trong Đại hội vòng hai, bước đầu làm trong sạch Đảng và bộ máy ở cơ sở hạ tầng, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chống bọn tham nhũng Quận, quyết tâm chọc thủng tất cả những ô dù lớn bé làm mất hết chỗ dựa để kháng của chúng, buộc chúng phải ngoan ngoãn quỳ gối trước sức mạnh của nhân dân (dưới cờ sạch trên mới sạch). Hiện nay bọn tham nhũng Phường và Quận đang có chủ trương xóa bỏ hai hợp tác xã nông nghiệp và mua bán tập trung vào một đầu mối do chính quyền quản lý để dồn bể đục khoét vơ vét cho đầy túi tham. Biết rõ âm mưu ma quỷ của chúng, chúng tôi kiên quyết chống vì đây là mô hình của chủ nghĩa xã hội, nó đã trở thành dấu ấn di tích không cho phép bất cứ ai có quyền bác bỏ được. Âm mưu của chúng đã có từ năm 1989, nhưng chúng không thực hiện được là nhờ có sự giúp đỡ của Sở Nông nghiệp thành phố.

Cuối tháng 8 vừa qua, sáng ngày 28-8-1991, Quận đã đưa lực lượng vũ trang về kết hợp với Đồn Công an Phường, lực lượng gồm 70 người đi kiểm tra mặt đất cát tại to mặt lớn của Phường, dùng Công an của nền chuyên chính vô sản, đem trấn áp, khủng bố, đe dọa một tập thể xã hội chủ nghĩa. Chúng đe nếu ai ngăn cản sẽ bắt cho lên xe chở về Quận giam cứu xét hỏi, Quận tự cho mình cái quyền cẳng dây cẩm đắt cho cá nhân chi nội không thông qua tập thể xã viên. Trong khi đó, Thành phố đã có qui định cấp Quận và Phường không có quyền cấp đất. Công việc hoàn thành, Phường đã đề xuất chỉ 700 ngàn đồng thưởng công cho những người tham gia có mặt sáng hôm đó (Ngân sách lấy ở đâu ? ai cấp ? ai duyệt ?).

Hai là : Quận Hai Bà Trưng phải bồi hoàn hơn 4000m<sup>2</sup> làm trường học mà huyện Thanh Trì đã xét cấp năm 1982 cho 40 hộ thương binh liệt sĩ và các hộ xã viên, phải thực hiện giấy cấp đất của huyện Thanh Trì cho những thông tư sau kế tiếp cho các hộ xã viên (số 187-UB-HTT ngày 30-11-1982).

Ba là : Hoan nghênh Trung ương và Thành phố là phân ưu tiên mặt đường cho các hộ nông nghiệp, nhưng bọn tham nhũng Phường và Quận đã không chấp hành mà làm ngược lại. Chúng tôi

kiên quyết đòi lại được quyền ưu tiên ấy mà Quận Phường đã chiếm đoạt. Tất cả mặt đường, trừ cơ quan Nhà Nước còn lại bao nhiêu sẽ hoàn trả lại cho các hộ xã viên theo đúng như chủ trương của Thành phố dù cho có phải đổ máu chúng tôi quyết tâm giành được quyền ưu tiên ấy.

Bốn là : Đất đai của Hợp Tác Xã Kết Nghĩa là đất đai thuộc nông nghiệp quản lý, không được bán. Nếu bán rồi phải giao lại cho nhân dân quản lý số tiền đã bán được. Hợp Tác Xã Kết Nghĩa không có quyền sử dụng riêng, tất cả các đất đai thuộc Mai Động đơn vị nào dùng phải nộp lại hoa màu theo đúng những quy định của Nhà Nước, không cho phép cá nhân nào được bán. Tổng số tiền ấy sẽ cho vào quỹ phúc lợi của toàn dân để tu sửa các tuyến đường nội, ngoại, trừ quốc lộ, tu bổ xây dựng hệ thống điện nước và thoát nước...

Năm là : Quyết tâm giành cho bằng được quyền độc lập tự trị. Cán bộ chủ chốt của Phường phải do người của Phường do dân bầu ra. Không cho phép bất cứ ai đến cai trị chúng tôi cả vì chúng tôi cho rằng : Đó là một điều xỉ nhục đối với chúng tôi, địa phương đốt nát đến mức không có người có đủ tài đức quản lý được địa phương mình phải nhờ tay kẻ khác đến đè đầu cưỡi cổ ! ? Tất cả những người do Quận gửi về phải rút ngay khỏi địa phương, danh sách gồm... là những tên tham nhũng có sừng, mảnh đất này không phải là mảnh đất dung thân của những tên ác ôn tay sai Quận...

Sáu là : Đầu tranh bảo vệ kỷ cương của Đảng, duy trì sự nghiêm túc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, triệt để kiên quyết đánh gục bọn tham nhũng tay sai của Quận, những tên cơ hội đội lốt cộng sản vì lợi riêng phá hoại lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Chúng tôi quyết loại chúng ra khỏi Đảng trước Đại hội Đảng vòng hai, khỏi chính quyền để thực hiện hai Nghị quyết của hai Đại hội Đảng 6 và 7 là làm cho đội ngũ ta trong sạch, vững mạnh, khôi phục lòng tin của quần chúng đối với Đảng...

Bảy là : Tất cả các đất đai bị lấn chiếm phải được thu hồi.

Tám là : Tất cả những mục đích trên của chúng tôi đề ra là minh bạch rõ ràng,

là chính nghĩa phù hợp với tinh thần của hai kỳ Đại hội 6 và 7 của Đảng ta là lấy dân làm gốc. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Là đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết và trí tuệ. Nếu ai ngăn cản hoặc đe dọa khủng bố, sẽ phạm vào tội trù dập mà Đảng ta đã nghiêm cấm. Chúng tôi kiên quyết vạch mặt chỉ tên trước quần chúng, xua đuổi chúng, coi chúng như những tên phản Đảng. Việc làm của chúng tôi là luôn vì Đảng, một lòng một dạ vì Đảng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đường lối mà Đảng và Bác Hồ đã đề ra, không cho phép bất cứ ai được đi chệch mục tiêu ấy. Chúng tôi sẽ tin tưởng tuyệt đối vào Trung ương vào Thành ủy ủng hộ chúng tôi.

Để đảm bảo cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng có kết quả, đạt được những mục tiêu, chúng tôi xin Thành ủy và Trung ương cho phép chúng tôi được thành lập Ban Đặc Nhiệm Chống Tham Nhũng Phường và Quận để trên thí điểm rút kinh nghiệm.

Danh sách gồm có :

- Triệu Cung (lão thành cách mạng, thương binh), Trưởng ban ;
- Đinh Thị Chuốc, Phó Ban ;
- Trần Văn Sóng (thương binh), Phó ban ;
- Bùi Văn Phường, ủy viên ;
- Nguyễn Văn Mơ, ủy viên .

Danh sách và các chữ ký của các hội viên chống tham nhũng của Phường Mai Động : Nguyễn Văn Bé ; Vũ Văn Hồng ; Triệu Văn Bát ; Nguyễn Tiến Nghi ; Dương Văn Bá ; Nguyễn Thị Tít ; Triệu Thị Hiền ; Bùi Văn Tuyết ; Triệu Văn Huệ ; Triệu Thị Lai ; Triệu Thị Bao ; Nguyễn Thị Đào ; Nguyễn Thị Thanh ; Vũ Thị Quách.

.....

## 2. Lời kêu gọi của Liên Minh Mặt Trận chống tham nhũng Thành phố Hà Nội

gửi tới các gia đình Cán bộ, Đảng viên có chức có quyền can tội tham nhũng và các ô dù đã có công bao che dung dưỡng cho cá nhân, tập đoàn tham nhũng Thành phố Hà Nội.

Ngày 21 tháng 2 năm 1994

Tội trạng của các người là rất lớn.

Nếu chiếu theo pháp luật hiện hành của Nhà Nước pháp quyền Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa quy định mức tiền để quy ra tội thì các người đều phải mang án tù giam chiếm trên 80% ; mang án chung thân trên 10% ; mang án tử hình dưới 10%. Vì các người đã can tội không chấp hành nghiêm chỉnh kỷ cương phép nước, làm mất lòng tin của nhân dân với Đảng, với Nhà Nước xã hội chủ nghĩa trong nhiều năm nay ; sói mòn đạo đức cách mạng, xa rời những giáo huấn của Bác Hồ là cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, nhân dân là chủ nhân của xã hội, cán bộ đảng viên là nô bộc của quần chúng cần lao, là người đầy tổ trung thành của nhân dân. Các người đã làm ngược lại tất cả vì thói ích kỷ...

Thẩm nhuần đạo đức nhân đạo truyền thống của tổ tiên, Bác Hồ và Đảng mở lượng bao dung khoan hồng cho các người. Lợi dụng chính sách độ lượng từ bi bác ái của Đảng của Bác các người đã len lỏi trèo cao chui sâu, dựa vào chức quyền săn có trong tay để cưỡng bức quần chúng, hà hiếp nhân dân, trù dập người có tinh thần đấu tranh, bạc đãi với các đối tượng cách mạng của Đảng ta, nhiều bố mẹ liệt sĩ đang phải sống cô đơn với tiền trợ cấp hàng tháng chỉ đủ ăn cháo đã kéo dài trong nhiều năm, nhiều lao thành cách mạng, đảng viên lâu năm có công với nước, thương binh các loại còn đang phải vật lộn với cuộc sống hàng ngày, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc.

Luật pháp chỉ có hiệu lực với dân đen, còn những người có chức có quyền sẽ được hưởng đặc huệ sống ngoài pháp luật...

Đảng kêu gọi khôi phục lòng tin thì các người lại tiếp tục phá vỡ lòng tin. Đại hội 7 và Quốc hội khóa 8 và 9 lén ám tham nhũng là quốc nạn...

Mười tháng đầu năm 1993 thành phố Hà Nội đã phát triển thêm được đội ngũ tham nhũng là 918 vụ, gây thiệt hại 285 tỷ 161 triệu đồng, tăng 95% số vụ. Tăng 244% về thiệt hại so với năm 1992. Mười vạn người thất nghiệp, bốn vạn đì điếm, chiếm 20% toàn quốc. Số người nghiên hút chiếm 20% của 75 ngàn người trong cả nước. Lợi dụng giao đất để bán đất hàng vạn hecta toàn Thành phố. Báo *Đại Đoàn Kết* ra số 8 từ

19 đến 25-2-1994 mới thống kê sơ bộ 31  
đơn vị đã có 631.270 mét vuông đề nghị  
phải thu hồi.

Tội ác của các người Đảng không dung, dân không tha. Tất cả những điều nêu trên là những nhân chứng cụ thể rõ ràng. Xuất phát từ lòng nhân đạo truyền thống của tổ tiên mà Đảng, Bác đã giáo dục :

### *Nhiều điều phủ lấy giá gương*

*Người trong một nước phải thương nhau cùng*

Trong đội ngũ của chúng tôi hầu hết đều là những nạn nhân của các người trong mấy chục năm nay, hiện nay đã, đang đứng lên chống lại các người trong nhiều năm, nhưng không căm thù các người mà chỉ có thương sót cho các người. Vì đại bộ phận các người ít nhiều đều có công sức cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì các người đã không thăng nổi thói ích kỷ, vị tham đã bán rẻ lương tri đạo đức cách mạng, phụ lại công lao giáo dục của Đảng, Bác trong nhiều năm. Vì đồng tiền, những dục vọng thấp hèn đã làm sói mòn ý chí lương tri của người cán bộ, đảng viên cộng sản quay lưng lại với thực tiễn, chống lại Đảng, chống lại nhân dân để thỏa mãn dục vọng cá nhân. Đã đến lúc các người phải trả giá cho những tội lỗi của mình, thì chúng tôi lại sẵn sàng cứu vớt các người bằng những lời khuyên chân thành là : Các người hãy bàn kỹ với gia đình vợ con đem những thứ thu lời bất chính một cách thật thà tự giác trao lại cho nhân dân, kết hợp cộng tác cùng chúng tôi thanh trùng bọn tham nhũng đến thắng lợi hoàn toàn. Thực hiện đúng như Bác Hồ dạy : Điều được hết chuột mà

mùa Bác Hồ dạy dỗ được hết chuỗi mâu  
vẫn giữ được cái tủ kính. Còn các người  
ngon cố chống lại chúng tôi tức là  
chống lại Nghị quyết của Đảng, của  
Quốc hội khóa 9. Chúng tôi kiên quyết  
nghiêm trị các người theo đúng pháp  
luật.

Đông Nam Hải

### 3. Đơn khiếu nại

của bà Nguyễn Thị Lù

Ngày 27 tháng 7 năm 1994

Kính gửi : Liên Minh Mặt trận Chống  
Tham Nhũng Thành phố Hà Nội,  
Đồng kính gửi : Các Tổ chức từ thiện

trong và ngoài nước và các Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, các Đài phát thanh, Báo chí Trung ương và địa phương

Nhân dịp kỷ niệm 47 năm ngày  
Thương binh liệt sĩ 27-7-1947 - 27-7-  
1994, Đảng, Nhà Nước, Quốc hội phát  
động toàn dân uống nước nhớ nguồn, ăn  
quả nhớ kẻ trồng cây.

Tôi là Nguyễn Thị Lú, ngụ tại ở xã Vinh Tuy, huyện Thanh Trì, Hà Nội, làm đơn này khẩn cấp kêu van đến các tổ chức từ thiện, báo chí, cựu chiến binh trong cả nước một việc như sau :

Tôi có chồng là Dương Văn Im, xà viên nông nghiệp, vợ chồng tôi đang sống yên vui hạnh phúc, bỗng có lệnh động viên quân ngũ của Xã và Huyện đầu năm 1962. Cuối năm 1964 hoàn thành nhiệm vụ được xuất ngũ. Đầu năm 1965 lại được lệnh động viên để tái ngũ ở đơn vị C14, D6, E88 Quân đội Nhân dân Việt Nam. Cuối năm 1965 chồng tôi bị thương gãy tay, điều trị khỏi được điều về Cảng Canô Hà Nội làm bảo vệ. Vết thương tái phát bị điên rồ phải đi điều trị bệnh viện tâm thần, bị mất hết giấy tờ, ra về với hai bàn tay trắng. Tôi làm đơn gửi đi các cửa Xã, Huyện và Sở Thương binh xã hội Thành phố, đã kéo dài 26 năm nay không có ai giải quyết cho tôi cả, chỉ có đun đầy và dây dưa cho nhau. Hiện nay chồng tôi đang phải sống như người chết ở cạnh bài tha ma Vinh Tuy, ăn thì ăn bằng cơm của người chết, mặc cùng mặc quần áo của người chết, noi ở cùng bằng những tấm ván của những người chết ghép lại (có ảnh kèm theo).

Một mình tôi phải tần tảo làm lù sóm  
tối nuôi 4 con dại, đến khi được nhò,  
năm 1991, Xã, Huyện lại gọi con tôi đi  
bộ đội, lúc về cùng không được phân  
chia ruộng theo khoán 10. Gia đình đã  
nhiều lần đề nghị và làm đơn vẫn không  
được giải quyết. Trong khi đó nhiều  
người không phải là xã viên vẫn được  
phân (chia). 26 năm nay là 26 năm gia  
đình tôi đã phải sống trong khổ cực và  
đắng cay. Xã hội hoàn toàn bỏ quên  
không chút thương xót, đoái hoài. Nhiều  
lúc tôi có nghĩ giá chòng tôi lúc đó đã  
lớn đi theo ông Keng làm lính đóng cầm  
súng bắn lại ta có khi lại được ông Phạm  
Thế Duyệt cân nhắc lên chức Bí thư  
Huyện ủy chứ chẳng phải chơi, chẳng

phải làm cái chức Bí thư Đảng bộ Xã  
quèn như ông Keng mà cũng giàu nứt đố  
đỗ vách.

Tôi làm đơn này kêu gọi các Hội từ thiện Cựu chiến binh, các báo chí hay mở lượng từ bi bớt chút thời giờ xuống kiểm tra và nói giúp tôi một sự thật đau lòng ! Ôi trời cao đất dày ơi ! Ôi ông Đảng ơi ! Các ông Quốc hội, Chính phủ ơi ! Ôi những ông quan liêu lớn bé ơi ! Hãy cho tôi biết lời kêu của gia đình tôi đến bao giờ mới thấu được đến trời cao đất dày, đến được các ông. Đến bao giờ thì các đối tượng cách mạng hết lòng theo Đảng được mở mặt mở mày, hay vĩnh viễn vẫn là những con ếch nôm sâu dưới đáy giếng rồi được hưởng thụ cái bánh vẽ bằng đường mật là ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn. Đến lúc nào thì bầu sẽ thương bi ?

Nguyễn Thị Lũ

#### **4. Đơn đề nghị Quốc hội khóa 10 giải thích**

của ông Triệu Cung, bí danh Đông Nam Hải, về việc bắt giam giữ ông có đúng với pháp luật không? Nếu sai thì Quốc hội sẽ phải xử lý như thế nào với người bắt người trái phép, còn người oan sai sẽ phải được đền bù như thế nào?

Ngày 24 tháng 06 năm 2001

Kính gửi : Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh,  
Đồng kính gửi : Hội nghị Quốc hội khóa 10.

Tôi Triệu Cung bí danh là Đông Nam Hải. Sinh năm Giáp Tý (1924). Là Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương (50 tuổi Đảng). Lão thành Cách mạng. Chiến sĩ Quyết Tử Thủ Đô. Chiến sĩ Sông Thao năm 1949. Chiến sĩ Điện Biên năm 1954, Huy hiệu Chiến sĩ Lào, Sư đoàn 308 (Quân Tiên Phong). Thương binh 2-4. Tiếp quản Thủ Đô năm 1954 là Trưởng ban quân sự Ủy ban Quân quản Thành phố Hà Nội, Bí thư riêng cho Thiếu tướng Vương Thừa Vũ, Chủ tịch Ủy ban Quân quản. Năm 1972, công tác ở Tổng cục Kỹ thuật, vết thương tái phát đã khám thương tật là 71%, được nghỉ hưu tháng 12 năm 1973, ngụ tại tổ 7 Phường Mai Động, Quận

Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trưa ngày 8 tháng 11 năm 1994, tôi đang chơi ở nhà ông Ngãi, Phường Thanh Lương thì có lệnh của Q24 An ninh Thành phố, đọc lệnh bắt khẩn cấp theo lệnh của Phạm Thế Duyệt có sự đồng ý của Đô Mười, Lê Đức Anh (Lời của Đại úy Du người thụ lý vụ án). 17 giờ thì tống tới trại giam Thành phố Hà Nội (Huyện Từ Liêm), khóa còng số 8, xe bịt kín đến trại mới thả, giam vào K2, ăn ia tại chỗ mấy ngày đều không có chiếu chăn màn. Rửa đít bằng tay.

Ngày 21 tháng 12 năm 1994 thì  
chuyển tôi về khoa tâm thần Bệnh viện  
Thường Tín, Hà Tây, ngày sáu lần đóng  
mở cửa, bốn công an trông coi, nhiều  
ngày không đến mở cửa cho tôi ra ăn  
com. Hai ngày Tết năm Ất Hợi không  
đến mở cửa cho tôi ra ăn Tết (tôi phải  
nhìn).

Ngày 8-04-1995, theo lệnh của An ninh chuyển sang điều trị bắt buộc. Thượng úy Tuấn và hai công an đến mở buồng tội rồi kéo tội như một con vật đến phòng tiêm. Tiêm liền ba mũi, kéo dài 20 ngày, chân tay bị run, trí nhớ giảm. Lúc ấy mới ngừng tiêm.

Lệnh bắt thì có. Lệnh thả thì không. Vì thế tôi biên thư trả lời Hội nghị. Đề nghị Chủ tịch Nông Đức Mạnh trả lời cho tôi biết ; Đại hội 9 đã qua 2 tháng, Mười Anh Kiệt không còn là cố vấn, tại sao vẫn giới thiệu ? Phạm Thế Duyệt tại sao vẫn chưa xử lý ? Mong Hội nghị giải thích luôn.

**Triệu Cung**  
(Bí danh Đông Nam Hải)  
Tổ 7 - Phường Mai Động - Quận Hai  
Bà Trưng - Hà Nội

### *Giới thiệu báo mới*

Đàn Chim Việt

*Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan*

Bìa màu, giấy láng, trình bày trang nhã, 32 trang khổ A4. Phát hành mỗi năm 12 số, giá 35 USD.

Liên lạc : Dàn Chim Việt,  
str. Bukowiecka 92/15,  
03-893 Warsaw,  
E-mail : chimviet@poczta.  
ĐT : 00 48 67 89 550 xin  
Fax : 00 48 67 89 943

## Tổ quốc Ăn năn

của Nguyễn Gia Kiěng

Một cuốn sách nhằm trả lời hai câu hỏi :

Tại sao Việt Nam lại như hiện nay?

Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và  
yuron lên?

Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một hành trình theo dòng lịch sử và một khảo sát về nền văn hóa và các giá trị nhào nặn con người Việt Nam. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước. Sách dày 595 trang không kể lời đầu và phê bình của một nhân vật.

Giá bán :

- **Tại Pháp** : 200 FRF. Chi phiếu xin đè "Nguyen Gia Kieng", 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes.
  - **Tại Đức** : 60 DEM. Chi phiếu xin đè "Nguyen Thanh Luong", Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volksbank EG, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahl 50 19 00 00.
  - **Tại Hòa Lan** : 70 NFL. Chi phiếu xin đè "Tran Thi Men", Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đè TQĀN.
  - **Tại Úc** : 50 AUD. Chi phiếu xin đè "Thu S. Duong" và gởi về *Việt Luận Magazine*, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.
  - **Tại Hoa Kỳ** : 30 USD. Chi phiếu xin đè "Dinh Quang Anh Thai", 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.
  - **Tại Anh** : 20 GBP. Chi phiếu xin đè "Đoàn Xuân Kiên", 74 Swaffield Road, London SW 18 3 AE.
  - **Tại Canada** : 45 CND. Chi phiếu xin đè "That Thien Ton", 223 Britannia Road, Ottawa, ONT K2B 5X1.

# Thông Luận hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp và ủng hộ tài chánh của quý độc giả

## Phạm Thái và thân phận Việt Nam

Nguyễn Gia Kiểng

Trời làm một cuộc lăng nhăng  
Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông

Câu ca dao này chắc chắn đã hiện diện một cách cay đắng trong đầu óc rất nhiều người Việt Nam từ gần một nửa thế kỷ qua, nhất là từ sau ngày 30-4-1975. Phạm Thái là một trong những nạn nhân chua xót nhất của cuộc lăng nhăng đó.

Một buổi tối năm 1970 tại Paris, Nguyễn Ngọc Huy tới dùng cơm tối và hàn huyên với tôi. Liên hệ của tôi với Nguyễn Ngọc Huy lúc đó là liên hệ giữa một thanh niên mới lớn và một nhà chính trị nhiều uy tín với một tương lai đầy hứa hẹn. Nguyễn Ngọc Huy đối với tôi vừa là một đàn anh, vừa là một bậc thầy. Tôi quý trọng nhân cách của ông và có rất nhiều điều để học hỏi nơi ông. Mỗi lần hội kiến với ông là một hân hạnh và một dịp may. Ngược lại, Nguyễn Ngọc Huy muốn lôi kéo tôi theo ông. Hôm đó, Nguyễn Ngọc Huy đem tới một người khách bất ngờ : Phạm Thái. Cho tới nay tôi vẫn coi đó là món quà quý nhất mà ông đã tặng cho tôi. Từ đó, tôi có một người bạn vong niên mới.

Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là Phạm Thái không hề bối rối vì là người khách không mời mà đến. Ông tự nhiên một cách lạ thường và làm chủ tình thế ngay tức khắc. Chỉ trong một khoảng khắc tôi nhận ra là mình hợp điệu với Phạm Thái hơn Nguyễn Ngọc Huy. Ông là một người từng trải và tự tin, gấp ai biết ngay nên đổi xử như thế nào. Ông nói chuyện với tôi như một người đã quen biết từ cả cuộc đời. Và cách diễn tả của ông khác hẳn Nguyễn Ngọc Huy. Nguyễn Ngọc Huy trình bày, phân tích và kết luận. Phạm Thái trái lại không phân tích gì cả, nói thẳng và tếu. Ông tâm lý hơn Nguyễn Ngọc Huy nhiều, ông biết có những điều không cần giảng giải. Ông nói giản dị, trực tiếp và chính xác. Cách diễn đạt dễ dàng của ông chỉ một người nắm rõ vấn đề mới có được. Một luồng giao cảm mạnh nảy sinh ngay tức khắc giữa chúng tôi. Chỉ sau

vài phút chúng tôi trở thành người tri kỷ. Tôi hôm đó, tôi nói chuyện với ông nhiều hơn là với Nguyễn Ngọc Huy.

Không phải Nguyễn Ngọc Huy khô khan và lý thuyết. Các đồng chí của Nguyễn Ngọc Huy đều biết một khía cạnh đặc biệt nơi ông : đối với những người thân tình, ông nói thẳng, nói thực, nói một cách khôi hài, thường thường còn đùa giỡn một cách rất mặn. Trong một lần gặp gỡ, trước khi ông qua đời, không biết vì lý do gì tôi nhắc tới tiếng "côn đồ", Nguyễn Ngọc Huy đột ngột hỏi tôi : "Thực ra cậu có biết côn đồ là gì không?", và ông giải thích một cách khoái chí về "côn" và "đồ". Nhưng Phạm Thái có cái tự nhiên khác, cái tự nhiên của một người coi đời chỉ là một cuộc chơi. Có một cái gì đó khiến tôi nghĩ rằng Phạm Thái là một người rất cao ngạo, đánh giá người khác một cách khá tàn nhẫn. Thái độ tự nhiên của ông là một sự tôn vinh với người trước mặt vì nó là dấu hiệu của tình bạn. Phạm Thái chỉ dành sự tự nhiên này cho một số người rất giới hạn.

Cái tên Phạm Thái của ông chứng tỏ điều đó. "Phạm Thái" là tên của một nhân vật có thực, sống vào thời Tây Sơn, một con người tài hoa, cao ngạo, bất cần đời, một phần nào đó đã thất bại chính vì quá tài hoa so với thời đại của mình. Ở Việt Nam đã có nhiều người lấy tên Phạm Thái vì ngưỡng mộ nhân vật lịch sử đó. Nhưng không ai giống nhân vật Phạm Thái như Nguyễn Ngọc Tân, tên thực của người bạn vong niên của tôi.

Phạm Thái thời Tây Sơn là một nhân vật hào hoa phong nhã, văn võ kiêm toàn và có thiên khiếu nghệ thuật. Nghề kiếm của Phạm Thái được truyền tụng là không có địch thủ và bài *Chiến tụng Tây Hồ* phú của ông là một áng văn tuyệt tác. Phạm Thái cũng là người khinh thường tất cả mọi hệ lụy trần thế, cuối cùng suốt đời sống bất đắc chí, thất bại vì bất cần đời. Nhưng Phạm Thái đã sống một cuộc đời đầy đam mê và trở thành một nguồn cảm hứng cho đời sau,

Anh nằm xuống  
Sau một lần đã đến đây  
Đã vui chơi trong cuộc đời này  
Đã bay cao trong vùng trời này  
Trịnh Công Sơn

một mẫu mực của tài hoa trong sáng. Khái Hưng viết truyện *Tiêu Sơn Tráng Sí* vì say mê nhân vật Phạm Thái. Nhiều người làm cách mạng sau này đã lấy tên Phạm Thái dù Phạm Thái chỉ là một người đã thất bại.

Tôi quen ít nhất ba người lấy tên tự là Phạm Thái. Người nào cũng có nét độc đáo, nhưng không ai làm sống lại nhân vật Phạm Thái bằng Nguyễn Ngọc Tân. Đối với tôi, ông xứng đáng danh hiệu Phạm Thái. Ông là một Phạm Thái của thế kỷ 20, cũng bất cần đời và thách thức mọi quyền lực như Phạm Thái của thế kỷ 18, nhưng có lẽ tình cảm hơn.

Một lần tôi hỏi ông sao lại lấy làm mẫu mực một con người bất đắc chí, Phạm Thái trả lời rằng vì ông giống Phạm Thái ở chỗ coi thường sự thành công. Có một cái gì rất làng mạn nơi Phạm Thái làm tôi càng quý mến ông.

Phạm Thái chưa bao giờ nói với tôi về ông, trừ một lần ông cho biết định soạn thảo một bộ tự điển Hán-Việt. Ông nói điều này ra ý kiến đó khi ở tù và tiếp tục ý kiến đó lúc lưu vong ở Phnom Penh. Những điều ít ỏi mà tôi biết về ông là do Nguyễn Ngọc Huy và các bạn chung kể lại. Tôi chưa từng bao giờ hỏi thêm về ông. Tôi thấy không cần thiết. Tôi chẳng trao đổi với ông được bao nhiêu nhưng vẫn thấy rất thân mật với ông. Càng thân mật khi phần đông những người biết ông, hay đúng hơn tự cho là biết ông, mà tôi có dịp trao đổi đều có vẻ không thích và không đánh giá cao Phạm Thái. Điều càng làm tôi gần ông thêm là cảm tưởng mình là một trong những người rất hiếm hoi hiểu được giá trị của Phạm Thái, và cũng có diễm phúc thuộc vào số người rất ít ỏi mà Phạm Thái có cảm tình ngược lại.

Một thí dụ về tính bất cần đời của Phạm Thái : lúc đó ông đang là nhân vật quan trọng của Tân Đại Việt và Phong trào Quốc gia Cấp tiến, ông Huy muốn lôi kéo tôi vào phong trào đó và đã giới thiệu Phạm Thái cho tôi cùng vì lý do đó, nhưng Phạm Thái làm tôi ngạc nhiên khi ông bàn ra : "tất cả các tổ chức chính

*trị hiến nay đều chẳng có tương lai nào”.*

Phạm Thái tuổi Dậu, có nghĩa là ông sinh năm 1921. Ông học hết Collège de Cần Thơ, lên Sài Gòn học rồi bị truy nã, bỏ trốn qua Phnom Penh và bắt đầu cuộc sống giang hồ. Ông gia nhập Đảng Tân Đại Việt rất sớm. Ông vào Nam, ra Bắc, lưu lạc các nước Đông Nam Á, thường thường sống ngoài vòng pháp luật. Tôi biết chắc chắn ông học rất nhiều, có một trí nhớ phi thường và một óc tổng hợp mà không một chính trị gia nào ở lứa tuổi của ông có được. Phạm Thái vượt xa thời đại của ông. Điều này dù tất cả những người biết ông đều không nhìn nhận, tôi vẫn tin. Có lẽ Phạm Thái đã không được nhìn nhận đúng giá trị của ông vì ông kiêu căng quá, không coi gì là quan trọng, không chịu giải thích bao giờ. Và nhất là không đủ kiên nhẫn để nghe những điều nhảm chán.

Làng mạn và nghệ sĩ, Phạm Thái coi cuộc đời như một ván cờ, và ông quá kiêu căng để chấp nhận thua những thế cờ mà ông cho là lý thú. Trong cuộc đời làm cách mạng, Phạm Thái đã nhiều lần vào sinh ra tử và tổ chức thành công nhiều vụ mạo hiểm liều lĩnh. Thời gian Phạm Thái đắc chí nhất có lẽ là giai đoạn 1945. Đó là giai đoạn rất gian truân cho phe quốc gia, lực lượng đã ít ỏi lại phải lường đầu thọ địch, bị cả Pháp lẫn Việt Minh lùng diệt. Phạm Thái đánh lại cả hai nhưng vẫn sống sót, hai lần bị Việt Minh bắt, hai lần ông vượt ngục thành công. Phạm Thái đã gây thiệt hại không ít cho phe cộng sản dù phải đương đầu trong thế yếu với một đối thủ sau này đã trở thành một huyền thoại của đảng cộng sản, La Văn Liếm, mà hoàn cảnh đã khiến sau ngày 30-4-1975 tôi cùng được quen biết. Phía Pháp cũng không làm gì được Phạm Thái, trái lại còn chịu một mất mát lớn đối với Phạm Thái : tướng Chanson, tư lệnh quân đội Pháp tại Nam Kỳ, đã thiệt mạng cùng với thủ hiến Thái Lập Thành trong một vụ ám sát mà Phạm Thái là một trong những nhân vật chủ mưu.

Phạm Thái là một lãnh tụ hàng đầu của Tân Đại Việt nhưng chưa bao giờ là nhân vật số một. Sự kiện đó là do con người của Phạm Thái. Kiến thức của ông quá trải rộng (và chưa chín muồi trên một số điểm chính ?) để có thể tin

tưởng một cách mạnh mẽ và bảo vệ một cách hăng say một đường lối, ông quá nghệ sĩ để có thể duy trì một kỷ luật nội bộ, và cũng quá phóng đãng để có thể làm biểu tượng của một chính đảng. Và lại Phạm Thái không thích chức vụ và quyền lực, ông coi danh vọng là phù phiếm. Phạm Thái hành động vì tính bất khuất và lao vào hiểm nguy như chấp nhận một cuộc chơi. Phạm Thái không nghiêm chỉnh.

Sau Hiệp định Genève 1954, Đảng Đại Việt tập trung lực lượng, tổ chức lại tại miền Nam và lập ra một cơ quan ngôn luận : tuần báo *Tự Quyết*. Tuần báo này tập trung những nhà lý luận chính của đảng và Phạm Thái trở thành chủ bút. Tuần báo hơi có vẻ hài hước, đôi khi loan nhiều tin vịt để chọc cười. Nhưng bên cạnh những bài tiểu đó là những bài nghị luận rất sắc bén của Phạm Thái và Nguyễn Ngọc Huy.

Tờ báo đã thành công lớn, nhưng chẳng bao lâu chính quyền Ngô Đình Diệm nhận ra sự trỗi dậy của một chính đảng cách mạng chân chính. Tờ báo *Tự Quyết* bị đóng cửa, Đảng Đại Việt bị truy lùng. Hà Thúc Ký bị bắt, Nguyễn Tôn Hoàn và Nguyễn Ngọc Huy chạy trốn sang Paris, Phạm Thái đào thoát qua Phnom Penh và ở đó cho tới khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ.

Sau cuộc đảo chính của Nguyễn Khánh (1964), đảng Đại Việt được đưa vào chính quyền, ông Nguyễn Tôn Hoàn, chủ tịch đảng, trở thành phó thủ tướng đặc trách bình định, ông Hà Thúc Ký trở thành tổng trưởng nội vụ, nhiều cán bộ Đại Việt được cử giữ những chức vụ quan trọng khác, nhưng nhiều nhân vật lỗi lạc của Đảng Đại Việt vẫn đứng trong hậu trường. Nguyễn Ngọc Huy và Phạm Thái trở thành hai phụ tá của Nguyễn Tôn Hoàn. Nguyễn Ngọc Huy làm đồng lý văn phòng, Phạm Thái làm cố vấn. Cuộc hợp tác giữa Đại Việt và Nguyễn Khánh đã rất ngắn ngủi, và Nguyễn Khánh cũng không tồn tại được bao lâu. Dưới thời đệ nhị cộng hòa miền Nam, Phạm Thái trở thành một dân biểu của Phong trào Quốc gia Cấp tiến cho đến ngày 30-4-1975.

Đảng Đại Việt đã có được khoảng mười năm hoạt động tự do tại miền Nam nhưng đã không vượt lên được để nắm lấy chính quyền, mặc dầu đã thành công

hơn Việt Nam Quốc dân Đảng và một số tập hợp chính trị khác mới thành lập. Lý do là bối cảnh quốc gia và quốc tế đã thay đổi và Đảng Đại Việt, dù khá hơn các chính đảng khác, đã không thích nghi được. Cuộc chiến đang khốc liệt, người Mỹ quyết định hầu như tất cả, và vì họ không thấy một đảng quốc gia nào có hậu thuẫn quần chúng mạnh nên họ dựa vào đám tướng tá chuyên nghiệp hoàn toàn không hiểu biết gì về chính trị. Mặt khác, quần chúng không hưởng ứng mạnh mẽ một chính đảng nào cả bởi vì không có chính đảng nào có được một lãnh tụ đủ sức lôi cuốn và một cương lĩnh phù hợp với thời đại mới. Đảng Đại Việt là một đảng cách mạng sinh sau đẻ muộn nên đã không thể thành công trong giai đoạn cách mạng, nhưng về bản chất nó cũng vẫn là một đảng cách mạng nên không thể thành công trong giai đoạn sau cách mạng. Nó vẫn chất vật để tìm một chủ nghĩa ở vào một thời đại mà các chủ nghĩa không còn lý do tồn tại. Chủ nghĩa "dân tộc sinh tồn" của Trương Tử Anh đã hoàn toàn lỗi thời. Nguyễn Ngọc Huy đã cố gắng tân trang, nhưng nó vẫn không có sức thuyết phục. Phạm Thái là một trong những con người ít ỏi đã nhận ra sự bế tắc tư tưởng đó, dù phải nói là ông cũng chưa tìm ra lối thoát, khi ông kết luận rằng các đảng phái lúc đó đều không có tương lai.

Phạm Thái lớn lên vào giữa lúc đất nước bắt đầu chuyển biến mạnh và đảng cộng sản đã giành được ưu thế. Ông nhận diện được thực chất của đảng cộng sản và cái tai hại của nó. Ông đã vùng vẩy để đảo ngược tình thế nhưng đảng cộng sản đã quá mạnh, lại còn được sự chuyên chở của một trào lưu đang lên và cũng biết khai thác tình huống thuận lợi, nên ông đã không thành công. Ông đã chỉ đi từ thất vọng này đến thất vọng khác. Khí thế của đảng cộng sản đã lên quá cao vào lúc Phạm Thái nhập cuộc. Điều này Phạm Thái có thể nhận thấy một cách rất giàn gu : ông đã không lôi kéo được ngay cả hai người em ruột của ông ; cả hai đều đã bị quyến rũ bởi hào quang của Cách mạng Tháng 8 và đều đi theo cộng sản. Sự kiện này có ảnh hưởng rất quyết định trên con người Phạm Thái. Ông chống cộng, và chống cộng rất kịch liệt, nhưng ông luôn luôn

nhìn những người cộng sản với tất cả sự bao dung.

Phạm Thái đã chấp nhận một cuộc đấu không cân xứng và đã chịu trọn vẹn hậu quả của nó. Sau ngày 30-4-1975, ông đã ở tù trong 15 năm. Nhưng bỏ cuộc không có trong tự diễn cá nhân của Phạm Thái. Được phóng thích khi tuổi đã gần kề 70, Phạm Thái bắt đầu ngay một cuộc chiến đấu khác, trên một đường lối khác : dân chủ đa nguyên, hòa giải dân tộc, bất bạo động. Lập trường đó dần dần chín muồi và đã làm nền tảng cho sự thành lập Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ năm 1993 với ông Nguyễn Đình Huy làm chủ tịch, và Phạm Thái làm phó chủ tịch. Một lần nữa, Phạm Thái vẫn không phải là nhân vật số một. Có lẽ ông đã nghiêm chỉnh hơn, nhưng ông đã già rồi. Phong trào này đã được chính quyền cộng sản săn nhầm mắt làm ngơ trong hơn nửa năm rồi bị đàn áp.

Vào tháng 11-1993, khi những người chủ chốt của Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ bị bắt, Phạm Thái đã được tại ngoại chờ ra tòa, đó cũng là một điều rất ngộ nghĩnh. Phạm Thái đã nói với viên chức cộng sản thẩm vấn ông là ông chẳng có gì để khai vì cùng chẳng có gì để giấu, và ông sẽ không bỏ trốn, cứ để ông ở nhà, lúc nào xử cứ báo cho ông biết, ông sẽ lấy xích-lô đến thẳng tòa, lúc nào muốn giam giữ ông cứ việc báo cho ông, ông sẽ quyết định một là tự tử, hai là lấy xích-lô đến thẳng khám Chí Hòa. Ý định tự tử có lẽ đã thực sự có trong đầu ông. Có lẽ vào tháng 11-1993 nếu chính quyền cộng sản quyết định bắt giam ông, không chừng Phạm Thái đã tự tử thật. Nhưng Phạm Thái đã được tại ngoại.

Mùa hè 1995, Phạm Thái bị giải tòa, bị kết án 11 năm tù nhưng được phóng thích đầu năm 2000. Trong thời gian chờ ra tòa đi tù, Phạm Thái liên lạc nhiều với tôi, thư nào ông cũng tỏ ra vui vẻ, trong một lá thư ông còn tỏ ra rất hân hoan. Ông nói trong suốt cuộc đời tranh đấu chưa bao giờ ông thấy sung sướng bằng lúc này, vì lần đầu tiên có được niềm tin chắc chắn rằng lý tưởng mà mình theo đuổi sẽ thắng. Thật ngộ nghĩnh noi một con người đang chờ ra tòa lánh án tù.

Cuối năm 1994, tôi nhận được hai bản viết tay của Phạm Thái. Phạm Thái bảo tôi cứ việc xuất bản. Lúc đó tôi lưỡng lự bởi vì không biết việc phát hành sẽ ảnh hưởng thế nào đến vụ án.

Đó là một quyết định rất khó khăn. Phạm Thái một lần nữa bảo tôi cứ việc xuất bản, ông chấp nhận mọi hậu quả.

Tôi tập trung hai tài liệu không dài không ngắn này vào cùng một cuốn sách với cái tên chung là "Đất nước Hôm nay". Nhưng cuốn sách này đã không bao giờ ra mắt, bởi vì nhà xuất bản được trả tiền và được trao việc in ấn đã gặp khó khăn nên khát lòn và sau này phả sản. Khi tôi ý thức được sự kiện này thì đã quá trễ, cả hai tài liệu của Phạm Thái đều đã mất tính thời sự.

Vài ngày sau khi Phạm Thái được phóng thích, tôi gọi điện thoại về thăm ông. Tôi hỏi :

- Anh có nhận ra giọng ai không ?

Phạm Thái cười ha hả :

- Kiêng ! Má Kiêng có "g". Tụi tao ở trong tù nhắc tới mày luôn, tao thường bảo tụi nó khi viết tên mày thì đừng quên chữ "g".

Tôi nói :

- Anh Bảy bây giờ gần 80 rồi, chắc cũng nên cáo biệt giang hồ để hưởng nhàn nhường năm chót.

- Mày muốn khích tướng hả ? Tao mà bỏ cuộc à ?

Rồi ông nói chậm lại, lần đầu tiên thoáng một âm điệu buồn : "Nhưng ra chiêu lần này chắc là lần chót rồi, phải cẩn nhắc. Tao cần một thời gian suy nghĩ".

Vài tuần sau ông gửi tặng tôi một tấm hình trong đó ông đang cởi trần đi một bài quyền thiếu lâm.

Phạm Thái đã chết trước khi kịp ra chiêu cuối cùng, ngày thứ hai 12 tháng 11-2001 ở tuổi 80. Ba ngày trước đó, ngày thứ sáu 9-11 người em của ông, cựu đảng viên cộng sản từng đi tập kết ở miền Bắc, cung đã từ trần, ông mới làm đám tang cho em mình ngày hôm trước. Ít nhất cái chết đã biết lễ phép đối với ông. Nó đến một cách rón rén. Phạm Thái đã minh mẫn và khỏe mạnh cho đến phút cuối. Ông ngủ trưa và không thức dậy nữa. Phạm Thái đã không hề biết cái chết như ông vẫn khinh thường nó trong suốt cuộc sống đầy sóng gió.

Chúng ta thường nói tới nợ nước. Phạm Thái đúng là có duyên nợ với đất nước. Ông sinh ra trong một gia đình giàu có với tất cả tương lai tươi sáng trước mắt, nhưng ông đã bỏ tất cả vì nợ nước. Ông đã cả một đời gian lao vì đất nước nhưng vẫn đã chấp nhận tất cả. Không có một cái nợ tiền kiếp với đất nước khó ai có thể như Phạm Thái.

Tại sao đất nước lại như ngày hôm nay ? Trường hợp Phạm Thái là một câu trả lời. Khi một đất nước ngược đãi những đứa con tinh hoa như Phạm Thái thì số phận bi đát là một lẽ dĩ nhiên.

Phạm Thái tếu, nhưng chắc chắn dằng sau cái tếu đó là cả một nỗi buồn tê tái. Phạm Thái nhìn thấy khả năng thay đổi số phận dân tộc, ông tin chắc chế độ độc tài này có thể đánh bại được, nhưng ông cũng nhìn thấy thái độ thụ động nhu nhược của người đương thời. Ông cảnh cáo : "Coi chừng một ngày nào đó bọn đàn ông chúng ta lành mỗi đứa một cái yếm Tư Mã Y". Có những tiếng cười nghe như một tiếng thở dài.

Gần như trong cùng thời điểm, Lê Đức Anh, nhân vật quyền lực nhất Việt Nam trong hơn mười năm qua cũng ra trình diện cái chết, nhưng đã được tạm hoàn hạn kỳ.

Hai con người cùng tuổi, và có lẽ cùng chết cách nhau không xa, cùng can trường như nhau nhưng trí tuệ và nhân cách thì khác nhau một trời một vực. Oái oăm thay cái thấp đã thắng cái cao. Lê Đức Anh đã là nhân vật uy quyền nhất nước vào lúc Phạm Thái ngồi tù. Phạm Thái đang ôm hận sinh bát phùng thời, đành phải chịu một thân phận hẩm hiu, thân phận mà đất nước Việt Nam đã dành cho ông.

Trời làm một cuộc lăng nhăng  
Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.

Đến bao giờ cuộc lăng nhăng này mới chấm dứt ?

**Nguyễn Gia Kiêng**

Thông Luận  
hoan nghênh mọi ý  
kiến và đóng góp tài  
chánh của quý độc giả

## Vạn Lý Trường Thành

Nguyễn Phi Phụng

Vạn Lý Trường Thành là một trong bảy kỳ quan của thế giới được Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp Quốc (UNESCO) đưa vào di sản văn hóa của nhân loại. Cho đến ngày nay, các nhà khảo cổ và sử học thế giới vẫn còn đặt nhiều câu hỏi làm sao con người có thể thực hiện một công trình của những người không lò bằng cách xây cất thành lũy qua các núi non hiểm trở và sa mạc với kỹ thuật vận tải thô sơ đương thời. Chỉ cần nêu ra vài con số khó tưởng tượng mà ngay ở vào đầu thế kỷ 21 còn làm cho chúng ta phải 'chóng mặt': 180 triệu thước khối đất, 60 triệu thước khối đá sỏi, một triệu nhân công trên năm triệu dân số dưới thời Tần Thủy Hoàng bị cưỡng bách đi lao dịch chưa nói đến việc hao tổn tiền của, số người chết vì bệnh tật, ngược đai, tù tội... Một chuyên gia bình luận nếu phải xây cất lại Vạn Lý Trường Thành với kỹ thuật hiện đại thì phải tốn đến 380 tỷ đô la Mỹ, tương đương với GDP của toàn Phi châu.

Người Trung Quốc gọi Vạn Lý có nghĩa là 10 000 lý. Một lý là 0,5 cây số, như vậy là 5 000 cây số. Sách vở thường ghi chép 12 700 lý tương đương là 6 350 cây số, nhưng để chỉ đoạn đường nối liền từ Sơn Hải quan (Shan Hai guan) gần vịnh Bột Hải (Bo Hai) thuộc tỉnh Hà Bắc đến Gia Dụ quan (Jia Yu guan) thuộc tỉnh Cam Túc (Gan Su), giáp giới với tỉnh Tân Cương (Xin Jiang) trên con đường tơ lụa (Silk Road) sau khi đi qua các tỉnh Hà Bắc, phía bắc Bắc Kinh, Sơn Tây, Nội Mông, Thiểm Tây, Ninh Hạ. Các sử gia Trung Quốc đưa ra con số 100 000 lý nếu như phải cộng lại các thành lũy đã được xây cất rải rác trong toàn xứ từ thời Xuân Thu Chiến Quốc ở Sơn Đông, Hà Nam, Thiểm Tây, Hồ Bắc, Hồ Nam, Nội Mông. Chỉ riêng ở Nội Mông đã có tới với 30 000 lý.

Dài tivi 5 của Pháp đã chiếu lại ngày 27-10 một phim tài liệu về Vạn Lý Trường Thành và đã gợi ý cho người viết thực hiện bài viết này. Lý do là người viết bài này đã có may mắn đi trên con đường tơ lụa và đã đến thăm đoạn

Trường Thành ở Gia Dụ quan gần động Đôn Hoàng (Dun Huang), nơi di tích lịch sử về chạm khắc tranh họa trên vách đá núi từ đời 16 triều đại (thế kỷ 4), đoạn Bát Đạt Linh (Ba Da Ling) và đoạn Tụ Mã Đài (Si Ma Tai) ở phía Tây Bắc và Đông Bắc Bắc Kinh.

### Lịch sử Vạn Lý Trường Thành

Theo lịch sử Trung Quốc, Trường Thành đã có từ đời Xuân Thu (1121-770) dưới thời Tùy Chau vào thế kỷ thứ 9 để ngăn chặn giặc Tây Nhụng (Xi Rong) nhưng được xây cất có hệ thống vào thời Chiến Quốc (475-221) trước công nguyên. Vào thời kỳ này, ba nước Tần, Triệu và Yên cho xây đắp thành lũy để ngăn chặn giặc Hung Nô (Xiong Nu) từ phía bắc Mông Cổ. Ngoài ra giữa các nước Ngụy, Tần, Lỗ, Tề, Tấn, Tống, Sở, Yên đều có thành lũy để chống lẫn nhau. Sau khi thống nhất đất nước vào năm 221 trước Công Nguyên (TCN), Tần Thủy Hoàng cho nối liền các đoạn đã có ở phía bắc và đồng thời xây cất thêm để chống giặc Hung Nô.

Kế tiếp là nhà Hán, triều đại Bắc Nam (thế kỷ 4 và 5), triều đại Bắc Kim (thế kỷ 12) và cuối cùng nhà Minh (thế kỷ 14) cho tu sửa và xây cất thêm. Trong nhiều thế kỷ từ triều đại Bắc Nam đến nhà Bắc Kim và từ nhà Thanh trở đi, Vạn Lý Trường Thành hầu như bỏ hoang.

Những thành lũy trong thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc :

#### 1. Thành lũy của nước Sở (Chu)

Nước Sở là một trong những nước hùng mạnh nhất trong thời kỳ Xuân Thu, nằm trên sông Trường Giang. Theo Tả Truyện, Trình Sở vương cho xây, năm 656 TCN, một thành lũy hình tròn dài 500 cây số để chống lại mộng xâm lăng của Tề ở phía đông bắc, của nước Tấn ở phía Bắc và của nước Tần ở phía Tây Bắc. Thành lũy này đi từ huyện Trúc Sơn (Zhu Shan) tỉnh Hồ Bắc đi qua phía Đông Nam tỉnh Thiểm Tây đến huyện Tiết Dương (Bi Yang) phía tây nam thuộc tỉnh Hà Nam. Nhờ thành lũy này mà Sở đánh bại Tần vào năm 624 TCN.

#### 2. Thành lũy của nước Tề (Qi)

Đầu thế kỷ 5 TCN, nước Tề ở tỉnh Sơn Đông cùng đã có một thành lũy. Bắt đầu từ thế kỷ 4 TCN, xứ này cho xây cất một thành lũy khác dài 500 cây số từ Đông sang Tây để phòng xâm lăng của Sở ở phía nam. Thành này đi từ huyện Bình Âm (Ping Yin) ra đến Giao huyện (Jiao xian) cạnh bờ biển. Ngày nay người ta còn thấy di tích ở Lai Vu (Lai Wu) và Thái An (Tai An). Chiều ngang của thành lũy có từ 4 đến 5 thước và chiều cao từ 1 đến 4 thước.

#### 3. Thành lũy của Trung Sơn (Zhong Shan)

Trung Sơn là tên một nước chư hầu nhỏ thời Chiến Quốc nằm ở trung tâm tỉnh Hà Bắc. Để phòng vệ xâm lăng của Triệu và Tấn ở phía Tây Nam, xứ này cho xây cất, năm 369 TCN, một thành lũy dài 250 cây số dọc theo núi Thái Hàng (Tai Hang) ở biên giới của hai tỉnh Hà Bắc và Sơn Tây. Dù vậy, xứ này vẫn bị nước Triệu thôn tính vào năm 296.

#### 4. Thành lũy của nước Ngụy (Wei)

Nước Ngụy nằm ở hai tỉnh Hà Nam và Thiểm Tây hiện nay là một nước hùng mạnh và hưng thịnh vào đầu thời Chiến Quốc. Để phòng vệ xâm lăng của giặc Khuyển Nhụng (Quan Rong) ở tây bắc và của nước Tần ở phía Tây, hai thành lũy được xây cất vào 361-355 TCN. Thành lũy đầu dài 300 cây số đi từ núi Hoa Sơn thuộc tỉnh Thiểm Tây đi về hướng bắc dọc theo phía Tây sông Hoàng Hà. Ngày nay người ta còn tìm thấy di tích ở các thị trấn Hoa Âm (Hua Yin), Diên An (Yan An) và Tùy Đức (Sui De). Thành lũy thứ hai dài 50 cây số đi từ ngoại ô thành phố Trịnh Châu (Zheng Zhou), thủ phủ tỉnh Hà Nam đi đến Nguyên Dương (Yuan Yang).

#### 5. Thành lũy của nước Tần (Qin)

Nước Tần nằm ở hai tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc hiện nay. Phía tây bắc xứ này thường bị giặc Hung Nô quấy nhiễu cho nên các vua Tần cho xây cất từ năm 324 TCN một thành lũy dài 1000 cây số đi từ Mân huyện (Min xian), phía Nam thành phố Lan Châu (Lan Zhou), thủ phủ tỉnh Cam Túc đến Đông Bắc tỉnh Thiểm Tây, bên cạnh lưu vực sông Hoàng Hà.

#### 6. Thành lũy nước của Yên (Yan)

Nước Yên thời Chiến Quốc là một trong những nước hùng mạnh nằm ở

đông bắc xứ Trung Quốc ngày nay với thủ đô là Bắc Kinh. Xứ này cho xây cất hai thành lũy. Thành lũy phía nam dài 250 cây số được xây cất đầu thế kỷ 4 TCN để chống xứ Triệu được Tần yểm trợ. Thành này đi từ Dịch huyện (Yi xian) đến Văn An (Wen An) thuộc tỉnh Hà Bắc, sau khi đi qua Từ Thủy (Xu Shui) và Nhiệm Khâu (Ren Qiu). Thành lũy phía bắc dài 1 200 cây số được xây từ năm 254 TCN để chống rợ Đông Hồ (Dong Hu). Thành này đi từ Trường Gia Khẩu (Zhang Jia Kou) thuộc tỉnh Hà Bắc đến Liêu Dương (Liao Yang), thuộc tỉnh Liêu Ninh sau khi đi qua Nội Mông.

### 7. Thành lũy của nước Triệu (Zhao)

Nước Triệu nằm ở tỉnh Hà Bắc với thủ đô là Hán Đan (Han Dan) hiện nay. Xứ này cũng cho xây cất hai thành lũy ở phía nam và phía bắc. Thành lũy phía nam Hán Đan dài 200 cây số được xây năm 333 TCN để phòng vệ xâm lăng của hai xứ Ngụy và Tần. Thành lũy phía bắc dài 650 cây số được xây cất từ năm 312 TCN để chống rợ Hồ từ Nội Mông tràn qua. Thành này đi từ huyện Tuyên Hóa (Xuan Hua) ở Hà Bắc đến dòng băng sông Hoàng Hà ở Nội Mông.

### 8. Vạn Lý Trường Thành của Tần Thủy Hoàng

Sau khi Tần Thủy Hoàng tiêu diệt sáu nước Hán, Triệu, Ngụy, Sở, Tề, Yên vào năm 221 TCN, một phần lớn các thành lũy đã có bị phá hủy để dùng xây cất thành lũy mới ở phía bắc dài 10 000 lý mà đời sau gọi là Vạn Lý Trường Thành. Tần Thủy Hoàng giao sứ mang xây cất Trường Thành cho tướng Mông Diêm. Lý do là ở phía bắc hai dân tộc thiểu số Hung Nô và Đông Hồ thường đem quân quấy nhiễu ở biên giới Nội Mông. Năm 215 TCN, tướng Mông Diêm thống lãnh 300 000 quân, một mặt chiếm lại lưu vực sông Hoàng Hà ở Nội Mông và mặt khác cho xây thành lũy mới. Đoạn thành lũy đã có thời đời Tần dài 1 000 cây số được cho nối liền với đoạn phía bắc của nước Triệu dài 650 cây số và đoạn phía bắc của nước Yên dài 1200 cây số. Đồng thời Tần Thủy Hoàng cho xây cất thêm đoạn thành lũy độ 2 000 cây số đi từ Lâm Đào (Lin Tao) thuộc tỉnh Cam Túc đến Trường Gia Khẩu để làm thành Vạn Lý Trường Thành.

Phải nói thêm là tướng Mông Diêm

cho sửa chữa và xây cất đoạn thành lũy mới trong thời gian kỷ lục từ năm 217 đến 210 TCN. Theo sử ký của Tư Mã Thiên, nước Trung Hoa lúc đó chỉ có 5 triệu dân trong đó một triệu dân (20% dân số) bị cường bách phải làm lao dịch để xây cát Trường Thành. Theo kế sách của thừa tướng Lý Tư (Li Si) được Tần Thủy Hoàng phê chuẩn, ai không chịu đốt sách - ngoại trừ sử biến niên đời Tần, sách y được khoa và canh nông - sẽ bị cao trọc và bị khắc mực trên mặt để sau đó đưa đi làm lao dịch trong 4 năm. Các phạm nhân thì đương nhiên đưa đi làm lao dịch còn nông dân thì bị trưng dụng một cách tùy tiện mà không cần phải đưa ra lý do nào.

Nói đến Trường Thành dưới thời Tần Thủy Hoàng, người Trung Quốc ai cũng đều biết câu chuyện của Mạnh Khương Nữ (Meng Jiang Nu) . Sau khi thành hôn được ba ngày, chồng Mạnh Khương Nữ bị bắt đi làm lao dịch. Đến mãi không thấy chồng về, bà ra đi tìm chồng ở dưới chân Trường Thành ở Sơn Hải quan. Đến nơi được biết chồng đã chết trước đó vài tháng, bà khóc trong nhiều ngày đến nỗi một đoạn thành lũy dài 20 cây số phải sụp đổ. Bà tìm thấy thi thể và xương cốt của chồng và nhiều người khác trong các mảnh vỡ của bức tường. Sau khi làm mai táng chồng, bà trầm mình xuống biển. Ngày nay, một thành lầu còn để lại để tưởng niệm Mạnh Khương Nữ ở phía đông Sơn Hải quan. Đây là một câu chuyện dà sử để chứng tỏ nỗi khổ đau của người dân trong một chế độ hung tàn bạo ngược.

### Đoạn Trường Thành về phía Tây và phía Đông

Dến đời Tây Hán (206 TCN-24 SCN) vua Hán Cao Đế Lưu Bang và các vua nối tiếp nhau là vua Hán Vũ Đế Lưu Triết (141-87) cho tu bổ và xây cất thêm một số thành lũy khác. Lịch sử Trung Quốc thường nhắc lại Lưu Bang bị quân Hung Nô vây khốn trong 7 ngày 7 đêm ở Bình Thành, nay ở phía đông của thành phố Đại Đồng (Da Tong) thuộc tỉnh Sơn Tây. Để dân chúng được an cư lạc nghiệp, Lưu Bang đưa ra một chính sách thân thiện với Hung Nô bằng cách có ý định gả con gái của mình cho thủ trưởng Hung Nô tên Thuyền Vu (Chan Yu) nhưng Lã Thái hậu không đồng ý.

Cuối cùng một thiếu nữ thuộc hoàng tộc giả công chúa được đem gả cho Thuyền Vu. Nhờ đó mà nhà Hán được yên bình hơn một thế kỷ.

Nhưng đến thời Hán Vũ Đế (Wu Di) Lưu Triết thì giặc Hung Nô lại quấy nhiễu chiếm đất. Vua Lưu Triết đem quân chống trả và cho xây, năm 120, một thành lũy dài 1 000 cây số đi từ Vĩnh Đăng (Yong Deng), phía tây bắc thành phố Lan Châu đến cửa Ngọc Môn (Yu Men guan) thuộc tỉnh Cam Túc. Năm 101 TCN, vị vua này cho xây cất thêm một thành lũy khác dài 600 cây số đi từ cửa Ngọc Môn đến hồ Lop Nor thuộc tỉnh Tân Cương.

Vào thời kỳ các triều đại Bắc Nam (từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 5 sau Công Nguyên) và tiếp sau đó đời Tùy (589-618) và Bắc Kim (1115-1234), nhiều đoạn thành lũy khác cũng được xây cất.

Người Thác Bạt (Tuo Ba) sau khi chiếm lấy Bình Thành (Đại Đồng) lập ra triều đại Bắc Ngụy (386-534) áp dụng chính sách của Tần và Hán. Họ cho xây cất, năm 423, một thành lũy dài 1 000 cây số đi từ phía đông Hà Bắc đến thị trấn Ngù Nguyên (Wu Yuan) thuộc Nội Mông để chống dân thiểu số Khiết Đơn (Qi Dan hay Khi Tan) ở phía đông bắc. Một đoạn thành lũy thứ hai dài 500 cây số cũng được xây cất năm 446 đi từ cửa Cư Dung (Ju Yong guan), phía bắc Bắc Kinh đến Hà Khúc (He Qu), về phía tây gần biên giới tỉnh Thiểm Tây.

Năm 550, Bắc Tề (550-577), sau khi tiêu diệt Đông Ngụy (534-550), thiết lập kinh đô ở Lâm Chương (Lin Zhang) thuộc tỉnh Hà Bắc. Đất đai của xứ này bao gồm bốn tỉnh Hà Bắc, Hà Nam, Sơn Tây và Sơn Đông hiện nay. Để chống xâm lăng của hai dân thiểu số Đột Quyết (Tu Jue) và Khiết Đơn từ phương bắc, họ cho xây cất, năm 552, một thành lũy dài 1.500 cây số đi từ Đại Đồng (Da Tong) thuộc tỉnh Sơn Tây đến Sơn Hải quan bên cạnh bờ biển Bột Hải.

Dến đời nhà Tùy (589-618), sau khi thống nhất đất nước, họ chỉ cho sửa chữa và tu bổ những thành lũy đã có. Qua ba triều đại Đường, Tống và Liêu, việc xây cất thành lũy gần như bị ngưng hẳn. Nhà Bắc Kim (1115-1234) gốc thiểu số Nữ Chân (Jurchen) sau khi tiêu diệt nhà Liêu và nhà Tống cho xây cất thêm một đoạn thành lũy dài 1 500 cây số đi từ lưu

vực sông Hoàng Hà đến sông Tùng Hoa (Song Hua) thuộc tỉnh Hắc Long Giang (Hei Long Jiang).

Phải đợi tới nhà Minh (1368-1644), vua Thái Tổ Chu Nguyên Chương (1368-1399) ủy thác tướng Từ Đạt (Xu Da, 1329-1383) tu bổ và sửa chữa bằng gạch và đá cùng như tiếp tục xây cất thêm một đoạn dài 1 000 cây số. Công trình tiếp tục xây cất kéo dài trong 200 năm để chống lại nhóm tàn dư của nhà Nguyên và thiểu số Nữ Chân cư trú ở tỉnh Hắc Long Giang. Đó là đoạn thành lũy dài 550 cây số, cạnh núi Thái Hàng (Tai Hang) ở phía bắc tỉnh Hà Bắc giáp giới với Ngũ Đại Sơn (Wu Tai Shan) thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngoài ra đoạn Bát Đạt Linh được xây cất năm từ năm 1505 đến 1582 dưới nhiều thời vua nhà Minh, cách Bắc Kinh 70 cây số về Tây Bắc mà du khách mỗi lần đến Bắc Kinh thường đến thăm.

Nói tóm lại, nếu cộng lại những thành lũy được xây cất qua các triều đại thì Vạn Lý Trường Thành phải có tới ngoài 10 000 cây số vì lẽ thành lũy xây cất ngoằn ngoèo dọc theo núi. Lại nữa, ở nhiều nơi có nhiều đoạn được xây cất song song hoặc theo dọc ngang tùy theo hoàn cảnh vào lúc đó.

### Nhiệm vụ và kiến trúc của Trường Thành

Nhiệm vụ của Trường Thành không những có mục tiêu về quân sự mà còn có mục tiêu về kinh tế và thương mại. Lợi dụng xây cất thành lũy, các vua chúa Trung Hoa nối tiếp cho khai khẩn đồn điền hoang vu để tăng gia sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi ở các vùng biên giới. Dưới thời Tần Thủy Hoàng, nhiều đoạn đường lớn được nối liền từ thủ đô Hàm Dương (Xian Yang) với 12 thị trấn được thành lập dọc theo Trường Thành. Nhờ vậy mà việc di chuyển thư tín cũng như việc di lại của các thương gia bằng xe mòoc (caravane) được dễ dàng. Đến đời nhà Hán, con đường tơ lụa được thành lập để bang giao về thương mại với các nước Trung-Á và từ đó sang đến Âu châu. Chẳng hạn thành lũy Ngọc Môn quan xây cất năm 101 TCN thời vua Hán Vũ Đế ở tỉnh Cam Túc được 700 kỵ binh trấn giữ để phòng vệ 8 000 dân cư. Nhờ vậy mà việc buôn bán rất thịnh vượng. Nơi đây các thương buôn

trao đổi ngọc, vàng, đá quý, ngựa, lạc đà, lụa, đồ gia vị, v.v. Cùng nhau con đường này mà Phật giáo từ Ấn Độ được đưa vào Trung Quốc và sau đó trở thành tôn giáo chính của xứ này.

Dương nhiên, nhiệm vụ trọng yếu của Trường Thành qua nhiều thế kỷ là quân sự như đã nói trên.

Về cách tổ chức, thượng thư bộ binh đảm trách nhiệm vụ phòng vệ biên giới. Dưới thời nhà Minh, từ sông Áp Lục (Ya Lu) nơi biên giới với Triều Tiên đến Gia Dụ quan, họ cho thiết lập chín trấn (Zhen) và mỗi trấn có 10 vạn quân đóng giữ. Mỗi trấn đảm trách một đoạn Trường Thành chẳng hạn trấn Liêu Đông đảm trách 1 000 cây số từ sông Áp Lục đến Sơn Hải quan. Dưới quyền của tổng trấn là tổng quan (cửa) hay thủ bị (shou bei). Tùy theo quan trọng của mỗi cửa (quan), số quân lính có từ vài trăm đến một ngàn người.

Còn về các cửa, Trường Thành có hơn một ngàn cửa từ đông sang tây trong đó có 6 cửa nổi tiếng dùng để làm phòng vệ Bắc Kinh. Đó là ba cửa vòng ngoài thuộc tỉnh Sơn Tây : Nhạn Môn (Yan Men), Ninh Vũ (Ning Wu), Thiên quan (Pian guan) . Còn ba cửa vòng trong thuộc Bắc Kinh có tên là Cư Dung, Đảo Mã (Dao Ma), Tử Kinh (Zi Jing). Mỗi tên cửa đều có ý nghĩa riêng của nó. Chẳng hạn như cửa Nhạn Môn là cửa của những con chim nhạn hoang dại bay qua trong khi cửa Cư Dung là nơi cư trú của dân nghèo bị cưỡng bách làm lao dịch.

Về việc kiến trúc của Trường Thành, hình dạng cấu trúc và kỹ thuật xây dựng biến đổi tùy theo triều đại. Thành lũy đời Tần và Hán thường xây cất bằng cây liêu giỏ đỗ (osier), cây sậy trộn với đất và cát. Đến đời nhà Minh, thành lũy được xây cất bằng đất trộn đá sỏi có thêm những khối đá bao phủ bên ngoài. Để chống lại sự tàn phá của thiên nhiên, người ta dùng vôi trộn với cát và bột gạo để làm hồ xây cát. Theo các chuyên gia, nhò nước của bột gạo mà gạch dính liền nhau rất chắc. Nhờ vậy mà nhiều đoạn thành lũy vẫn còn kiên cố và còn được bảo quản tốt như đoạn Bát Đạt Linh, đoạn Cư Dung quan, đoạn Mộ Diên Dụ (Mu Tian Yu) ở phía đông và bắc của Bắc Kinh.

Về kích thước, ở những nơi hiểm trở,

chiều cao của thành lũy có từ 3 đến 5 thước so với bình quân 7-8 thước ở các nơi khác. Chiều ngang rộng 4,5 thước có thể để 10 quân lính hay 5 ngựa đi tuần. Trên thành tường còn có sân canh phòng và tháp canh. Vai trò quân sự của sân canh phòng rất quan trọng vì là nơi quân lính trấn giữ và cũng là nơi phòng vệ khi quân địch leo tường. Còn tháp canh vừa là nơi ẩn trú chống thời tiết nóng lạnh của quân lính (từ 30 đến 50 người) và cũng là nơi canh phòng sự hiện diện của quân địch từ phương xa. Vì vậy tháp canh có chiều cao từ 9 đến 12 thước và chiều ngang từ 38 đến 57 thước. Dưới thời nhà Minh có hơn 3 000 tháp canh được xây cất chung quanh hai cửa Tuyên Hóa và Đại Đồng. Ở những nơi quan trọng, cứ mỗi 200-400 thước đều có một tháp canh, kỳ dư là từ 20 đến 45 cây số. Đề báo hiệu sự hiện diện của địch, 4-5 ống khói được xây cất ở mỗi tháp canh. Theo sử liệu để lại từ đời Đường, người ta dùng phân chồn vì ngọn khói đen có thể thấy từ xa. Một ống khói báo hiệu có 50 đến 500 quân địch, hai ống khói báo hiệu có 500 đến 5 000 và 4 ống khói từ 1 000 đến 10 000. Sang đời vua Thành Hóa nhà Minh, một đạo luật ban hành năm 1466 qui định ngoài việc đốt khói còn có thêm bắn pháo. Một pháo và một khói báo hiệu có 100 quân địch, 2 pháo và 2 khói báo hiệu 500, 3 pháo và 3 khói báo hiệu hơn 1 000, 4 pháo và 4 khói báo hiệu 5 000, 5 pháo và 5 khói báo hiệu 10 000.

### Những kỷ niệm cá nhân

Năm 1993, tôi lái xe đò đi trên con đường Karakoram highway dài độ 1 000 cây số từ Islamabad, thủ đô xứ Pakistan, đến Kashgar thuộc tỉnh Tân Cương của Trung Quốc sau khi qua đèo Khunjerab cao gần 5 000 thước. Mục tiêu chính là đi đoạn đường tơ lụa từ Kashgar mà người Trung Quốc gọi là Kashi đến Tây An. Từ Kashgar du khách có thể đi sang xứ Kirghizistan để đi Samarkand và Boukhara nay thuộc xứ Uzbekistan tới Istanbul (Constantinople cũ) sau khi qua các nước I-Ran, I-Rắc, Syria. Cùng từ Kashgar, nếu đi về Tây An thì có hai con đường. Con đường phía bắc đi qua các thị trấn Aksu, Kuqa, Korla, Turfan, Hami, Liêu Viễn (gần Đôn Hoàng), Gia Dụ quan, Trường Dịch (Zhang Ye), Vũ

Uy (Wu Wei), Lan Châu, Tây An. Con đường phía Nam đi qua các thị trấn Diệp Thành (Ye Cheng) hay Yarkand, Hoa Diền (He Tian) hay Hotan, Vu Diền (Yu Tian), Thả Mạt (Qie Mo), Nhuộc Khuong (Ruo Qiang), Lâu Lan (Lou Lan), Đôn Hoàng, Tây Ninh (Xi Ning), Lan Châu, Tây An.

Tren con đường phía nam, du khách lúc đó chỉ có thể đi tới Hotan vì đoạn đường sau đó là vùng quân sự nơi thí nghiệm bom nguyên tử của Trung Quốc ở Lop Nor. Vì vậy mà tôi chỉ đi tới Hotan rồi sau đó trở lại Kashgar để lấy con đường phía bắc. Và cũng vì thời gian eo hẹp, tôi lấy máy bay thay vì đi xe đò để đến Urumqi, thủ phủ tỉnh Tân Cương. Từ thành phố này đến Tây An dài 2 700 cây số, tôi lấy xe đò đi Đôn Hoàng sau khi đi qua Turfan và Hami. Turfan là một trong thành phố lớn trên con đường tơ lụa và là trung tâm Phật giáo trước khi dân chúng quy theo đạo Hồi ở thế kỷ 8. Đặc điểm của thị trấn này là trời nóng gần 50 độ vào mùa hè và là một trong những nơi thấp nhất của thế giới (154 thước dưới mặt biển sau Biển Đen). Turfan còn có một thung lũng vườn nho (rất ngọt). Người Hồi, vì lý do tôn giáo, không được uống rượu nhưng họ được phép chế biến để xuất cảng. Ngoài ra, họ còn đem phoi khô nho hoặc đem bán cho các thị trấn gần.

Chung quanh thành phố này còn nhiều di tích lớn như cổ thành Cao Xương (Gao Chang), thủ đô của người Hồi thành lập ở thế kỷ 7 sau khi di từ Mông Cổ đến Tân Cương, cổ thành Giao Hà (Jiao He), một trấn canh phòng biên giới đời Hán bị quân Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan) thiêu hủy, động một ngàn Phật Bezeklik bên cạnh núi Hoá Diệm Sơn. Động một ngàn Phật được đào trong vách núi và chạm khắc hình tượng Phật bằng đá dù bị hư hỏng nhiều và bị người ngoại quốc đánh cắp vẫn còn quyến rũ du khách. Núi Hoá Diệm Sơn là nơi thày Tam Tạng đi thỉnh kinh trong truyện Tây Du ký. Ngày nay người ta còn tưởng niệm bằng cách xây một tượng đá của ba nhân vật thầy Tam Tạng, Tôn Ngộ Không và Trư Bát Giới trước cửa vào. Cho đến nay tôi mới hiểu tại sao người Trung Quốc gọi Hoá Diệm Sơn. Lý do là mặt trời nóng chiếu vào núi làm người ta nhìn từ xa như lửa cháy

đó xem rất ngoạn mục.

Sau đó tôi tới động Đôn Hoàng còn có tên là động Mạc Cao (Mo Gao) nằm trên sa mạc Gobi thuộc tỉnh Cam Túc, cách cửa Gia Dụ quan độ 250 cây số về phía tây nam. Thị trấn Đôn Hoàng, một quận dưới đồi Hán Vũ Đế cách đây hơn 20 thế kỷ, được xây cất làm nơi mậu dịch của các thương buôn trên con đường tơ lụa. Động Mạc Cao cách thị trấn Đôn Hoàng độ 25 cây số là nơi được các nhà khảo cổ về Phật học và du khách ham chuộng với những tranh khắc đục trên vách núi trong các hang động từ đời 16 triều đại đến bắc Ngụy rồi sang đời Tùy, Đường và Tống. Theo truyền thuyết, hòa thượng Lạc Tôn (Le Zun) trong chuyến Tây Du khi nhìn trên núi Tam Nguy (San Wei) có ảo tưởng như nhìn một ngàn tượng Phật. Vị hòa thượng này sau đó cho chạm khắc trong một hang động đầu tiên, năm 366, những hình tượng Phật. Qua các triều đại kế tiếp, gần một ngàn động được đục khoét cho đến đời Tống.

Đôn Hoàng trong nhiều thế kỷ trở thành điểm hẹn của văn hóa Phật học trên con đường tơ lụa. Rồi với thời gian, Đôn Hoàng bị quên lãng cho đến đầu thế kỷ 20. Năm 1900, một đạo sĩ tên Vương Viên Lục (Wang Yuan Lu) tình cờ tìm thấy trong một hang động đầy những bản thảo và tranh. Họ Vương vì ham lợi không ngần ngại cho phép một người Anh Aurel Stein mang về xứ, năm 1907, 24 thùng bản thảo và 5 thùng tranh ảnh mà ngày nay người ta còn tìm thấy ở British Museum. Tiếp sau đó đến lượt người Pháp (ông Pelliot), người Đức, người Mỹ, người Thụy Điển, người Nga, người Nhật đến mua rẻ hoặc đánh cắp di sản của Đôn Hoàng. Ngày nay chỉ còn có 492 động còn được bảo quản trên một chiều dài 1,6 cây số với 2 000 tượng ảnh và 45 000 tranh tường (fresque). Du khách (năm 1993) chỉ được phép tham quan từ 15 đến 30 động tùy theo giá vào cửa. Dù vậy đối một du khách từ xa đến như tôi cũng có thể gọi là điều hi hữu.

Đôn Hoàng còn cho tôi một kỷ niệm bất ngờ khác là gặp lại người "bà con" xa lạ. Một hôm ở khách sạn, một bà đang tuổi trung tuần họ Nguyễn (Ruan) đang bán tranh vẽ. Sau khi hỏi chuyện, được biết gia đình bà di tản từ tỉnh Chiết

Giang từ cuối nhà Thanh vào đây lập nghiệp. Chiết Giang cũng là quê hương của Việt Câu Tiên ... Ở Trung Quốc nếu họ Trương có đến 75 triệu người thì họ Nguyễn chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay !

Rời Đôn Hoàng với niềm luyến tiếc không phải vì bà Nguyễn mà vì phong cảnh huyền bí hiếm có của nó, tôi lấy xe đò trực chỉ về cửa Gia Dụ quan với đoạn Trường Thành cuối cùng. Năm giữa sa mạc Gobi về phía bắc và núi Kỳ Liên (Qi Lian) ở phía nam, cửa Gia Dụ quan và đoạn Trường Thành cuối cùng xây cất từ đời nhà Minh năm 1372 được tu sửa xem thật uy nghi hùng vĩ. Cửa Gia Dụ quan có hình thang (*trapézoidale*). Thành tường đông có 154 thước, thành tường tây 166 thước và hai thành tường nam bắc 160 thước. Miếu Quan Vũ nằm ở thành tường phía tây. Một tấm biển ghi ở cửa vào "*Thiên hạ đệ nhất quan*" (*Tian xia di yi guan*) với hàm ý "cửa đứng vào bậc nhất của trần gian". Gần đó, đoạn Trường Thành cuối cùng tương đối không cao lắm, du khách có thể leo tận trên cao ...

Vạn Lý Trường Thành là một công trình khổng lồ được xây cất qua nhiều thế kỷ với mục tiêu quân sự. Nhưng không phải vì thế mà người Hán có thể ngăn cản được các dân tộc thiểu số thống trị đồng bằng Trung Nguyên trong năm thế kỷ (qua ba triều đại Kim, Nguyên, Mân Châu). Vào mỗi thời đại, Trường Thành là nơi chôn xác của cả chục đến cả trăm vạn người vô tội nhất là ở thời kỳ của Tần Thủy Hoàng. Người ta ước tính cứ mỗi thước được xây cất của Trường Thành là có một nạn nhân. Như vậy số nạn nhân của Vạn Lý Trường Thành lên đến nhiều triệu người. Trên phương diện đó, Trường Thành là biểu tượng sự tàn bạo của con người. Nhưng đứng trên phương diện sáng tạo, Trường Thành cũng như Kim Tự Tháp của Ai Cập để lại cho hậu thế những kinh nghiệm quý báu về xây cất với kỹ thuật thô sơ đương thời.

Có lẽ vì là một công trình huyền bí trên thế gian nên người Trung Quốc thường nói : "*Bất đáo Trường Thành phi hào hán*" có nghĩa là không phải là người "anh hùng" nếu chưa đặt chân tới Trường Thành.

**Nguyễn Phi Phụng**

## A Phú Hân chuẩn bị thời kỳ hậu Taliban

Mặc dù tổng thống Bush đã tuyên bố là ông "sẽ không cho băng những chiếc hỏa tiễn trị giá mười triệu đô la vào các tấm liêu mười đô la", áp lực của công luận và các chính phủ Ả Rập và Hồi giáo đồng minh đã khiến cho quân đội Hoa Kỳ cũng đã cố gắng sử dụng khí giới chính xác để tránh tối đa thiệt hại cho thường dân trong ba tuần lễ đầu của cuộc chiến A Phú Hân. Nhưng quân Taliban quá thô sơ và tàn ác để chiến lược phá hủy bộ máy điều khiển có hiệu quả. Thất bại của nó đã bắt buộc Hoa Kỳ phải trả lại chiến thuật "thảm bom" cổ điển với các chiếc B-52 "lão thành". Họ phối hợp với Mặt trận Thống nhứt - danh xưng chính thức của Liên minh miền Bắc - để gây áp lực trên quân Taliban, buộc các "sinh viên thần học" phải tập trung binh lính, để oanh tạc chúng một cách hiệu quả hơn. Kết quả đã đến nhanh chóng. Mười ngày sau khi chiến lược này được áp dụng, Mặt trận Thống nhứt chinh phục Mazar-e-Charif, thành phố miền Bắc lớn nhất. Thắng lợi này mở đường Kabul cho Mặt trận Thống nhứt nhưng đạo quân của cố chỉ huy trưởng Massood đã chờ đến ngày 14-11 để tiến vào thủ đô A Phú Hân. Lý do vì nước Pakistan không muốn Kabul rơi vào tay của một lực lượng không thuộc sắc tộc Pashtun và đã làm áp lực để Hoa Kỳ ngăn cản tiến công của Mặt trận Thống nhứt. Nhưng thật ra, Mặt trận Thống nhứt cũng không có cách nào khác hơn là tiếp thu một thành phố không còn chủ nữa. Sự rút lui trong trật tự của quân Taliban đã khiến cho các nhà quan sát tưởng rằng đây là một lựa chọn chiến lược nhưng sau Kabul, đối lập A Phú Hân lần lượt thôn tính hầu hết tất cả các thành phố và tỉnh khác. Ngoài hai trường hợp ngoại lệ, tất cả đều đã đầu hàng mà không giao tranh. Dường như hai thập niên chiến tranh đã cấp cho người A Phú Hân bản tính tiết kiệm những mất mát vô ích. Biến cố thực sự đẫm máu duy nhứt đã xảy ra khi 800 tù binh Taliban nổi dậy trong đồn lùy Qala-e-Janghi và bị Mặt trận Thống nhứt và không quân Mỹ tàn sát sau ba ngày xung đột. Vào chiều 2-12-2001, căn cứ duy nhứt còn ở trong tay chính quyền Taliban là cỏ thành Kandahar, thủ phủ của người Taliban. Để chinh phục thành phố này, lần đầu tiên trong cuộc chiến A Phú Hân, đài Ngũ giác đã cho quân đội Hoa Kỳ tham gia trên đất liền qua các sư đoàn thủy quân lục chiến. Hơn là thành phố Kandahar, Hoa Kỳ muốn bắt sống các đầu não Taliban để biết thêm về sào huyệt Al-Qaeda và tên khủng bố Usama bin Laden. Theo các nguồn tin chót, hắn còn ở A Phú Hân và ẩn nấp trong những hang hốc thiết bị tối tân trong vùng Tora Bora, sát cạnh biên giới Pakistan.

Trong lúc đó, các đảng phái đối lập được Liên hiệp Quốc triệu tập tại cựu thủ đô Tây Đức để tìm kiếm một giải pháp chính trị cho nước A Phú Hân hậu Taliban. Bốn phái đoàn có mặt ở Bonn, là Mặt trận Thống nhứt, nhóm Roma quy tụ xung quanh vua Zaher cũ, nhóm Peshawar gồm có những thành phần Pashtun và cùng ủng hộ Zaher Chah và nhóm Cyprus có hậu thuẫn của Iran. Sau một tuần lễ hòa đàm, các phái đoàn đã đi đến một số kết quả nhưng chưa giải quyết được tất cả vấn đề. Mặt trận Thống nhứt đã chấp nhận hai nguyên tắc mà họ từ chối trước đó, một là sự hiện diện của một lực lượng quốc

tế ở A Phú Hân, hai là việc vua Zaher đóng một vai trò nào đó. Ngược lại, Liên hiệp Quốc đã phải từ bỏ ý kiến thành lập một hội đồng tối cao gồm có mấy trăm đại biểu. Thay vào đó là một ủy ban để chỉ định các thành viên của hội nghị cổ truyền (*Loya Jirga*) "khẩn cấp" do vua Zaher triệu tập và có nhiệm vụ thành lập một chính phủ và soạn thảo một hiến pháp được một hội nghị cổ truyền nói rộng rãi qua sau hai năm. Tuy không có mặt ở Bonn, nhưng cựu chủ tịch Rabbani đã gây nhiều khó khăn. Tuy là lực lượng có ưu thế nhứt vì kiểm soát hơn phân nửa lãnh thổ A Phú Hân và thủ đô Kabul, nhưng Mặt trận Thống nhứt bị nhiều tranh chấp nội bộ chia rẽ. Ông Rabbani là lãnh tụ chính thức của Mặt trận Thống nhứt nhưng tổ chức này còn do một bộ ba điều khiển, "bộ trưởng ngoại vụ" Abdullah Abdullah, "bộ trưởng quốc phòng", tướng Fahim và "bộ trưởng nội vụ", Younos Qanooni. Ba người này đã là "đàn em" của Ahmad Shah Massod, mà ông Rabbani đã là một đối thủ. Họ đã hăm là sẽ bắt cháp lập trường của ông Rabbani nếu ông này tiếp tục gây cản trở cho hội nghị.

## Dân Tiến Đảng của tổng thống Trần Thủy Biển thắng cuộc bầu cử lập pháp Đài Loan

Với 87 ghế trên 225, Đảng Dân chủ Tiến bộ trở thành lực lượng số một ở viện lập pháp (quốc hội) của nước Trung Hoa Dân Quốc, tức Đài Loan. Họ sẽ không gặp khó khăn để thành lập "liên hiệp quốc gia vì ổn định" hứa trong cuộc vận động tranh cử. Trước hết, Dân Tiến Đảng có thể cậy vào hậu thuẫn của 13 dân biểu của Liên minh Đoàn kết do cựu tổng thống Lý Đăng Huy thành lập sau khi bị Quốc dân Đảng trục xuất. Dân Tiến Đảng còn có nhiều triển vọng tranh thủ sự ủng hộ của một số dân biểu Quốc dân Đảng vì chính đảng này không ngừng suy thoái. Sau thất bại cuộc bầu cử tổng thống năm ngoái, chính đảng của cựu thủ tướng Liên Chiểu mất đa số ở quốc hội, từ 110 ghế xuống còn có 68 dân biểu. Đã có ít người tiên đoán thắng lợi của Dân Tiến Đảng. Dường như cử tri Đài Loan đã không muốn "trừng phạt" tổng thống Trần Thủy Biển về cuộc khủng hoảng kinh tế mà hải đảo đang trải qua. Trước lại, họ đã muốn cấp cho tổng thống Trần Thủy Biển tất cả những phương tiện để chỉnh đốn kinh tế. Họ cũng đã muốn củng cố cương vị của ông Trần Thủy Biển vào lúc mà sự gia nhập của Đài Loan và Trung Quốc vào Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng gần gũi với hải đảo với Hoa lục trên bình diện kinh tế. Tuy rằng Quốc dân Đảng đã là kẻ thù không đội trời chung của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến 30-40, thất bại của Quốc dân Đảng cũng là thất bại của Trung Quốc bởi vì cả hai phe đồng ý về lập trường căn bản là chỉ có một nước Trung Hoa duy nhứt. Trong khi đó Dân Tiến Đảng cũng như Liên minh Đoàn kết là những chính đảng đề cao cản cước Đài Loan. Khác với những cuộc bầu cử trước của Đài Loan, kỳ này, Bắc Kinh đã im lặng trong cuộc vận động tranh cử. Trung Quốc đã lựa chọn chính sách tẩy chay ông Trần Thủy Biển vì tin là ông này sẽ không trụ được lâu. Nhưng thắng lợi của Dân Tiến Đảng khiến cho ông Trần Thủy Biển có nhiều khả năng tranh thủ một nhiệm kỳ tổng thống thứ hai.

# THỜI SỰ ... TÌM

# TỨC ... THỜI SỰ

## Nông Đức Mạnh đi Bắc Kinh

Ngày 30-11, ông Nông Đức Mạnh tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đi viếng thăm chính thức Trung Quốc. Đây là lần đầu tiên ông Nông Đức Mạnh công du Bắc Kinh với cương vị này sau khi được đại hội Đảng lần thứ 9 bầu làm tổng bí thư trong tháng 4 vừa qua. Tháng 4-2000, ông Mạnh đã viếng thăm Bắc Kinh nhưng với cương vị chủ tịch quốc hội. Cùng đi với ông Mạnh còn có các ông Trần Đình Hoàn, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức Đảng, Vũ Khoan bộ trưởng thương mại, Nguyễn Duy Niên, bộ trưởng ngoại giao, Nguyễn Văn Sơn, trưởng ban đối ngoại, Ngô Văn Dụ, chánh văn phòng trung ương, Hồ Tiến Nghị trợ lý tổng bí thư, Tạ Quang Ngọc, bộ trưởng thủy sản, Đặng Vũ Chư, bộ trưởng công nghiệp và Võ Hồng Phúc, thứ trưởng kế hoạch và đầu tư.

Chuyến đi Bắc Kinh của ông Mạnh là để "đáp lễ" chuyến đi của hai nhân vật quan trọng của đảng cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, người "thừa kế" của Giang Trạch Dân hồi tháng tư và Lý Băng, chủ tịch quốc hội hồi tháng 9. Mục tiêu chuyến đi của Hồ Cẩm Đào hồi tháng 4 là làm áp lực Đảng Cộng sản Việt Nam để ông Lê Khả Phiêu ở lại thêm một nhiệm kỳ nữa. Còn chuyến đi của Lý Băng là muốn ông Mạnh phải sang Bắc Kinh làm "báo cáo". Người ta để ý Lý Băng không những được ba nhân vật đầu não Hà Nội tiếp đón nồng hậu mà còn được hai cựu tổng bí thư Đỗ Mười và Lê Khả Phiêu tiếp kiến mặc dù ông ta chỉ là nhân vật sê "về vòm" năm tới.

Chuyến đi Bắc Kinh của ông Mạnh vào lúc các đảng viên cộng sản kỳ cựu làm kháng nghị chống Hiệp ước về Biên giới trên Đất liền và Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ giữa hai nước. Hai Hiệp định này dù chưa được Hà Nội cho công bố chính thức nhưng đã được ông Đỗ Việt Sơn (54 tuổi đảng) thô lô trên web theo đó Hà Nội đã nhượng bộ "hàng trăm cây số vuông đất liền và hàng ngàn cây số vuông ở Vịnh Bắc bộ so với Hiệp định Pháp-Thanh đã ký cuối thế kỷ XIX". Ông Sơn còn cho biết Việt Nam chỉ còn có 53% Vịnh Bắc bộ trong khi trước đó Vịnh này hoàn toàn thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong thư kháng nghị công khai gửi cho ba nhân vật đầu não Hà Nội và chủ tịch Quốc hội, ông yêu cầu Quốc hội không cho thông qua hai hiệp định nói trên.

Ông Sơn chắc chắn sẽ hoàn toàn thất vọng nếu ông có đọc báo Nhân Dân ngày 29-11 trích dẫn bài phỏng vấn ông Nông Đức Mạnh của tạp chí Trung Hoa Anh Dài, *Thời báo Kinh tế* với đề tựa "*Tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc là tài sản vô giá của hai Đảng và nhân dân hai nước*". Được hỏi về quan hệ giữa hai nước từ khi được bình thường hóa năm 1991, ông Mạnh đã trả lời như sau : "Tháng 2-1999, cấp cao hai bên xác định phương châm 16 chữ chỉ đạo quan hệ hai nước "lắng gièng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" và tháng 12-2000, ra tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới. Hai bên đã ký Hiệp ước về Biên giới trên Đất liền, Hiệp định Phân định Vịnh Bắc bộ và Hiệp định Hợp tác Nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ là những sự kiện có ý nghĩa lịch sử trong quan hệ hai nước và là đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và trên thế giới. Nhiều

công trình hợp tác kinh tế quan trọng đang và sẽ được thực hiện; thương mại giữa nước trong những năm qua không ngừng được đẩy mạnh và sẽ được nâng lên ít nhất là 5 tỷ USD vào năm 2005. Chúng tôi hài lòng về sự phát triển tốt đẹp đó!"

Qua lời tuyên bố của ông Mạnh, nhân dân Việt Nam sẽ không lạc quan về khả năng thương lượng của Hà Nội về hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa với Bắc triều.

## Thông qua thương ước Việt-Mỹ

Ngày 28-11-2001 vừa qua, quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua thương ước Việt Mỹ với 278 phiếu thuận, 85 phiếu chống và 15 phiếu trắng. Thương ước này sẽ có hiệu lực thi hành bắt đầu từ ngày 1-1-2002. Hy vọng lượng hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong năm tới sẽ tăng lên rất nhanh vì được hưởng mức thuế quan thấp nhất (4% thay vì 40%). Bù lại Việt Nam phải mở cửa thị trường nội địa cho hàng ngoại quốc nhập vào đồng thời phải tôn trọng những qui luật về mậu dịch quốc tế. Cùng nên biết bản thương ước này đã được hai bên ký kết hồi tháng 7-2000, hạ viện Mỹ đã thông qua ngày 6-9 cùng với dự luật nhân quyền Việt Nam và Thượng viện Mỹ thông qua ngày ngày 3-10 nhưng hoãn lại dự luật nhân quyền vừa nói. Và cũng không nên quên rằng trong thời gian tới nhiều công ty có vốn đầu tư nước ngoài sẽ lợi dụng qui chế ưu đãi thuế này để xuất khẩu gián tiếp hàng hóa của nước mình sang Hoa Kỳ qua ngã Việt Nam. Tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới của Việt Nam sẽ là bước đi kế tiếp.

## Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn không còn nữa

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, thường được biết đến dưới tên Đoàn Chuẩn - Từ Linh, vừa qua đời ngày 15-11-2001 tại Hà Nội, thọ 77 tuổi. Đoàn Chuẩn là một ngôi sao sáng trong làng tân nhạc Việt Nam. Ông sáng tác không nhiều, chỉ 13 tác phẩm, nhưng tác phẩm nào cũng là một tuyệt tác. Cái tên Từ Linh là do ông muốn ghép chung với tên mình. Từ Linh, đã qua đời khá lâu, là một nhà thơ và là người em kết nghĩa với Đoàn Chuẩn. Phần lớn nhạc phẩm của ông ca ngợi tình yêu lãng mạn và màu thu Hà Nội. Khó ai quên được những *Thu quyến rủ*, *Gởi gió cho mây ngàn bay*, *Tà áo xanh*, *Lá thư*, *Chuyển bến*, *Lá đồ muôn chiều*, *Vịnh biêt*, v.v. Những bài hát này ra đời cùng thời với nhóm Tự Lực Văn Đoàn của Nhất Linh, tạo ra một phong trào sáng tác văn học và âm nhạc mới, mang âm hưởng phương Tây, nhất là trường phái lãng mạn (*romantisme*) do Pháp đưa vào trong thập niên 1940, một mặt để ru ngủ tinh thần chống Pháp của giới thanh niên và mặt khác để khuyến khích giới thanh niên sáng tác bằng chữ quốc ngữ la tinh hóa.

Khác với những nghệ sĩ khác, như Phạm Duy và Văn Cao, giai đoạn sáng tác nhạc của Đoàn Chuẩn rất ngắn, khoảng 10 năm, phần lớn là trong thập niên 1940. Nhạc của ông chính vì thế đã được xếp vào loại nhạc tiền chiến, nghĩa là trước cuộc chiến tranh giành độc lập bắt đầu từ 1946. Trong suốt thời gian tham gia kháng chiến, ông không còn sáng tác nữa. Hết chiến tranh, ông ở lại Hà Nội và sống cuộc đời đạm bạc.

## Tin buồn

Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ và Tập hợp Dân chủ Đa nguyên đau buồn báo tin :

**Ông Phạm Thái**  
(tên thực Nguyễn Ngọc Tân)  
đã từ trần ngày 12-11-2001 tại Sài Gòn,  
hưởng thọ 80 tuổi.

Sinh năm 1921 tại Vinh Long, ông Phạm Thái tham gia Đại Việt Quốc dân Đảng năm 1939 ngay sau khi học xong trung học. Ông nhanh chóng trở thành một cấp lãnh đạo lớn trong đảng và bôn ba khắp nơi trong nước và vùng Đông Nam Á. Ông đã nhiều lần vào tù ra khám dưới chế độ thuộc địa Pháp và hai lần thoát hiểm trong chiến dịch khủng bố các đảng phái quốc gia của Đảng Cộng sản. Dù gặp nhiều gian lao, Phạm Thái đã kiên trì liên tục chiến đấu.

Sau hiệp định Genève năm 1954, Phạm Thái làm chủ bút tuần báo Tự quyết của Đảng Đại Việt xuất bản tại Sài Gòn. Bị chính quyền Ngô Đình Diệm truy lùng, ông tị nạn tại Nam Vang cho tới cuối năm 1963. Phạm Thái là thành viên sáng lập và lãnh đạo cao cấp của Tân Đại Việt từ 1964. Trong cương vị một lãnh tụ Đảng Tân Đại Việt, ông đã giữ chức vụ cố vấn phó thủ tướng đặc trách bình định, rồi dân biểu quốc hội Việt Nam Cộng hòa cho tới ngày 30-4-1975.

Ông bị chính quyền cộng sản bắt giam từ 1975 đến 1990.

Năm 1992, ông sáng lập và làm phó chủ tịch Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ. Vì hành động này, ông bị bắt và bị kết án 11 năm tù năm 1995, nhưng được trả tự do năm 2000 nhờ áp lực của dư luận, các chính phủ dân chủ và các tổ chức nhân quyền.

Phạm Thái là thân hữu quý mến và gắn bó của Tập hợp Dân chủ Đa nguyên.

Phạm Thái là một lãnh tụ hàng đầu của Đảng Đại Việt và của cuộc đấu tranh giành độc lập cho đất nước với lập trường tự do và dân chủ thực sự. Ông cũng là một nhà tư tưởng và một nhà báo lớn. Nhưng quan trọng hơn hết, ông là một con người yêu nước chân chính, dũng cảm và lương thiện.

Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ và Tập hợp Dân chủ Đa nguyên thành kính chia buồn cùng bà Phạm Thái và gia đình, và nghiêng mình kính cẩn trước anh linh một con người mà đất nước Việt Nam có thể tự hào.

**Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ  
Tập hợp Dân chủ Đa nguyên**

## Mục lục

1. Giúp người Afghanistan xây dựng một quốc gia  
**Thông Luận**
2. Châu Âu tiến vào kỷ nguyên Euro  
**Nguyễn Văn Huy**
4. Hội nghị Doha mở một giai đoạn toàn cầu hóa mới  
**Diệp Tường Bảo**
6. Về chênh lệch thu nhập vùng và giữa thành thị nông thôn  
**Nguyễn Mạnh Hùng**
9. "Thành công Thế kỷ 21" ra mắt tại Bắc Mỹ  
**Cung Trầm - Lý Nhân Bản**
11. Phản đối sự im lặng của Giáo hội Công giáo Việt Nam  
**Nguyễn Văn Minh**
12. Muốn thay đổi chế độ chính trị phải thay đổi văn hóa  
**Tôn Thất Thiện**
15. Người Việt ác độc - Người Việt nhân ái  
**Trần Nhân Đạo**
19. Muôn năm chống tham nhũng !  
**Phạm Quế Dương**
23. Phạm Thái và thân phàn Việt Nam  
**Nguyễn Gia Kiểng**
26. Vạn lý trường thành  
**Nguyễn Phi Phụng**
30. Thời sự
32. Tin buồn : Phạm Thái qua đời  
**Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ Tập hợp Dân chủ Đa nguyên**